

Số 250

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Vui thay
sống biết đủ
Tr. 14

Lịch sử cần
công minh
Tr. 34

Cùng
Quá Đường
Tr. 8



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

www.hoasengroup.vn

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN

1800 1515

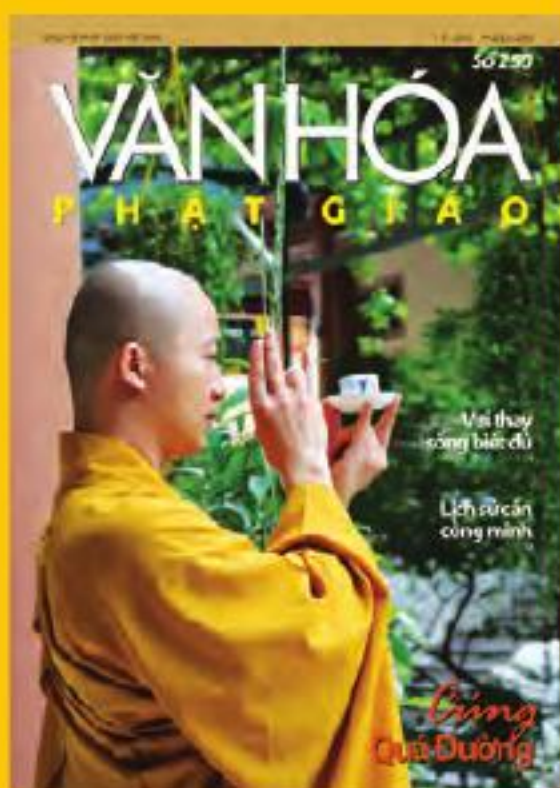
A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
WORLD LEADING
2014



TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015

<http://tieulun.hopto.org>



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trì sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Từ móng tay quyền lực... (Nguyễn Cẩn)	4
Cúng Quá Đường (Thích Nguyên Tạng)	8
Tấm bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh (Đinh Thị Toan)	11
Vui thay sống biết đủ (Nguyễn Thảo)	14
Đứa con cùng khổ trở về nhà (Nguyễn Thế Đăng)	18
Con đường đi đến giải thoát sanh tử (Thích Như Điển)	20
Hãy đọc các dòng chữ trong tâm thức mình (Upasika Kee Nanayon - Hoang Phong dịch)	22
Sao một mình trong rừng (Tấn Nghĩa)	26
Từ bi trong đạo Phật (Ngô Bốn)	28
Một số điều sai sự thật trong sách Khởi nghĩa Lam Sơn (Hoàng Tuấn)	31
Lịch sử cần công minh (Tôn Thất Thọ)	34
"Sáng tạo" văn hóa bằng tư duy nhân rộng (Lê Hải Đăng)	38
Thói quen cũng phải tu tập (Hoàng Tá Thích)	40
Văn tế thảm họa cá chết dọc biển 4 tỉnh miền Trung (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	42
Níu lại tuổi thơ (Thế Nguyễn)	44
Nơi hoang vu phận người (Nhụy Nguyên)	46
Buồng cau trong lễ cưới người Khmer (Thạch Ba Xuyên)	50
Thơ (Nguyễn Thọ, Trường Khánh, Nguyễn Dũng, TK.Vy Tiểu, Nguyễn Tịnh Bình)	52
Người leo núi (Bùi Quang Dũng)	54
Đến với Phật cùng tôi (Cao huy Thuần)	57
Dấu xưa Nhất Linh (Trịnh Chu)	58
Nghĩa trang "đặc biệt" trong bệnh viện tâm thần (Bùi Trường Trí)	60

Bìa 1: Cúng Đại bàng. Ảnh: Ngô Văn Thông.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Khi số báo này đến tay quý độc giả thì mùa An cư Phật lịch 2560 đã diễn ra được hơn một tuần lễ. Trên khắp cả nước, các trường hạ đã được tổ chức chu đáo để chư tôn đức Tăng Ni có nơi tu tập suốt ba tháng mùa hè, toàn tâm toàn ý tập trung vào việc thúc liễm thân tâm, trau dồi Giới - Định - Tuệ, giữ gìn quy củ chốn tông lâm, trang nghiêm Giáo hội, mang lại lợi lạc tự thân và góp phần làm lợi ích xã hội. Mùa An cư cũng là lúc hàng Phật tử tại gia thực hiện vai trò cận sự của mình, đóng góp cụ thể vào sự tu tập của hàng xuất gia bằng việc cúng dường tứ sự hoặc thực hành công quả tại chỗ, giúp thành tựu hạnh nguyện bố thí. Cũng trong thời gian này, hàng Phật tử tại gia có điều kiện thân cận các vị tu sĩ để được tham khảo về giáo pháp, tăng trưởng giới hạnh. Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo nguyện cầu Đức Thế Tôn gia hộ cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành tựu mùa An cư năm nay, mang lại niềm tin và sức mạnh cho toàn thể Phật tử Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin cáo lỗi với các vị cộng tác viên có gửi bài đóng góp cho số báo đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản mà không được chọn đăng. Những bài viết đó hoặc được gửi đến quá trễ, hoặc có đề tài và nội dung trùng với những bài đã được đăng tải. Nhân đây, chúng tôi cũng thông báo rằng tạp chí thường nhận được khá nhiều những bài tản văn có đề tài liên quan đến lòng nhớ quê, nhớ mẹ, hồi ức tuổi thơ... Do tính chất của đề tài, hầu hết các bài viết đều có nội dung na ná nhau; e rằng việc đăng tải những bài viết với những đề tài ấy sẽ khiến độc giả nhàm chán; tạm thời, tạp chí sẽ tạm gác các bài viết như vậy. Chúng tôi mong rằng quý vị cộng tác viên sẽ thông cảm.

Nhân mùa An cư Phật lịch 2560, VHPG nguyện cầu Tam bảo gia hộ mọi người đều đạt được những thành tựu tu tập.

Kính chúc quý độc giả luôn có được niềm vui tự nội!

Văn Hóa Phật Giáo



Kẻ chí thiện từ bỏ

Mọi ác hạnh ở đời

Diệt trừ tham, sân, si

Tìm giải thoát thanh tịnh.

Kinh Đại Bát Niết-bàn - Kinh Trường Bộ



Từ móng tay quyền lực...

NGUYỄN CẦN



Khi quyền lực chỉ bằng cái móng tay

Trở lại câu chuyện xôn xao dư luận cuối tháng Tư vừa qua, vụ án ông Nguyễn Văn Tấn, chủ quán *Xin Chào* ở huyện Bình Chánh, bị truy tố tội kinh doanh trái phép, vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trước đó, khi giải thích về việc không có Giấy chứng nhận (GCN) An toàn Vệ sinh Thực phẩm thì có bị coi là kinh doanh không có giấy phép hay không - riêng trong trường hợp pháp luật quy định phải có giấy phép theo Điều 159 Bộ Luật Hình sự (BLHS) 1999 - người trước đây phụ trách vụ án này vốn là nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân (KSND) huyện Bình Chánh đã giải thích với báo *Pháp Luật TP.HCM* rằng: "Đó chính là giấy phép riêng để đảm bảo kinh doanh đúng quy định".

Trong khi đó, một quan chức khác thì nói: "... Về câu chữ, thuật ngữ giấy phép và giấy chứng nhận cho cơ sở kinh doanh đang còn lẫn lộn. Tôi ví dụ, trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu buộc phải có Giấy Chứng nhận đủ điều kiện Phòng cháy Chữa cháy và đây được xem là một loại giấy phép". Ông còn nói thêm rằng ông xem việc này nhỏ như cái móng tay (!). Nhưng cái móng tay ấy có thể đẩy một con người lương thiện vào vòng lao lý, một doanh nghiệp đến chỗ đóng cửa, thì không phải chuyện đùa nữa rồi.

Đã có nhiều luật sư, nhiều nhà báo phân tích cái sai trong việc viện dẫn Điều 159 BLHS của các cơ quan chức năng huyện Bình Chánh; ví dụ như "...tại Điều 9 Nghị định 118/2015 (hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư) quy định điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:

- a/ Giấy phép;
- b/ GCN đủ điều kiện;
- c/ Chứng chỉ hành nghề;
- d/ Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- e/ Văn bản xác nhận...

Đến đây hẳn chúng ta thấy rõ giấy phép chỉ là một trong các điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư chứ không được đồng nhất giấy phép với GCN đủ điều kiện... Nói cách khác, giấy phép là giấy phép, GCN là

GCN, pháp luật đã quy định rất rõ ràng, rành mạch, không nên lẫn lộn và không có gì phải lẫn lộn.

Như vậy, việc cơ quan tố tụng huyện Bình Chánh đồng nhất GCN ATVSTP như giấy phép là sai lầm. Thế nên, hành vi của ông Tấn không thuộc trường hợp “kinh doanh không có giấy phép riêng trong trường hợp pháp luật quy định phải có giấy phép”. Nói cách khác, hành vi của ông Tấn không phạm tội kinh doanh trái phép, do đó không có cơ sở để khởi tố, truy tố ông Tấn về tội này. Sau khi các cơ quan báo chí đồng loạt lên tiếng và đích thân lãnh đạo thành phố, rồi Thủ tướng, ra lệnh giải quyết vụ việc này; thì xem ra các cơ quan tố tụng và công an huyện Bình Chánh đã cố ý “thối phổng” một sự việc, “hình sự hóa” một lỗi nhỏ của người dân vì lý do hay động cơ gì đó đến nay chưa rõ. Cuối cùng Viện KSND TP.HCM thống nhất đình chỉ vụ án.

Sự việc chưa hết rắc rối khi người ta được biết ông Nguyễn Văn Bì, người cho ông Tấn thuê đất, bị truy tố tội “Vi phạm các quy định về quản lý nhà ở” theo Điều 270 Bộ luật Hình sự khi ông dựng một cái chòi! Ngày 26-1-2016, Phó Viện trưởng VKSND huyện Bình Chánh Lê Thanh Tòng phê chuẩn quyết định khởi tố bị can (ông Quý và ông Tòng cũng là người ký hồ sơ khởi tố vụ ông Tấn, chủ tiệm Xin Chào). Tại Kết luận Điều tra của Công an huyện Bình Chánh cũng ghi nhận, ông Bì dựng chòi chứa vật tư trồng cây. Việc xây dựng chòi lán một đã bị phạt, phải phá đi hồi tháng 7 năm 2015. Lần thứ hai cũng cột cây, vách lá, mái lá nhưng diện tích nhỏ hơn, chỉ 35m², thế nhưng, trong kết luận điều tra lại nhận định: *“Hành vi của bị can là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tình hình quản lý trật tự quản lý đô thị, phá vỡ quy hoạch tổng thể chung tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, do đó cần phải đưa ra xét xử...”*.

Theo Luật sư Trần Hải Đức, việc khởi tố tội này đối với ông Bì là không có căn cứ vững chắc. Bởi vì, đối tượng điều chỉnh của Điều 270 BLHS phải là “nhà ở”, mà khái niệm này theo Luật Nhà ở “là công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân”. Đằng này ông Bì dựng chòi để “làm nơi chứa vật tư trồng cây” (điều này đã được ghi nhận trong Kết luận Điều tra của Công an). Nếu không phải là nhà ở, tức không đúng đối tượng của tội phạm quy định tại Điều 270 BLHS. Có luật sư phân tích thêm, đặt vấn đề nếu là nhà ở thì cũng còn phải xem xét nhà đó có thuộc đối tượng buộc phải xin phép xây dựng hay không. Nếu không thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng thì việc xây dựng không phạm tội phạm không bị xem là phạm tội. Nếu khu đất của ông Bì dựng chòi lá thuộc khu vực nông thôn chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, thì căn cứ điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng, sẽ được miễn giấy phép xây dựng.

Việc Trường Công an huyện Bình Chánh khởi tố vụ án đối với ông Nguyễn Văn Bì đã diễn ra nhiều tháng qua, nhưng ông Bì nói: *“Tôi không ngờ mình bị xử hình sự, là người dân thấp cổ bé họng, tôi biết kêu ai bây giờ! Nay đọc thông tin, hay tin người thuê đất của tôi là ông Nguyễn Văn Tấn, chủ tiệm phở đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo dừng hình sự hóa vụ án, tôi mới mạnh dạn mang đơn tìm nhà báo kêu cứu”*.

Đến gót chân Achilles của luật pháp

Dù chưa có báo cáo cuối cùng và chưa có ai bị kiểm điểm trong vụ án ‘bé xíu như cái móng tay’ nhưng lại gây rúng động dư luận, chúng ta đã có thể thấy gót chân Achilles của luật pháp khi người ta vận dụng hay uốn nắn theo cách hiểu chủ quan của mình. Ông Tấn giờ đây đã thoát án nhưng “cái được” của ông cũng là cái “được” của những vị lãnh đạo cấp cao hơn. Vì có người cho rằng *“Chỉ chậm hơn chút nữa, sức căng tâm lý xã hội sẽ bực vỡ ở đâu đó”*.

Nhưng có phải mọi việc cứ phải chờ ý kiến chỉ đạo từ cấp cao nhất của hành pháp; còn tư pháp để làm gì? Dù rằng tín hiệu từ việc ra lệnh ấy cũng là sự cam kết của người đứng đầu Chính phủ rằng: Sẽ không để yên cho những thế lực, dù nhỏ nhất, vô tình hay cố ý cản trở môi trường đầu tư, làm suy giảm lòng tin của nhân dân. Ông Tấn, hay ông Bì cũng như biết bao người khác, chỉ cần một điều tối thiểu: môi trường bình yên để làm ăn sinh sống và những người lãnh đạo địa phương thực sự hành xử theo công lý, theo lương tâm chức nghiệp của mình. Luôn hướng lòng mình về cái lợi cho dân, cho cộng đồng mà mình được may mắn lãnh đạo. Nếu các cơ quan công quyền chưa làm tròn chức trách tối thiểu ấy, đất nước sẽ không bao giờ phát triển. Đã có rất nhiều phê phán từ trước tới nay, cho thấy có nhiều vụ việc to hơn lạc đà, cuối cùng vẫn đi lọt qua lỗ kim, nhưng lại có những vụ việc bé xíu lại thối phổng lên thành “nguy hiểm cho xã hội” bởi vì nó xuất phát từ cái nhìn biên kiến, thiếu công tâm của những vị công bộc nắm quyền lực trong tay. Liệu việc này có đủ sức “răn đe”, ngăn ngừa những hành vi tùy tiện vận dụng luật pháp của những bậc “dân chi phụ mẫu” ấy không? Đã có lần chúng tôi nhận định về hệ thống pháp luật của chúng ta trong một bài viết trước đây rằng hệ thống ấy đang có những nhược điểm sau:

- a. *Thiếu nhiều văn bản dưới luật.*
- b. *Một luật nhưng nhiều lệ.*
- c. *Nhiều cách diễn giải (interpretation) khác nhau cho một luật.*
- d. *Những kẻ thi hành không đúng và những kẻ không thi hành đúng đều có thể không bị trừng phạt.*

Hãy nghe Claude Frédéric Bastiat, học giả và chính trị gia người Pháp luôn đấu tranh cho tự do và công bình, khi nhận định về sự tùy tiện trong áp dụng luật



pháp ở Pháp trong thế kỷ XIX: *"Luật pháp: đã bị bóp méo! Và quyền giám sát của nhà nước cũng tha hóa cùng với nó!... Luật pháp trở thành vũ khí của lòng tham dưới mọi kiểu! Không những không ngăn được điều ác mà chính luật pháp lại trở thành điều ác mà đáng lẽ nó phải trừng phạt!"*.

Ông cho rằng chúng ta được ban cho vũ lực là để bảo vệ quyền cá nhân của chúng ta. Và không thể dùng nó để hủy hoại các quyền như thế của đồng bào chúng ta... Luật pháp là tổ chức để bảo vệ một cách hợp pháp các quyền tự nhiên. Đây là dùng lực lượng chung thay thế cho lực lượng của cá nhân. Và lực lượng chung này chỉ làm những việc mà lực lượng cá nhân có quyền tự nhiên và hợp pháp để làm: bảo vệ con người, bảo vệ quyền tự do và tài sản; để giữ gìn quyền của mỗi người và làm cho công lý ngự trị trên tất cả chúng ta... Một chính phủ như vậy sẽ cực kỳ đơn giản, dễ chấp nhận, không tốn kém, không áp bức, công chính và bền vững nhất mà ta có thể tưởng tượng được - dù hình thức chính trị của nó thế nào đi nữa... Ông viết: *"Nếu người ta được tôn trọng,*

được tự do làm việc và thành quả lao động được bảo vệ không bị tấn công một cách bất công thì không ai có thể phản nản gì về chính phủ hết. Khi thành công, chúng ta sẽ không phải cảm ơn nhà nước; và ngược lại, khi thất bại chúng ta sẽ không còn nghĩ đến việc đổ lỗi cho nhà nước vì sự bất hạnh của mình, cũng như người nông dân sẽ không đổ lỗi cho nhà nước vì mưa đá hay sương giá... Người ta sẽ cảm nhận được phúc lành vô giá của sự an toàn do chính phủ được hình thành dựa trên khái niệm như thế" (Luật pháp - nguyên tác *The Law* - bản dịch Phạm Nguyên Trường, 2015).

Ông nhận định việc lạm dụng quyền lực chẳng khác nào "cướp bóc hợp pháp" quyền lợi người khác. Chúng ta thấy luật pháp tròn méo rất nhiều khi do những kẻ thực thi mà thành ra như vậy. Hiểu rõ sự lạm dụng có thể xảy ra ở bất kỳ ai, bất cứ nơi nào, thời điểm nào; khi mới lập chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng yêu cầu những người phụ trách thi hành pháp luật phải nêu cao cái gương: *"Phụng công, thu pháp, chí công vô tư cho nhân dân noi theo"*.

Còn đối với Chính phủ, Chủ tịch khẳng định trước kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I rằng: *"Tuy trong quyết nghị không nói đến, không nêu lên hai chữ liêm khiết, tôi cũng xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân và trước thế giới: Chính phủ sau đây là một Chính phủ liêm khiết... và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị cho kỳ hết"*.

Quan điểm của các nhà làm luật nước ta cũng vậy: Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật thi hành án hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền là sự điều chỉnh đầy đủ về mặt lập pháp, sự thực thi chính xác về mặt hành pháp và sự đảm bảo tối đa về mặt tư pháp các quy định của pháp luật thi hành án hình sự để làm cho các quy định đó phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm tương ứng của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự, được tuân thủ, chấp hành và áp dụng một cách nghiêm chỉnh, thống nhất và triệt để bởi các cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng như những người có chức vụ của những cơ quan này trong thực tiễn thi hành án hình sự, đồng thời góp phần tạo nên lòng tin của công dân vào sự nghiêm minh của pháp chế, tính minh bạch và sự bình đẳng của pháp luật, sức mạnh và uy tín của bộ máy công quyền, tính nhân đạo và dân chủ của xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền nói chung. Chúng tôi thiết nghĩ không chỉ "đồng thời góp phần" mà đó chính là mục đích chính của luật pháp, phải làm cho nhân dân tin vào công lý, vào sự liêm khiết của những người nắm giữ quyền lực, cai trị đất nước. Phải đảm bảo nguyên tắc cao nhất là công bình chính trực, sau đó mới đến tính nhân đạo hay dân chủ.

Có người cho rằng năng lực, trình độ, thao tác nghiệp vụ của một số cán bộ có thẩm quyền trong công tác thi hành án hình sự còn có mặt hạn chế; chưa đề cao ý thức trách nhiệm của cán bộ thực thi nhiệm vụ. Nhưng chúng tôi cho rằng năng lực chỉ là một yếu tố chưa đủ nếu không xem xét đến lương tâm, đến sự minh bạch trong xử lý vấn đề.

Luật pháp, theo Bastiat, bị bóp méo vì hai nguyên nhân khác nhau: tham lam một cách ngu xuẩn và tử bi sai lầm. Chúng tôi nghĩ rằng tử bi sai lầm đỡ tổn hại hơn. Vì sao ư? Sai lầm chết người vốn có sâu trong tim mỗi người là thỏa mãn nhu cầu của mình với ít nỗ lực nhất có thể dẫn đến việc bóp méo luật pháp.

"Vì vậy dễ hiểu vì sao luật pháp đáng lẽ phải ngăn chặn bất công lại trở thành vũ khí bất khả chiến bại của bất công..." (Claude F. Bastiat, sđd).

Luật pháp cũng như là giới trong nhà Phật. Giới luật căn bản chỉ có một, tức là không tự tư ích kỷ. Người có lòng ích kỷ, tham lam sẽ phạm giới; nếu không có tâm tham, hay ích kỷ sẽ không phạm giới. Cùng lý lẽ trên, ai tham lam sẽ phạm pháp, và người nào khổng chế lòng tham sẽ không phạm pháp.

Hòa thượng Tuyên Hóa từng giảng: *"Cho nên việc*

nghiên cứu giới luật là vô cùng trọng yếu. Vậy muốn giúp cho thế giới này, trước hết chúng ta phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Chúng ta nên đem bản thân mình để làm phép tắc, làm gương mẫu cho kẻ khác. Có vậy thế giới này mỗi ngày mới càng được bình an hơn".

Làm cán bộ, hơn ai hết, phải tu dưỡng rèn luyện, để không phạm phải những sai lầm do tham lam, ích kỷ gây ra, thậm chí tham quyền, vận dụng quyền lực sai chỗ, sai người cũng là phạm tội. Điều quan trọng là phải tôn trọng tự do, nhân phẩm mỗi con người vì chúng ta thường đọc câu: Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng...

Tổng thống Obama khi sang Cuba đã nói chuyện với người dân nước này, cũng đề cập đến pháp luật và dân chủ:

"Tôi tin rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Tôi tin rằng nhân phẩm của trẻ em phải được bảo vệ bằng giáo dục và y tế, bằng cách cho chúng cơm ăn áo mặc và nhà cửa tử-tế. Tôi tin rằng mọi công dân đều có quyền phát biểu ý kiến mà không sợ bị bắt bớ... Tôi tin rằng pháp-luật không được phép bỏ tù người dân khi họ sử dụng những quyền căn bản này."

Những lý tưởng cách mạng - của Hoa-Kỳ, của Cuba, của bao cuộc nổi dậy khác trên thế giới - tôi tin rằng chỉ thật sự có ý nghĩa khi chúng được đặt trên nền tảng dân chủ. Tôi tin như vậy không phải vì nền dân chủ của nước Mỹ là toàn hảo, mà bởi vì nó KHÔNG toàn hảo. Đất nước chúng tôi, cũng như bao quốc gia khác, cần không gian rộng lớn của dân chủ để tự điều chỉnh. Bất cứ người dân nào cũng có thể là nhân tố cho sự thay đổi, đưa ra những ý tưởng mới, sáng lập những mô hình xã hội tốt đẹp hơn".

Người dân luôn là nhân tố mà chúng ta cần hướng luật pháp đến để bảo vệ họ vì chúng ta không thể sử dụng luật pháp làm những điều mà cá nhân không có quyền làm: Sử dụng sai vũ lực như thế trái với lại tiền đề của chúng ta. Kết quả sẽ là luật pháp bất chính.

Xã hội dựa trên quan điểm đúng đắn về luật pháp sẽ là xã hội có trật tự và thịnh vượng. Khi luật pháp và đạo đức mâu thuẫn với nhau thì người công dân đứng trước sự lựa chọn khắc nghiệt: đánh mất ý thức về đạo đức hoặc không tôn trọng luật pháp nữa... Chân lý ấy phải được cán bộ tư pháp hay hành pháp ghi nhớ. Đừng dẫn dân đến chỗ cùng kiệt vì khi ấy họ sẽ "lách" luật và chúng ta cũng không đủ nhà tù để chứa tất cả những người vi phạm. Nếu muốn bệnh viện ít bệnh nhân, phải gìn giữ môi trường sạch, sống "thiểu dục tri túc" và luôn rèn luyện. Còn không thì dù thể chế mạnh thế nào, gót chân Achilles cũng là tử huyệt ảnh hưởng đến sự bình yên trong xã hội và trong tâm thức người dân. Hãy nhớ lời Luther King từng nói: *"Tôi yêu cái mái vòm dải thiên hà luân lý cao xa kia nhưng những đường cong luôn hướng về công lý"*.

Và đó là cứu cánh của mọi nền luật pháp... ■

Cúng Quá Đường

THÍCH NGUYỄN TẠNG



Cúng Quá Đường là một nghi thức quan trọng không thể thiếu trong mùa an cư kiết hạ hay kiết đông của hàng đệ tử xuất gia. Người viết xin ghi lại đôi nét về lễ nghi quan trọng này để giúp quý Phật tử mới vào đạo hiểu thêm.

Quá Đường, còn gọi là Thượng Đường hay Phó Đường, nơi Tăng chúng đến thọ thực mà tâm không tham trước (theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, trang 5752). Quá Đường, nghĩa đen: Đường là nhà, Quá là đi qua, nghĩa là chư Tăng đi từ Tăng đường, Khách đường, Tây đường, Đông đường... đến Trai đường để thọ thực, nên gọi là Quá Đường hoặc Phó Đường. Theo sự nghiên cứu của Hòa thượng Thích Huyền Tôn, ngài nhớ đã đọc trong Vạn tục tạng, *Thiền Lâm Bị Dụng Thanh Quy*, quyển 6, và cho biết tài liệu này cho rằng nghi thức cúng Quá Đường xuất xứ tại chùa Từ Ân ở Lạc Dương, tỉnh Hà Nam thuộc triều đại nhà Đường (618-907) Trung Quốc, chứ trước đó chưa có danh từ Quá Đường. Nhà Đường là một triều đại thịnh trị ở Trung Hoa, nhất

là thời vua Đường Thái Tông (599-649), vị hoàng đế thứ hai của triều đại này trị vì từ năm 626 đến 649, là một vị vua tài ba, đã thiết lập sự cường thịnh của triều đại nhà Đường; đặc biệt, ông cũng là người hỗ trợ mọi điều kiện cho Tam tạng Pháp sư Huyền Trang để dịch thuật Kinh tạng tại chùa Từ Ân ở Trường An.

Thời Phật còn tại thế ở Ấn Độ cũng như các quốc gia theo Phật giáo Nam truyền không có nghi thức cúng Quá Đường mà chỉ theo phương thức “*nhật trung nhất thực, thọ hạ nhất túc*”, nghĩa là “giữa ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây một lần”, buổi sáng đắp y trì bát vào thành khất thực, sau đó về tịnh xá thọ thực và tọa thiền dưới gốc cây; truyền thống tuyệt vời này hiện nay vẫn còn được áp dụng một cách sống động ở các quốc gia như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia và miền Tây nam Việt Nam. Cho đến khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, rồi sau đó truyền sang Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam... thì chư tổ đức mới tạo ra nghi thức cúng Quá Đường này như một pháp tu tập, trước để dâng cúng mười phương Tam bảo, sau đó hành giả mới dùng cơm; đây là nghi cách đặc biệt trong việc tri ơn và báo ơn ngay trong bữa ăn của mình. Trước khi ăn phải cúng dường, phải tưởng niệm và sau đó giữ chánh niệm trong lúc ăn; nếu hành giả nghiêm trì và cẩn thận trong bữa ăn như vậy, phước và đức phát sinh và tăng trưởng từ đây.

Tiếp theo đây, xin nói chi tiết và thứ lớp trong nghi thức Quá Đường. Sau khi hành giả vào trong trai đường, nghe thầy Duy-na nhịp ba tiếng chuông thì chấp tay xá một xá và ngồi xuống; khi nghe một tiếng khánh thì mở nắp bình bát ra, cầm chiếc muỗng quay ra phía ngoài vào cơm in sẵn; sau đó khi nghe chuông, hành giả tay trái nâng bát đưa lên ngang trán, tay phải kiết ấn cam lồ ngang miệng bình bát hay bát cơm để tụng bài cúng dường: “*Cúng dường Thanh tịnh Pháp thân Tì-lô-giá-na Phật, Viên mãn Báo thân Lô-xá-na Phật, Thiên bá ức Hóa thân Thích-ca Mâu-ni Phật, Đương lai Hạ sanh Di-lặc Tôn Phật, Cực lạc Thế giới A-di-đà Phật, Thập phương Tam thế Nhất thiết chư Phật, Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Chư tôn Bồ-tát Ma-ha-tát, Ma-ha Bát-nhã-ba-la-mật; tam đức lục vị, cúng Phật cập Tăng, pháp giới hữu tình, phổ đồng cúng dường, nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*”.

Dâng cơm lên trán và bắt ấn cúng dường, cũng được gọi là “cử án tế mi”, tức là đưa lên ngang chân mày

để biểu tỏ lòng tôn kính ba ngôi Tam bảo, đây là cung cách cúng dường trong nghi cúng Quá Đường, vừa đẹp vừa trang nghiêm, do vậy mà đại chúng không nên đưa bát cơm quá cao hoặc quá thấp mà phải ngang trán của mình.

Cúng dường xong để bát xuống, liền xoay hướng muông vào bên trong, với ý nghĩa, phần cơm dành cho mình, còn trước khi cúng, quay muông ra ngoài là để dâng cúng mười phương Tam bảo. Ở đây, người viết xin giải thích một chút về việc kiết ấn cúng dường: Tay phải kiết ấn cam lồ với ngón tay cái đặt lên ngón áp út co sát vào trong lòng bàn tay, ba ngón tay còn lại vươn thẳng lên; ấn cam lồ này là biểu trưng cho lòng từ bi, như hình ảnh của Bồ-tát Quán Thế Âm, tay cầm bình cam lồ, tay bắt ấn để ban rải lòng từ bi để cứu khổ chúng sanh. Tay trái kết ấn Tam Sơn, ngón giữa và ngón áp út co lại, ba ngón còn lại vươn thẳng lên, như ba ngọn núi, tạo một thế kiểng ba chân vững chắc để đặt bình bát cơm vào giữa; ấn Tam Sơn này biểu trưng cho giới-định-tuệ, là ba môn vô lậu học, những môn học giúp đưa hành giả đi vào đường giác ngộ. Ta thấy, trong nghi cách dâng bát cơm cúng dường này đã gói gọn ý nghĩa từ bi và trí tuệ, là hai yếu tố quyết định quan trọng trong đời mình; hạnh phúc hay đau khổ cũng chính từ đây mà có. Từ bi là lòng thương không có điều kiện, và trí tuệ là trí hiểu biết không nhiễm ô; đây là mục đích tối hậu của mọi hành giả, ai thành tựu được pháp hành này, người ấy luôn sống an lạc tự tại dung thông ngay trong hiện tại và mai sau; tất nhiên, con đường dẫn đến giải thoát sinh tử luân hồi đã ngắn dần ở phía trước.

Tiếp đó, Hòa thượng Chứng minh Trường Hạ để một cái chung nhỏ trong lòng bàn tay trái, tay mặt gấp bảy hạt cơm để vào chung, kiết ấn cam lồ và mặc niệm ba lần: *"Pháp lực bất tư nghi. Từ bi vô chướng ngại. Thất liệp biến thập phương. Phổ thí châu sa giới. Ấn độ lợi ích tá ha"*. Tiếp theo, đại chúng đồng tụng bài biến thực biến thủy chơn ngôn, mỗi bài ba lần: *"Năng mỗ tát phạ đất tha, nga đa phạ lô chỉ đế. Ấn tam bạt ra tam bạt ra hồng; Năng mỗ tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Ấn tô rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha; Ấn nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng"* Trong lúc đó, Hòa thượng Chứng minh thầm nguyện ba lần: *"Nhữ đẳng quỷ thần chúng. Ngã kim thí nhữ cúng. Thử thực biến thập phương. Nhất thiết quỷ thần cộng. Ấn mục lăng tá bà ha"*.

Theo sau là Thị Giả tổng thực, đem chung nhỏ ra trước bàn ngoài sân để cúng Đại bàng bằng cách hô to bảy lần: *"Đại bàng Kim sí điểu, Khoáng dã quỷ thần chúng, La-sát quỷ tử mẫu, Cam lồ tất sung mãn. Ấn mục đế tóa ha."* (nghĩa là: Chim đại bàng cánh vàng, chúng quỷ thần nơi đồng rộng, mẹ con quỷ la sát, cam lồ được no đủ). Tiếp theo, thầy Duy-na xướng Tăng Bạt: *"Phật chế đại chúng, thực tồn ngũ quán, tán tâm tạp thoại, tín thí nan tiêu, đại chúng, văn khánh thanh, các chánh niệm. Nam-mô A-di-đà Phật"*, (nghĩa là: Phật dạy đại chúng,



ăn xét năm điều, nghĩ sai nói chuyện, tín thí khó tiêu, đại chúng nghe tiếng khánh, cùng giữ chánh niệm).

Tiếp đó, tất cả đại chúng hai tay bưng bát cơm đưa lên trán và thầm đọc ba lần: *"Chấp trì ứng khí, đương nguyện chúng sanh, thành tựu pháp khí, thọ thiên nhân cúng. Ấn chỉ rị chỉ rị phạ nhựt ra hồng phần tra; (nghĩa là: Tay bưng bát cơm, nguyện cho chúng sanh, Pháp thí thành tựu, nhận của trời người cúng)."* Ứng cúng ở đây là xứng đáng nhận sự cúng dường của người và trời, chỉ cho bậc A-la-hán, người đã đoạn tận tam độc tham, sân, si và vô minh phiền não. Trong khi cúng Quá Đường ý niệm này khởi lên, mong cho chính bản thân mình và hết thầy chúng sinh sớm chứng đắc A-la-hán và thoát ly sinh tử luân hồi khổ đau. Nghe tiếng khánh để bát cơm xuống và múc ít cơm ra chén để lưu phạn; nghe chuông, bưng chén cơm để trước ngực và thầm đọc: *"Dĩ kim sở tu phước, phổ triêm ư quỷ chúng. Thực dĩ ly khổ não, xả thân sanh lạc xứ. Bồ-tát chi phước báo, vô tận nhược hư không, thí hoạch như thị quả, tăng trưởng vô hữu túc. Ấn độ lợi ích tá ha; (nghĩa là: nay đem phước đã tu, ban cho tất cả quỷ, ăn rồi hết đau khổ, xả thân về cõi tịnh, hưởng phước của Bồ Tát, rộng lớn như hư không, quả tốt như vậy đó, tiếp tục lớn thêm mãi).* Lưu phạn là san sẻ phần cơm của mình cho chúng quỷ thần và cho người ăn sau mình; ý nghĩa bố thí, mở rộng tình thương của mình dành cho người bất hạnh, không đủ cơm ăn áo mặc, ý tưởng này giúp cho hành giả nuôi dưỡng từ tâm ngay trong lúc mình ăn. Lưu phạn xong, nghe hai tiếng chuông đại chúng bắt đầu dùng cơm, trước khi ăn, hành giả phải khởi niệm Tam Đế và Ngũ Quán, đây là một nghi cách đẹp và có ý nghĩa của nhà Phật mà hành giả không phải chỉ áp dụng trong khi cúng Quá Đường mà có thể áp dụng trong tất cả các bữa ăn khác của mình trong đời sống. Tam Đế là ăn ba muông cơm lạt đầu tiên, muông thứ nhất: thầm đọc, nguyện

chấm dứt tất cả những điều ác (Nguyên đoạn nhứt thiết ác); muổng thứ hai: nguyên làm tất cả những việc lành (Nguyên tu nhứt thiết thiện); muổng thứ ba: nguyên giúp đỡ tất cả chúng sanh (Nguyên độ nhứt thiết chúng sanh). Ý nghĩa Tam Đế này là nói rõ mục đích tối hậu của hành giả tự độ mình là dứt ác, làm lành, đạt đến giải thoát và thực thi hạnh độ tha là giúp đỡ người khác rõ biết đường đi lối về của nhân quả nghiệp báo, ra khỏi tà kiến để chấm dứt đau khổ trong đời sống để rồi cuối cùng cũng đạt đến giác ngộ giải thoát như bản thân mình. Tiếp đến bắt đầu ăn cơm phải tưởng Ngũ Quán: Thứ nhứt: Con xin biết ơn người đã phát tâm cúng dường, sửa soạn những thức ăn này; Thứ hai: Con nguyện nỗ lực tu học, trau dồi giới hạnh để xứng đáng thọ dụng những thức ăn này; Thứ ba: Trong khi ăn, con nguyện từ bỏ lòng tham dục, tham ăn; Thứ tư: Con quán chiếu những thức ăn này như những vị thuốc, để cho thân thể con khỏi bệnh tật; Thứ năm: Con nuôi dưỡng chánh niệm, chỉ vì để thành tựu đạo nghiệp giải thoát giác ngộ mà con xin thọ dụng những thức ăn này. (Nhất, kể công đa thiếu, lượng bỉ lai xứ. Nhị, thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng. Tam, phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông. Tứ, chánh sự lương dục, vị liệu hình khô. Ngũ, vi thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực). Trong suốt thời gian dùng cơm, hành giả luôn luôn giữ chánh niệm với năm phép quán trên. Thiển ngữ của chư Tổ đã từng cảnh báo chư hành giả về sự quan trọng của phép ăn cơm rằng: *"Ngũ quán nhược minh kim dị quá, Tam tâm dị liễu thủy nan tiêu"*.

Có nghĩa là "nếu phép ngũ quán được liễu thông thì dù có ăn vàng đi chăng nữa thì vàng đó cũng được tiêu hóa, ngược lại nếu ba tâm kia không hiểu rõ dù có uống nước, nước kia cũng không thể tiêu được". Hiểu được ý này mà thầy Trụ trì Tu viện Quảng Đức, Thượng tọa Thích Tâm Phương đã từng nhắc nhở hàng đệ tử trước khi dùng cơm trong các kỳ thọ bát Quan Trai rằng:

*Mỗi khi nâng bát cơm đây,
Nhớ ơn Tam bảo, ơn Thầy, Mẹ Cha
Nhớ người tín thí gần xa
Con nguyện sống hạnh vị tha đáp đền.*

Ăn cơm xong, lấy tăm xỉa răng và thắm nguyện ba lần: *"Tước dương chi thời, đương nguyện chúng sanh, kỳ tâm điều tịnh, phệ chư phiền não. Án a mộ đà, di ma lệ, nhĩ phạ ca ra, tăng thân đà nễ, bát đầu ma, câu ma ra, nhĩ phạ tăng thân đà da, đà ra đà ra, tổ di ma lệ, sa phạ ha; (nghĩa là: Nhấm tẩm dương chi, nên nguyện chúng sanh, tâm tính thuần hóa, cần nát phiền não)*. Ngày xưa tăm dùng trong chùa thường được làm bằng cành dương nhỏ, nên gọi là tăm dương. Ăn xong xỉa răng là thời điểm sau cùng của bữa ăn; thân vừa no đủ và tâm tư thư thái, hoan hỷ, không có chút lo lắng phiền não, nên cũng mong cho người khác cũng giống như chính mình.

Xỉa răng xong, nghe thầy Duy-na nhịp một tiếng chuông, đại chúng cùng uống nước, hai tay bưng bát

nước cung kính trước ngực và thắm nguyện ba lần: *Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng, nhược bất tri thử chú, như thực chúng sanh nhục. Án phạ tất ba ra ma ni sa ha; (nghĩa là: Phật nhìn một bát nước, có tám vạn tư vi trùng, nếu không trì chú này, như ăn thịt chúng sanh)*. Qua Phật nhãn, Đức Thế Tôn thấy rõ có vô số vi trùng trong một bát nước, một cái thấy mà mãi đến hơn hai ngàn năm sau mới có người phát hiện, đó là vào hậu bán thế kỷ XIX, nhà Sinh vật học người Pháp Louis Pasteur (1822-1895) khám ra những vi khuẩn gây bệnh qua kính hiển vi. Cũng chính vì bài kệ chú uống nước có tính siêu khoa học này mà nhà bác học vĩ đại nhất của thế kỷ thứ XX, ông Albert Einstein (1879-1955) đã không ngần ngại khi tuyên bố: *"Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học"*. Uống nước xong, nghe chuông, đại chúng cùng tụng bảy lần bài Kiết Trai: *Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đề, cu chi nẫm, đất diệt tha. Án chiếc lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha. Sở vị bồ thí giả, tất hoạch kỳ lợi ích. Nhược vị nhạo bồ thí, Hậu tất đắc an lạc. Phạn thực dĩ ngật, đương nguyện chúng sanh, Sở tác giai biện, Cụ chư Phật Pháp; (nghĩa là: gọi là bồ thí, tất được ích lợi; vui thích bồ thí, sau được an vui. Thọ thực hoàn tất, nên nguyện chúng sanh, việc làm hoàn mãn, đầy đủ Phật pháp)*.

Theo sau là nghi thức niệm Phật và kinh hành, đi từ trai đường lên chánh điện, hành giả chấp tay nghiêm trang và từng bước chân kinh hành, miệng niệm Phật trong chánh niệm, vào điện Phật, lễ Tứ Thánh, quỳ xuống tụng bài Sám Nguyện và hồi hướng công đức, đó là hoàn mãn thời Cúng Quá Đường trong mùa An cư. Trên đây là nghi thức Cúng Quá Đường trong thiền môn, được xem là nghi thức dùng cơm trong chánh niệm, áp dụng cho tất cả các bữa ăn khác, hành giả cần phải phải thuộc lòng các bài kệ chú để áp dụng trong bữa ăn để giúp mình giữ gìn chánh niệm, không tạp tưởng, mơ màng trong lúc ăn là mục đích chính. Trong lúc chúng ta đang ăn cơm trắng, uống nước trong tại Trường Hạ, thì số người bị thiếu ăn trên toàn thế giới hiện đã lên tới hơn một tỷ, tương đương 1/6 dân số thế giới, một con số cao nhất trong lịch sử loài người, đây là thống kê mới nhất của Tổ chức Lương nông Thế giới, FAO, <http://www.fao.org/>, tất cả đều do tác động của sự khủng hoảng tài chánh toàn cầu trong hơn một năm qua. Mong rằng năng lượng từ tâm của đại chúng tại Trường Hạ Minh Quang từ Úc châu và hàng triệu đệ tử Phật trên khắp hành tinh này trong mùa An cư năm nay, sẽ giúp chuyển tải năng lượng tu tập đến cho thế giới, giúp cho họ giảm bớt đau khổ và sớm cải thiện cuộc sống nghèo đói, nhất là mọi người đều có đủ cơm ăn và nước uống trong mỗi ngày. ■



Tấm bia gửi giỗ

ở tổ đình Chúc Thánh

Bài & ảnh: ĐINH THỊ TOÀN

Bia gửi giỗ (Ký kị bi kị) trong dân gian được biết đến dưới cái tên “bia hậu”, được lập nên bởi những người không có con trai nối dõi tông đường nhằm lo liệu trước việc hương hỏa về sau, hoặc có trường hợp do con gái, cháu gái lập để gửi giỗ cha mẹ, ông bà, anh em. Giáo sư Hà Văn Tấn cho rằng đây là hình thức thờ tự gắn với các chùa Việt Nam¹, nhưng thực tế cho thấy, không chỉ chùa, mà ở đình, nhà thờ tộc cũng tồn tại loại bia hậu này. Cũng giống như bia hậu Thần, hậu Phật (Hậu Thần/Phật bi kị)², bia gửi giỗ xuất hiện phổ biến ở các tỉnh miền Bắc và chỉ có mặt rải rác ở vùng Trung Bộ.

Phạm Thùy Vinh trong bài viết “*Lệ bầu hậu của người Việt qua tư liệu văn bia*” đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử cho biết: “Hiện nay bia Diên Khánh tự bi tạo năm Hồng Đức thứ 10 (1479) đặt tại đình thôn Môn Ai, xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh có thể coi là bia sớm nhất về việc gửi ruộng cúng giỗ vào thời Trần. Văn bia này tuy được xác lập vào thời Hồng Đức nhưng lại ghi những sự việc của thời Trần. Đó là câu chuyện xảy ra vào năm Thiệu Phong thứ 3 (1343), có vợ chồng ông họ Dương hiệu Ngô Đạo, bà họ Nguyễn hiệu Ngô Thiện

người xã Hạ Bán Ngâm, lộ Bắc Giang đã gửi tại chùa Diên Khánh hai khoảnh ruộng để làm ruộng hương hỏa cúng giỗ ông bà, vì hai người không có con. Sau đó, tiếp đến năm Thiệu Phong thứ 8 (1348), rất nhiều người thuộc làng Cửa Ai xã Hạ Bán Ngâm lại gửi ruộng tại chùa Diên Khánh làm ruộng hương hỏa cúng giỗ họ³.”

Tuy nhiên, tác giả cho rằng đây không phải bia hậu vì không có từ hậu trong văn bia cũng như không có những quy định của làng xã phải cúng tế họ như thế nào. Chúng tôi thì cho rằng, bia gửi giỗ cũng là một hình thức của bia hậu. Tất nhiên so với bia hậu Thần/Phật, bia gửi giỗ có những điểm tương đồng và dị biệt (chúng tôi sẽ nói đến trong bài viết sau).

Tại Đà Nẵng, bia gửi giỗ chưa được tìm thấy, nhưng ở tổ đình Chúc Thánh (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam) còn lưu lại hai bia gửi giỗ. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một trong số hai tấm bia đó, ngõ hầu có thể giúp những độc giả quan tâm đến loại bia và hình thức thờ tự này hiểu thêm về nội dung của nó. Bia có kích thước cao 80cm, rộng 50cm, được gắn trên tường cùng nhiều tấm bia khác trong phòng thư viện chùa. Sau đây là phần chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa văn bia trên.



Chữ Hán:

置祀何門先靈銘碑
 原籍中華國廣東省廣洲府南海縣上林譜恩及靈德鋪有並子式事忌顯新如之在一丈先悲果
 淇鄉茲在越南國廣南省會安庸弟蓮靈終祀成簿元香堂數靈秋雙墓法方墓年供林後號
 氏清琳法名如理因前販依入先靈終祀成簿元香堂數靈秋雙墓法方墓年供林後號
 定置祀先靈煙思存永遠當時願置祀成簿元香堂數靈秋雙墓法方墓年供林後號
 德置祀0⁴0現存追念鞠育之恩尺拾守正年奉常日忌清琳園忌墓常立門恩綱
 香火長這田壹畝參高九尺拾守正年奉常日忌清琳園忌墓常立門恩綱
 置霞舊已供仟元又十原內月兄之六一間願
 新癸誠拾未二考豐理後親月西靈心
 癸誠拾未二考豐理後親月西靈心

本師窃擬弟子純心志孝故我慈悲許
 立文碑在此祠先靈永久永長願來世
 不移不易仰望將來慈心愍顧此為福
 也祝聖寺僧綱號善果教授和尚證明

歲次辛丑拾壹月望旦

嗣女何氏綉號淑英法名如縷字解俊
 內孫女何氏蓉氏芳氏杏謹立

Phiên âm:

Trí tự Hà môn tiên linh minh bi

Nguyên tịch Trung Hoa quốc, Quảng Đông tỉnh, Quảng Châu phủ, Nam Hải huyện, Thượng Kỳ hương, tư tại Việt Nam quốc, Quảng Nam tỉnh, Hội An phố, đệ tử Lâm Thị Thanh Lâm, pháp danh Như Lý, nhân tiền quy y nhập Liên Hoa phổ định trí tự tiên linh vu Chúc Thánh tự. Thiết tưởng tiên linh chi ân đức trí tự hương yên tư tồn vĩnh viễn. Đương thời mệnh chung vị cập trí cúng 00. Hiện tồn hiếu nữ Hà Thị Tú nguyện trí tự tiên linh hương hỏa trường tồn, truy niệm cúc dục chi ân, báo đáp sinh thành chi đức, trí cúng giá điển nhất mẫu tam sào cửu thước tại địa bạ Cẩm Phô Thanh Hà nhị sở. Do mãi điển giá ngân tam thập thất thiên nguyên, cụ hữu tân cụ văn khế phụng giao tại tự nhận thủ trí vi hương hỏa. Tịnh Quý Tị, Ất Mùi niên bốn tự trùng tu chánh điện, đông đường, đệ tử thành cúng ngân thập thiên nguyên. Chí Tân Sửu niên nguyện cúng số ngân nhị thập thiên



nguyên, tu bổ phương trượng tây đường phụng tự tiên linh. Công sự vị hoàn, hựu cúng ngân thập thiên nguyên, sở hữu thường niên xuân thu hội kị nhị nguyệt thập ngũ nhật, bát nguyệt thập ngũ nhật, biệt kị song thân Hiển khảo Hà Nguyên huý Cầu, cửu nguyệt thập cửu nhật kị, mộ táng tại Tân Phong xã nội viên đình sở, Hiển tỷ Lâm Thị Thanh Lâm, pháp danh Như Lý, nhị nguyệt thập ngũ nhật kị, mộ táng tại tự viên phương trượng chi hậu. Bào huynh Hà Nãi Thường thất nguyệt thập cửu nhật kị, mộ táng tại thân phụ chi tiền. Cộng nhất viên thổ mộ chư mộ thường niên thập nhất nguyệt sơ lục nhật tu tảo, do tông quy tháp, nguyên lập cúng phương trượng tây đường nhất sở, hồi kham nhất toà phụng tự Hà môn, Lâm môn tiên linh tại trung gian, hựu tự lô hương đồng nhất bộ. Mong ân hậu đại bi tâm lô nguyện hạnh tư lai phước. Tư bốn tự tăng cang hiệu Thiện Quả bốn sư thiết nghĩ đệ tử thuần tâm chí hiếu, cố ngã từ bi hứa lập văn bi tại thử, từ tiên linh vĩnh cửu vĩnh trường, nguyện lai thế bất di bất dịch. Ngưỡng vọng tương lai từ tâm mãn cố, thử vi phước dã.

Chúc Thánh tự Tăng cang hiệu Thiện Quả Giáo thụ hoà thượng chứng minh.

Tuế thứ Tân Sửu thập nhất nguyệt vọng đán.

Tự nữ Hà Thị Tú hiệu Thực Anh, pháp danh Như Anh, tự Giải Tuấn. Nội tôn nữ Thị Dung, Thị Phương, Thị Hạnh căn lập.

Dịch nghĩa:

Bia ghi chép việc xếp đặt thờ tự tiên linh của nhà họ Hà Đệ tử Lâm Thị Thanh Lâm, pháp danh Như Lý, nguyên quán tại hương Thượng Kỳ, huyện Nam Hải, phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, nước Trung Hoa, nay ở phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, nước Việt Nam, nhân lúc trước quy y vào phố Liên Hoa, định trí tự tiên linh vào chùa Chúc Thánh. Ấy là vì thâm nhớ đến ân đức của tiên linh nên trí tự để hương khói mãi về sau. Đương lúc ấy thì mất sớm nên chưa kịp đặt cúng hương hoả. Nay hiếu nữ là Hà Thị Tú nguyện trí tự hương hoả để tiên linh được trường tồn, truy niệm ơn dưỡng dục, báo đáp đức sinh thành, trí cúng 1 mẫu 3 sào 9 thước ruộng tại địa bạ hai xứ Cẩm Phô, Thanh Hà, ruộng này mua giá 37 ngàn đồng bạc, có đủ văn khế cũ và mới, phụng giao cho nhà chùa cất giữ, đặt làm hương hoả. Năm Quý Tị, Ất Mùi, bốn tự trùng tu chánh điện, đông đường, đệ tử thành tâm cúng 10 ngàn đồng bạc. Đến năm Tân Sửu (tây lịch 1961), nguyện cúng 20 ngàn đồng bạc tu bổ phương trượng tây đường phụng tự tiên linh. Việc công đức chưa vẹn lại cúng 10 ngàn đồng bạc, hai kỳ xuân thu hằng năm cúng tế chung vào ngày 15 tháng 2 và 15 tháng 8, kị riêng song thân, Hiển khảo Hà Nguyên huý Cầu, kị ngày 19 tháng 9, mộ táng trong khuôn viên vườn đình xã Tân Phong, Hiển tỷ Lâm Thị Thanh Lâm, pháp danh Như Lý, kị ngày 15 tháng 2, mộ táng tại vườn chùa phía sau phương trượng. Anh ruột Hà Nãi Đường, kị ngày 19 tháng 7, mộ táng ở phía trước mộ thân phụ. Các ngôi mộ chung trong đất vườn hằng năm vào ngày mồng 6 tháng 11 tu sửa, quét dọn, về sau quét dọn tháp. Nguyên lập một sở phương trượng tây đường, một khám thờ phụng tự tiên linh Hà môn và Lâm môn ở gian giữa, lại đặt một bộ lư hương đồng. Nhờ được thấm ơn đức, đời sau lòng từ thêm sáng, may được hưởng phúc. Nay Tăng cang chùa Chúc Thánh hiệu Thiện Quả bốn sư thiết nghĩ, đệ tử một lòng báo hiếu cho nên ta cũng rộng lòng từ bi, cho lập văn bia tại đây. Nơi thờ tự tiên linh này mãi mãi trường tồn, nguyện đời sau không được thay đổi. Ngưỡng mong tương lai tâm lành thương xót thì đây chính là phước vậy.

Tăng cang chùa Chúc Thánh hiệu Thiện Quả giáo thụ hoà thượng chứng minh.

Ngày 15 tháng 11 năm Tân Sửu.

Tự nữ Hà Thị Tú hiệu Thực Anh, pháp danh Như Anh, tự Giải Tuấn. Nội tôn nữ Thị Dung, Thị Phương, Thị Hạnh căn lập. ■

Chú thích:

1. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử - văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội Nhà Văn, tr.192.
2. Ngoài hậu Thần, hậu Phật, còn có hậu xóm, hậu ngô, hậu giáp...
3. Phạm Thị Thùy Vinh (2006), "*Lệ bầu hậu của người Việt qua tư liệu văn bia*", *Nghiên cứu lịch sử*, số 3/2006, tr.33-40.
4. Đây là chữ bị mất hoặc mờ chưa đọc được. Mỗi số 0 tương ứng với một chữ.



Vui t hay soág bieá ñuû

NGUYỄN THẢO

Sống biết đủ, hay thể hiện nếp sống thiểu dục tri túc, được xem là lẽ sống sáng suốt, có căn nhắc trong quan niệm của đạo Phật. Người con Phật được khuyên sống biết đủ hay thực hành thiểu dục tri túc, vì đó là lẽ sống sáng suốt đem đến an lạc cho đời sống của con người. Sáng suốt bởi đó là lẽ sống tỉnh táo lưu xuất từ sự nhận thức rõ về bản chất tương đối và giới hạn của hiện hữu. An lạc vì đó là lối sống không bị lòng tham làm cho quay cuồng, làm cho vùng vẫy, làm cho mệt mỏi, làm cho vất vả. Đó là nếp sống trí tuệ, là lẽ sống giác ngộ, thanh thản giữa cuộc đời.

Trong cách nhìn của đạo Phật thì sở dĩ con người cứ vướng vào vòng luẩn quẩn khổ đau, ấy là do không trang bị cho mình một nhận thức đúng đắn và không tập cho mình một lối sống chừng mực. Hết thấy mọi thứ trên cuộc đời, kể cả bản thân mỗi người, đều tương đối và giới hạn, vì không có cái gì tồn tại mãi và không ai vượt qua được giới hạn của sự sống. Sự đời tốt hay xấu, được hay mất chỉ là các hiện tượng do duyên sanh, thường xuyên thay đổi, không có tính cách trường cửu, vì thế con người nên học cách “biết đủ” (đối với cái có được và cả cái không có được) để cho tâm hồn được thanh thản và cần nhận ra cái bản chất giới hạn, vô

thường, bất toại của hiện hữu để bớt phản ứng quay cuồng. Vì cuộc đời vốn đã hữu hạn thì có tham muốn vùng vẫy thế nào cũng không ra ngoài giới hạn ấy, trái lại chỉ làm cho sự sống càng thêm phức tạp và mệt mỏi. Đạo Phật xem mọi phản ứng thiếu cân nhắc, hoặc thuận ứng (hân hoan) hoặc nghịch ứng (bực phiền), đối với thực tại sanh diệt của hiện hữu đều là mê lầm, đưa đến khổ đau, cho rằng con người cần sáng suốt nhận ra bản chất hữu hạn của cuộc đời để định hướng cho lối sống an lạc của chính mình. Phải biết vận dụng cái hữu hạn ấy để thiết lập lối sống chân chánh đưa đến an lạc: *"Ví như, này Bà-la-môn, con bò cái sắp bị giết, được dắt đến lò thịt, mỗi bước chân giơ lên là bước gần đến bị giết, gần đến chết. Cũng vậy, này Bà-la-môn, ví dụ với con bò cái sắp bị giết là đời sống con người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Hãy giác ngộ, hãy làm điều lành, hãy sống Phạm hạnh. Với người đã sanh, không có bất tử"*¹.

Theo quan điểm của đạo Phật thì cuộc sống vốn bị chi phối bởi quy luật sanh diệt, cái gì có sanh ra thì có biến diệt; vì thế con người không nên để cho lòng tham dẫn dắt và sai sử, khiến cho đời sống trở nên quay cuồng và mệt mỏi, thay vào đó, con người cần hạn chế lòng tham, tập sống tri túc để có được sự thanh thản an lạc. Tôn giả Ratthapàla trả lời cho nhà vua Koravya xứ Kuru về lý do xuất gia, thực thi nếp sống thiểu dục tri túc của mình:

*Ta thấy người giàu sang ở đời,
Có của, vì si không bố thí.
Vì tham, họ tích tụ tài vật,
Và chạy theo dục vọng càng nhiều.
Dùng bạo lực, chinh phục quả đất,
Vua trị vì cho đến hải biên,
Không thỏa mãn bờ biển bên này,
Và chạy theo bờ biển bên kia.
Vua cùng rất nhiều loại người khác,
Ái chưa ly, mạng chung đã đến,
Bị thiếu thốn, không bỏ thân họ,
Không thỏa mãn lòng dục ở đời.
Tài sản không mua được trường thọ,
Phú quý không tránh được già suy,
Kẻ trí nói đời này thật ngắn,
Thật vô thường, biến đổi luôn luôn.
Dục vọng nhiều loại, ngọt, khả ái,
Nhiều loạn tâm dưới nhiều hình thức,
Thấy hoạn nạn trong dục trường dưỡng,
Nên tôi xuất gia, tâu Đại vương!*

Nhưng thế nào là sống biết đủ? Thông thường, người ta hiểu biết đủ hay thiểu dục tri túc như là một quan niệm tiêu cực vì nó kêu gọi thái độ bi quan, không khuyến khích con người nỗ lực hành động; cụ thể là không khuyến khích việc tạo ra của cải vật chất. Sự hiểu biết phiến diện và nhầm lẫn như vậy đã từng xảy

ra ngay trong lúc Phật còn tại thế. Người ta xem Đức Phật là tiêu cực vì Ngài giảng dạy lý thuyết không hành động (*akiriya*)², thậm chí còn phê phán Ngài là người phá hoại sự sống vì Ngài chủ trương nhiếp phục các căn³. Đây là cách hiểu không đầy đủ và không chính xác về quan niệm sống biết đủ được nói đến trong đạo Phật. Không một chỗ nào trong kinh sách Phật giáo bảo con người quay lưng lại với lao động hợp pháp hoặc kêu gọi con người nhịn đói để được giác ngộ. Rõ là thái độ lười biếng không có chỗ đứng trong đạo Phật. Trong quá trình tu học đạt đến giác ngộ của người Phật tử, Chánh tinh tấn (*Sammā viriya*) đóng vai trò quan trọng xuyên suốt cả tiến trình. Để chiến thắng tham-sân-si, có được sự thăng tiến về giới đức, tâm đức và tuệ đức, đạt đến cứu cánh giác ngộ, người Phật tử phải nỗ lực rất lớn trong đời sống tu tập hàng ngày. Họ phải thường xuyên cân nhắc giữa cái thiện để theo và cái ác để từ bỏ. Đức Phật khuyến cáo các học trò mình *không hành động* đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; nhưng khuyến khích họ phải *nỗ lực hành động* đối với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện⁴. So với những người còn mê đắm trong vòng danh lợi thế gian, được xem như đang dẫm chân ở dưới chân đồi, người học tu theo giáo pháp của Phật được ví như người nỗ lực leo lên núi cao; nhờ tinh tấn, vị ấy dần dần lên tới đỉnh núi, có thể nhìn xa trông rộng, cảm nghiệm nhiều điều mới lạ hơn so với tầm nhìn bị che khuất của kẻ đứng dưới chân đồi⁵. Vì vậy, biết đủ trong đạo Phật là một lẽ sống sáng suốt và mạnh mẽ. Đó là thái độ biết đủ đối với những điều kiện duy trì sự sống (ăn, mặc, ở, phương tiện trị bệnh), không tham lam tìm cầu và hưởng thụ tài vật, dành nhiều thời gian và nghị lực cho việc hoàn thiện đạo đức, tâm thức và trí tuệ để đi đến giác ngộ, giải thoát hoàn toàn mọi mê lầm khổ đau.

Đáng chú ý rằng Đức Phật dạy các đệ tử mình sống biết đủ theo kinh nghiệm của một bậc Giác ngộ. Kinh nghiệm ấy là hoàn toàn mới mẻ, vượt quá sự hiểu biết và kinh nghiệm thường tình của thế gian. Đó là trí tuệ biết rõ thế nào là khổ và thế nào là giải thoát khổ đau. Có hai lý do khiến đấng Giác ngộ chủ trương thiểu dục tri túc và khuyến nhắc mọi người thực tập thiểu dục tri túc:

Thứ nhất, Phật thấy rõ tính chất giới hạn và khổ đau của cuộc đời, cơ bản do lòng tham hay dục vọng gây ra, nên khuyến nhắc mọi người hạn chế lòng tham, thực hành thiểu dục tri túc để tránh rơi vào mê lầm khổ đau⁶. Trong cách nói của Ngài, Phật gọi một người còn tham muốn chạy theo danh lợi thế gian là kẻ mê lầm khổ đau, vì *"tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm"*⁷.

Thứ hai, Phật chứng ngộ Niết-bàn, không còn khổ đau nhờ nhiếp phục lòng tham, thực hành thiểu dục



tri túc, phát huy Giới-Định-Tuệ; vì vậy Phật khuyên mọi người hạn chế lòng tham, thực hành nếp sống biết đủ để dần dần đi ra khỏi mê lầm khổ đau giống như Phật. Nói cách khác, Phật thấy rõ có một lối sống thoát ly phiền não mà con người có thể thành tựu, đó là nhận ra tính chất vô thường khổ đau của hết thảy hiện hữu để sinh tâm nhàm chán, buông bỏ dục vọng, buông bỏ lòng tham, khiến cho đời sống không còn rơi vào quay cuồng, vất vả, mê lầm, đau khổ, gọi là “tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn... tự mình bị già... tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn”⁸.

Như vậy, sống biết đủ theo lời Phật tức là biết đủ đối với những gì chịu quy luật sanh diệt, thuộc bản chất khổ đau (những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân cảm xúc, ý nhận thức), biết dừng lại đối với những gì gây nên phiền não khổ đau (tham-sân-si), không khao khát tìm cầu những gì bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm (các lạc thú thế gian); tập trung thực hành Bát Thánh đạo hay phát huy giới đức, tâm đức, tuệ đức tự nội để hoàn thiện bản thân, thực nghiệm an lạc, dần dần thoát khỏi tham-sân-si, đi ra khỏi khổ đau. Chính vì ý nghĩa lợi lạc to lớn như vậy nên Phật mới khích lệ các học trò: “Vui thay, sống biết đủ”⁹.

Theo lời Phật dạy thì cơ bản có tám bước tu tập thể hiện nếp sống biết đủ hay thiểu dục tri túc, có khả năng giúp cho con người dần dần đi đến hoàn thiện, thoát khỏi phiền não khổ đau, thực nghiệm hạnh phúc an lạc:

Thứ nhất là biết đủ trong nhận thức, gọi là tu tập Chánh tri kiến. Đó là sự dừng lại hay từ bỏ các nhận thức sai lầm (tà kiến) đưa đến phiền não khổ đau, như cho rằng ta hiện hữu, ta không hiện hữu; ta có tự ngã, ta không có tự ngã...; tập trung nhận thức rõ hay nuôi dưỡng sự hiểu biết đầy đủ về khổ đau (của ngũ uẩn), về nguyên nhân khổ đau, về sự diệt khổ và về con đường tu tập đưa đến sự diệt khổ để đi ra khỏi khổ đau.

Thứ hai là biết đủ trong tư duy, nghĩa là dừng lại các tư tưởng gắn liền với tham dục, sân hận, tà kiến hay không để cho mình rơi vào dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy; tập trung suy tư về biện pháp thoát ly tham dục (ly dục tư duy), suy nghĩ về cách thức nhiếp phục sân hận (vô sân tư duy), nghĩ đến việc dứt trừ tà kiến (bất hại tư duy).

Thứ ba là biết đủ trong lời nói, tức là dừng lại hay tránh xa các lời nói bất thiện đưa đến phiền não khổ đau, như nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm; chuyên tâm nói những lời chân thật, nói những lời đưa đến đoàn kết hòa hợp, nói những lời tao nhã đẹp lòng, nói những điều chân thật hữu ích.

Thứ tư là biết đủ trong hành động, nghĩa là dừng lại hay từ bỏ những việc làm sai trái xấu ác đưa đến phiền não khổ đau, như sát hại chúng sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; nỗ lực làm các việc chân chánh hiền thiện đưa đến an lạc, như tôn trọng sự sống và môi trường sống của chúng sanh, tôn trọng sở hữu và quyền sở hữu của người khác, tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người khác.

Thứ năm là biết đủ trong sinh sống, nghĩa là dừng lại hay từ bỏ các nghề nghiệp hay phương tiện mưu sinh bất chính, phi pháp, không lương thiện; thực hành nếp sống thiểu dục tri túc, nuôi sống sinh mạng bằng các phương tiện chính đáng, đúng pháp, lương thiện.

Thứ sáu là biết đủ trong nỗ lực, tức là dừng lại hay từ bỏ những việc làm sai trái xấu ác, những lời nói sai trái xấu ác, những ý nghĩ sai trái xấu ác; nỗ lực làm cho sanh khởi và phát triển những việc làm chân chánh hiền thiện, những lời nói chân chánh hiền thiện, những ý nghĩ chân chánh hiền thiện.

Thứ bảy là biết đủ trong nhớ nghĩ, tức là dừng lại hay rời bỏ việc nghĩ nhớ đến các đối tượng khiến cho tham dục, sân hận, tà kiến có điều kiện sanh khởi và tăng trưởng; chú tâm quán sát hay xem xét về tính chất duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của bản thân mình (danh sắc, ngũ uẩn, sáu nội xứ) và thế giới hỗ trợ cho mình tồn tại (sáu ngoại xứ) gọi là quán thân, thọ, tâm, pháp nhằm loại bỏ thói quen ái luyến, chấp thủ, dứt trừ ngã chấp hay rời bỏ “cái tôi” ảo tưởng.

Thứ tám là biết đủ trong định tâm, nghĩa là dừng lại các vọng niệm hay chặn đứng các tạp niệm; tập trung làm trong sạch nội tâm bằng biện pháp hành Thiền, khiến cho tâm đạt đến tăng thượng, thoát khỏi các trói buộc và ô nhiễm thế gian, thực chứng các trạng thái tịnh lạc sâu lắng đưa đến định tĩnh như hỷ lạc do ly dục sanh, hỷ lạc do định sanh, xả niệm lạc trú, xả niệm thanh tịnh, khiến cho tâm trở nên định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu uế, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản, có khả năng nhận diện đúng đắn và thông suốt về bản chất khổ đau của toàn thể hiện hữu, hướng đến đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt khổ đau sanh tử, gọi là thành tựu Chánh trí và Chánh giải thoát.

Nhìn chung, sống biết đủ hay thiểu dục tri túc được nói đến trong đạo Phật là một lẽ sống sáng suốt, có cân nhắc, có chọn lựa giữa chánh và tà, thiện và ác, thanh thản và trói buộc, hạnh phúc và bất hạnh, an lạc và khổ đau. Đó là thái độ biết đủ đối với những gì mà mình có được trong đời sống hàng ngày, biết đủ trong cái thấy, trong cái nghe, trong cái ngửi, trong cái nếm, trong sự xúc chạm và trong nhận thức, không để cho những cái ấy mê hoặc, trói buộc, làm cho mình rơi vào mê say, quay cuồng, vùng vẫy, khổ đau. Đó là sự

quyết tâm dừng lại các ý nghĩ bất thiện, các lời nói bất thiện, các việc làm bất thiện; nỗ lực phát huy những ý nghĩ hiền thiện, những lời nói hiền thiện, những việc làm hiền thiện. Hay đó là sự quyết tâm dừng lại tám tà đạo (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định), nỗ lực làm cho tăng trưởng tám Thánh đạo (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định). Nói cách khác, sống biết đủ hay thiểu dục tri túc trong đạo Phật không phải là thái độ bi quan chối bỏ cuộc sống, mà chính là thái độ tỉnh táo sáng suốt trong cuộc sống, biết khước từ những gì khiến bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu, và biết phát huy những gì khiến thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp giảm thiểu¹⁰.

Người con Phật hân hoan chấp trì nếp sống biết đủ, bằng lòng với lối sống thiểu dục tri túc, vì đó là lẽ sống sáng suốt mà các bậc giác ngộ đã chứng nghiệm và vì đó là lẽ sống thiết thực lợi lạc, rời xa phiền não khổ đau, đưa đến giải thoát an lạc. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, sau khi giảng cho các Tỳ-kheo về cách thức làm sạch các cấu uế tự nội, đã dùng một ví dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa lợi lạc của nếp sống mà Đức Thế Tôn đã ca ngợi là:

“Vui thay, sống biết đủ”

Chư Hiền, ví như một phụ nữ hay một đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm, tự quán sát mặt mày của mình trong một tấm kính sạch sẽ và trong suốt, hay trong một bát nước trong sáng. Nếu người ấy thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy tinh tấn đoạn trừ bụi bặm hay cấu uế ấy. Nếu người ấy không thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy sẽ hoan hỷ nghĩ rằng: ‘Thật sự ta được điều tốt đẹp; thật sự ta được thanh tịnh’. Cũng vậy chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ ràng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ ràng tất cả các ác, bất thiện pháp đã đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học trong thiện pháp¹¹. ■

Chú thích:

1. Kinh Eraka, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Tướng quân Sīha, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Māgandiya, *Trung Bộ*.
4. Kinh Tướng quân Sīha, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Điều ngự địa, *Trung Bộ*.
6. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
7. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
8. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
9. Kinh Pháp Cú, kệ số 331.
10. Xem Kinh Nền hành trì, không nên hành trì, *Trung Bộ*.
11. Kinh Tư lượng, *Trung Bộ*.



Đưa con cùng khổ trở về nhà

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

“Có người lúc tuổi còn bé, bỏ cha trốn đi ở lâu nơi xứ khác, hoặc mười, hai mươi năm cho đến năm mươi năm, tuổi đã lớn lại thêm nghèo khổ, rong ruổi khắp nơi để tìm cơm ăn áo mặc, lang thang tình cờ hướng về nước mình” (Kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Tín Giải*, thứ 4).

Đây là thân phận con người của mỗi chúng ta, lưu lạc xa nhà, đói khát về tâm linh mà thậm chí chưa hề đặt ra câu hỏi: Ta là ai? Quê nhà ta ở đâu? Ta lang thang cùng khổ ở chốn này để làm gì? Rồi chết ta về đâu?

Tại sao chúng ta thế này mà cho là nghèo khổ? Nghèo khổ vì để có một chỗ ở, để có thức ăn, để có những nhu cầu hàng ngày, chúng ta phải làm việc mỗi ngày. Khi sinh ra, chúng ta không có gì, và dẫu làm việc cả đời, tích trữ được một khối tài sản lớn, khi chết chúng ta cũng không mang theo được gì, dù chỉ một xu nhỏ.

Trong khi đó, người cha giàu có và quyền uy vô lượng, vẫn hằng nhớ con, cho đến một hôm, già cùng khổ lần hồi đến lãnh địa cha ở.

“Bấy giờ, kẻ cùng khổ trong bước đường kiếm ăn lần hồi tình cờ đến nhà người cha, bèn đứng ngoài cổng; xa thấy người cha ngồi giường sư tử; chuỗi ngọc châu báu nghìn vạn để trang nghiêm; xung quanh là các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ cung kính bao quanh, kẻ hầu người hạ... oai đức thế lực rất lớn, bèn sanh lòng lo sợ, hồi hận đã đến nhà này”.

Chúng ta đã nghe nói từ kinh điển, từ các vị thầy, rằng “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, nghĩa là chúng ta cùng một Phật tánh với Phật, chúng ta là con ruột của Phật. Nhưng khi đứng trước ngôi nhà của chính mình, thấy từ xa người cha của mình, tất cả nằm ngoài trí tưởng tượng, cho nên lo sợ và hồi hận đã đến trước nhà Như Lai.

Vì thói quen, tức là nghiệp, lâu đời cùng khổ của mình, đứng từ xa thấy Phật tánh quá sức xán lạn, quá nhiều thứ quý báu và đầy thế lực, phần nhiều chúng ta đều lo sợ, hồi hận. Lo sợ vì cái hạnh bao đời bao kiếp nay đi ngược với sự vinh quang và thế lực của Phật tánh. Nhà mình, chỗ ngồi của mình chỉ cách trăm bước mà lo sợ vì đã quên nhà, quên mình quá lâu, cứ tưởng mình là người cùng khổ, không cha không nhà. Cái làm cho mình nghèo cũng chính là ý tưởng rằng ta là một cuộc đời hữu hạn, từ đó những gì là của ta đều ít ỏi và vô thường.

“Chàng cùng khổ vội bỏ chỗ ấy để đi đến xóm nghèo kiếm sống. ‘Nếu ta đứng đây lâu họ sẽ bức bách ta làm’, gã nghĩ như thế liền bỏ chạy. Trưởng giả sai người hầu đuổi theo bắt lại, gã cùng khổ lớn tiếng kêu oan, sợ quá ngất xỉu ngã xuống đất. Người cha bảo chớ cưỡng ép đem đến, lấy nước lạnh tưới trên mặt cho tỉnh lại, đừng nói gì với nó. Vì người cha biết con mình ý chí hạ liệt, biết sự giàu sang oai quyền làm con khiếp sợ”.

Sợ hãi đến ngất xỉu vì không thể từ bỏ niềm tin sai lầm đã được huân tập từ bao đời nay rằng mình chỉ là kẻ

thấp hèn, hạ liệt. Vì đã lâu tin rằng bản chất của mình là bốn tướng ta, người, chúng sanh, thọ mạng hạn hẹp nên sợ hãi cái bản chất Phật tánh bao la vô hạn của mình. Ta, ta là người, ta là chúng sanh, ta có một thọ mạng giới hạn chính là sự nghèo nàn khổ khổ của kiếp người lang thang nổi trôi kiếm ăn qua ngày trong sanh tử.

"Sau đó ông trưởng giả bày ra phương tiện, thuê đứa con khốn cùng ấy hốt phân. Một ngày muốn đến gần con, ông phải cỡi chuỗi ngọc, y phục tốt đẹp, giả dạng bản cùng mới gần con được. Lần lần, cung cấp thêm cho gã cùng khổ tiền, đồ ăn và nói với anh ta rằng ông xem anh như con. Nhưng gã cùng khổ vẫn còn tự cho mình là khách. Liên tục như vậy hai mươi năm làm nghề hốt phân, mới dần dần tin mà ra vào không ngại sợ, nhưng vẫn ở nguyên chỗ cũ".

Cái ta và cái của ta càng được củng cố thì tự ti mặc cảm đối với Phật tánh của chính mình càng lớn, do đó mà có sự sợ hãi hối hận. Sự bám chấp vào cái ta và cái của ta hạn hẹp càng lớn thì sự nghèo khổ càng lớn; như bỏ khoảng không gian bao la mà nhận lấy khoảng không gian trong một tổ tò vò. Cái mặc cảm tự ti thấp kém này phải nhờ những phương tiện Phật giáo mới dần dần xóa bỏ được.

Những thành công vô thường lại còn tạo ra nghiệp mới của con người sanh tử chúng ta so với địa vị và tài sản thật sự trong Phật tánh của chúng ta thì chỉ là nghề "hốt phân".

"Rồi trưởng giả có bệnh, tự biết không còn sống bao lâu nữa, bảo với đứa con cùng khổ rằng: 'Ta có rất nhiều vàng bạc châu báu, kho chứa đầy đầy, cần có người để giao cho, giữ gìn, người phải biết tất cả. Lòng ta như vậy người nên thể theo ý ta. Vì sao thế? Nay ta cùng người bèn là không khác, nên gắng dụng tâm, chớ để mất mát'. Khi ấy gã cùng khổ nhận lời, nhưng không có ý mong lấy dù chỉ đáng bữa ăn. Gã vẫn ở tại chỗ cũ, tâm hạ liệt vẫn chưa bỏ được".

Sự sợ sệt chính mình là do tâm hạ liệt bao đời. Đó là tự vọng tưởng ra một cái ta hữu hạn, một trung tâm giả tạo trong đời sống chân thật không có trung tâm. Cái ta trung tâm ấy vì là một phần tử giới hạn nên có sống có chết, có lên xuống, chuyển dời. Rồi để phục vụ cho cái ta giả tạo ấy lại sanh ra tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ. Thế giới bao la được nhìn từ cái ta ấy trở thành phân mảnh, theo một chiều kích cái ta hạn hẹp để thành một thế giới của ta, xung đột với thế giới chân thật không có chiều kích.

Sự chấp ngã chấp pháp đã tạo ra một cái ta nhỏ hẹp và thế giới nhỏ hẹp của cái ta. Đây là điều kinh nói là sự nghèo khổ bản cùng của gã cùng khổ lang thang phiêu dạt. Sự chấp ngã chấp pháp tạo thành những thói quen kiên cố giới hạn lại đời sống bao la vô hạn mà kinh nói là Như Lai thọ lượng và Như Lai thần lực. Nghiệp chướng là những thói quen làm che chướng chúng ta với thực tại viên mãn toàn khắp mà kinh gọi là Như Lai.

Như một giọt nước trong đại dương tự vọng tưởng mình là một giọt nước riêng biệt, khác biệt với tất cả, mà lâu đời quên mình vốn là đại dương. Một giọt nước thì có trôi nổi, tan rã, có ta và cái của ta, có khổ đau vì ta và vì cái

của ta. Những lời dạy thành kinh điển của Đức Phật là để chúng ta thôi vọng tưởng ấy, để nhìn ra sự thật muôn đời rằng chúng ta không phải là những giọt nước, mà chúng ta là đại dương. Giọt nước là một với đại dương.

Tóm tắt, chính chấp ngã và chấp pháp là những che chướng do mỗi người tự xây tự tạo đã ngăn cản không cho chúng ta là một với thế giới Pháp Hoa giàu có vô lượng và quyền lực vô lượng. Cho nên tất cả các pháp môn Phật giáo là để giúp chúng ta phá bỏ những che chướng này. Đạo Phật là vô ngã và vô pháp. Chúng ta càng vô ngã vô pháp bao nhiêu, thế giới Pháp Hoa sẽ hiện ra cho chúng ta bấy nhiêu.

"Khi biết rằng tâm ý con đã dần dần thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm mình ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi tất cả mọi người đến để tuyên bố, các người nên rõ, đây là con ta, do ta sanh ra. Đã ở trong thành của ta lại bỏ ta trốn đi trôi nổi khổ sở hơn năm mươi năm. Nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở tại thành này lo lắng tìm kiếm bỗng giờ đây gặp được nó. Nó thật là con ta, ta thật là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải đều là của con ta.

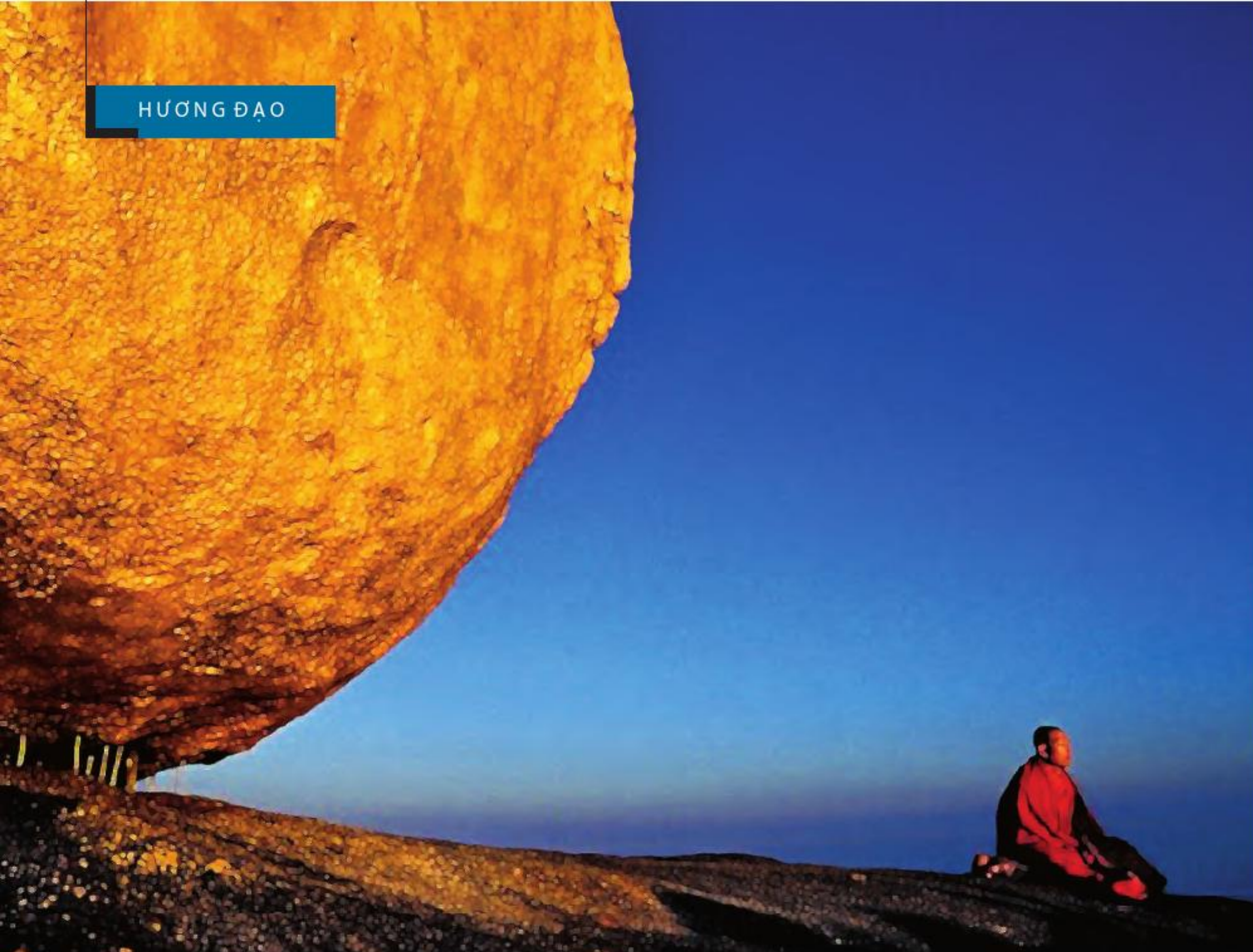
Khi ấy, gã cùng khổ nghe cha nói như thế liền rất hoan hỷ, được điều chưa từng có, nghĩ rằng: Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng quý báu này tự nhiên mà đến".

Chúng ta thấy quá trình nhận dạng lại chính mình quả rất khó khăn, dù luôn luôn có phương tiện của người cha trong mỗi giai đoạn. Chúng ta là những gã cùng khổ lang thang, và Đức Phật với đại trí và đại bi, người cha không thể nào bỏ con, không thể nào bỏ chúng sanh, đã làm tất cả phương tiện để dìu dắt chúng ta về lại quê nhà, bước vào nhà của mình, chấp nhận mình thật sự là Phật tánh, không phải là một thân giới hạn trong khoảng trăm năm, không phải là một tâm bị trói buộc trong vũng lầy của phiền não khổ đau không dứt.

Trong phần người xưa gọi là Bốn môn giảng về bản tánh vốn có của chúng ta, chúng ta thấy rằng mình đang sống không chỉ trong thọ mạng một trăm năm của nghiệp riêng của mình, mà trong Như Lai thọ lượng, nghĩa là trong thọ lượng vô cùng vì không có bắt đầu và chấm dứt. Tâm chúng ta không phải chỉ kinh nghiệm một khoảng rất nhỏ của đời sống, mà là tất cả vũ trụ, là Như Lai thần lực, sức năng động của tất cả vũ trụ.

Tin hiểu được như thế, đó là con đường trở về nhà cha.

Thế giới Pháp Hoa hay nhà cha vốn như vậy (Mười Như thị, phẩm *Phương tiện*, thứ 2), nghĩa là vốn có sẵn, cho nên sự trở về nhà nhanh hay chậm là tùy nơi chúng ta. Cái trì kéo, đeo nặng nơi thân tâm chúng ta là chấp ngã và chấp pháp. Tin hiểu thế giới Pháp Hoa vốn có sẵn, đang bao bọc chúng ta và tin hiểu rằng ngã và pháp là không thật có, sự tin hiểu ấy khiến chúng ta thấy xưa nay mình vẫn ở quê nhà, vẫn là con của Trưởng giả Đức Phật, và chuyện lang thang cùng khổ suốt mấy chục năm chỉ là "giấc mộng hôm qua". ■



Con đường đi đến giải thoát sanh tử

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Khi tu học theo Phật giáo, không ai trong chúng ta là không mong muốn đạt đến quả vị giải thoát sanh tử, nhưng đường đi thì có trăm ngàn cách và sự thể hiện của hành giả phải như thế nào qua cách hành trì của mình để đạt đến sự giác ngộ, giải thoát của mỗi người lại khác nhau. Đây là đề tài mà chúng ta cần nên mổ xẻ để định hướng cho lối đi này.

Niết-bàn cũng còn gọi là *vô ngã* hay cũng còn gọi là *hưu tức*, nghĩa là dừng lại tất cả mọi trạng thái của hơi thở. Niết-bàn không là một nơi chốn để đến hay để đi, mà là một trạng thái không còn sanh diệt nữa. Do vậy khi đọc trong kinh Nam truyền chúng ta thường hay thấy các vị A-la-hán sau khi chứng Đạo thường hay tuyên bố rằng: “Ta việc sanh đã hết, những phạm hạnh

đã lập, việc nào cần làm ta đã làm xong và ta biết chắc một điều là kiếp sau ta không còn tái sanh nữa”.

Tuyên bố một câu dứt khoát như vậy, có nghĩa là người ấy sẽ không còn bị sự sanh diệt chi phối nữa. Lời này cũng đã được Thái tử Tất-đạt-đa khi sinh ra tại vườn Lâm-tỳ-ni cách đây 2.640 năm về trước, sau khi nói câu: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” tiếp đó Ngài đi bốn hướng và nói bốn lần câu: “Ta việc sanh đã hết, những phạm hạnh đã lập, việc nào cần làm Ta đã làm xong và Ta biết chắc một điều là kiếp sau Ta không còn tái sanh nữa”.

A-la-hán được định nghĩa là: Vô sanh, Vô học hay Sát tặc. Nghĩa nào cũng có ý là không còn tái hiện nữa, dứt mọi sự đến đi, còn mất hay đối đãi. Nhiều vị đã chứng A-la-hán ngay trong đời sống này, chứ không nhứt thiết

phải chờ đến hơi thở cuối cùng mới nhập vào trạng thái Vô Sanh. Do vậy Thiển Sư Nhất Hạnh thường nói rằng: “Không có con đường nào dẫn đến Niết-bàn, mà Niết-bàn chính là con đường”. Ai đang thực hành con đường giải thoát sanh tử, thì người ấy cũng có thể nói rằng: “Họ sẽ được dẫn đến Niết-bàn an lạc”.

Đại thừa thì định nghĩa Niết-bàn khác hơn một chút. Ai không chấp thủ, không chấp ái và không chấp ngã, thì đó là Niết-bàn. Những gì là Thủ, là Ngã, là Ái... thì chúng ta đã học nhiều rồi, nhưng chúng ta đã liễu ngộ được chăng? Nói về chấp thủ, chỉ cho mình là đúng, còn kẻ khác thì sai. Câu chuyện bắt đầu như sau: Một hôm hai ông bà già cãi với nhau và ai cũng bảo rằng người kia điếc, chứ còn mình thì không điếc và cái không điếc ấy mới là đầu đuôi câu chuyện.

- “Ông mới là người điếc”. Bà bảo thế.

- “Không! Bà mới là người điếc”. Ông hô lớn lên như vậy. Rồi một hôm ông bảo bà rằng:

- “Bà hãy đứng xa tôi mười mét”, và ông bắt đầu gọi bà đến ba lần, nhưng ông chẳng nghe tiếng trả lời. Tiếp theo ông đề nghị rằng:

- “Bây giờ mình nên đứng gần thêm chừng năm mét” và gọi lớn tên bà ba lần nữa, nhưng ông cũng không nghe tiếng trả lời. Lúc ấy ông nghĩ rằng: “Bà này sao mà điếc quá vậy?”, và ông tiến gần đến cách bà chỉ còn có ba mét nữa thôi. Sau khi gọi bà lần thứ ba thì bà trả lời ông rằng: “Tôi đã trả lời ông ba lần rồi tại sao ông vẫn gọi hoài như vậy?”...

Đó là cả hai người đều chấp vào sự nghe thấy của mình, gọi là Kiến thủ.

Còn chấp Ngã thì như thế nào? Trong kinh *Tạp A-hàm* có kể nhiều câu chuyện khi Đức Phật còn tại thế rất hay như sau:

Một hôm Ngài A-nan bạch Phật rằng:

- “Kính bạch Đức Thế Tôn! Con không biết thế nào là Ngã và thế nào là Ngã sở? Kính mong Đức Thế Tôn dạy cho”.

Đức Phật từ tốn bảo Ngài A-nan rằng:

- “Ông hãy lấy hai bàn tay vỗ mạnh vào nhau”, sau đó Đức Phật hỏi:

- “Này A-nan, ông có nghe gì chăng?”.

- “Bạch Thế Tôn, Con có nghe”.

- “Nghe gì?”

- “Bạch Ngài, âm thanh của hai bàn tay vang lên”.

- “Đúng vậy! Nhưng âm thanh ấy trước, trong và sau khi ông nghe được thì nó ở đâu? Nó có hình tướng chăng?”.

- “Bạch Thế Tôn, không! Con thấy âm thanh ấy trước đó nó không có và sau đó nó cũng chẳng đi về đâu cả”.

Thế Tôn bảo rằng: “Ngã cũng như thế ấy. Nó chẳng thật có, như tiếng vỗ của hai bàn tay thôi”.

- “Còn Ngã sở là như thế nào? Bạch Thế Tôn”.

Phật bảo: “A-nan, hãy nhìn bó củi kia; nó có hình tướng chăng?”.

- “Bạch Ngài, có”.

- “Ông hãy đem lửa đốt nó cho Ta”. Và sau khi Ngài A-nan đốt bó củi ấy đi rồi thì Đức Phật bảo rằng:

- “Này A-nan, bó củi ấy bây giờ ở đâu rồi?”.

- “Bạch Thế Tôn! Chỉ còn đồng tro tàn, chứ không còn hình tướng là một bó củi nữa”.

Cũng như thế ấy, Thế Tôn dạy rằng: “Lâu nay các ông vẫn luôn cho rằng, cái này là của ta, cái này thuộc về ta, nó do ta làm chủ... Nhưng cuối cùng mọi vật có hình tướng trên thế gian này đều không có tướng thật của nó. Thật tướng của vạn pháp là ‘Không’. Không ấy là Không gì cả, không ấy là hiện tượng đổi thay, nhưng mắt trần của chúng sanh duyên vào sự chấp Thủ, chấp Ngã và chấp Ái nên mới sinh ra như vậy. Ai không còn chấp ba món này, người ấy sẽ tận hưởng Niết-bàn an lạc ngay trong đời này”.

Những câu chuyện trên nhắc lại cho chúng ta thấy về Ngã và Pháp, chấp và không chấp cũng như pháp Duyên Sanh như sau:

Một hôm ngài Asita đi khát thực ngoài làng. Ngài Xá-lợi-phất gặp ngài Asita và hỏi rằng:

- “Ngài tu theo pháp môn nào và Thầy của ngài là ai vậy?”.

“Thầy tôi dạy tôi rằng: ‘Tất cả các pháp đều do nhơn duyên sanh, tất cả các pháp đều do nhơn duyên diệt và tự tánh của các pháp là không’”. Ngài Asita trả lời như vậy.

Ngài Xá-lợi-phất sau khi nghe câu nói ấy liền chứng quả Tu-đà-hoàn liền, vì lâu nay ở trong phái ngoại đạo của ngài, chưa có vị Thầy nào dạy được ngài cách nhìn về vạn pháp như vậy; và tiếp đó ngài Asita bảo rằng:

“Tôi chỉ biết có vậy, còn ông muốn hiểu thâm sâu hơn thì hãy đến với Thầy tôi, chính là Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni sẽ dạy cho ông thêm nữa”. Sau đó ngài Xá-lợi-phất về báo cho ngài Mục-kiền-liên biết tin vui này và cả hai ngài đều dẫn đệ tử của mình đến quỳ dưới chân Đức Phật để được xuất gia và làm những vị Tỳ-kheo chơn chính.

Những dẫn chứng trên cho chúng ta thấy rằng: Muốn hiểu được Phật thì phải hiểu Pháp. Kẻ nào hiểu được Pháp thì kẻ ấy sẽ hiểu được Phật. Phật Pháp Tăng là ba ngôi báu, nhưng Pháp quan trọng hơn cả hai ngôi kia. Vì Phật ai cũng có thể thành, như Đức Phật đã từng dạy rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Tăng ở vào một thời điểm cuối của kiếp hoại sẽ không còn nữa, nhưng Pháp ấy sẽ không bị lệ thuộc vào quá khứ, hiện tại hay vị lai, mà Pháp ấy vẫn luôn tồn tại trên thế gian này.

Pháp Duyên Sanh có nghĩa là: “Cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt và tự tánh của các Pháp vốn là không”. Ai hiểu và thực hành được điều này, kẻ ấy sẽ hiểu Phật và sẽ đạt đến được con đường giác ngộ, giải thoát, vốn không xa.

Điều quan trọng ở đây là phải chứng thực nơi Pháp và phải tỏ ngộ nơi Pháp thì Phật tánh, Chơn tâm và Đại định mới hiển bày. ■



Hãy đọc các dòng chữ trong tâm thức mình

Sự phức tạp của vô minh

Sự tự lừa phỉnh mình có nhiều lớp chồng lên nhau. Càng tu tập lâu dài và càng tìm hiểu mọi sự vật thì các bạn tất sẽ cảm thấy không nên vội huênh hoang cho rằng mình biết hết. Trái lại, các bạn sẽ ngày càng nhận thấy thật nhiều điều sai trái tạo ra bởi vô minh dưới vô số các thể dạng khác nhau. Việc phân tích các độc tố tâm thần của mình cũng sẽ theo đó mà ngày càng trở nên tinh tế hơn. Trước đây các bạn không hề chú ý đến điều này nên cứ nghĩ rằng quan điểm của mình chính là sự hiểu biết, đấy chẳng qua là cách tự cho rằng là mình hiểu biết thế thôi. Các quan điểm ấy nào có phải là sự hiểu biết đích thật đâu.

Các quan điểm đó chỉ là kết quả mang lại từ sự hiểu biết về các dòng chữ mà người ta dùng để chỉ định các sự vật mà thôi. Thế nhưng chúng ta thì lại cứ cho rằng đấy đích thật là sự hiểu biết, và cứ khẳng khẳng vin vào

đấy để tin rằng mình hiểu biết. Đó là tình trạng tự đánh lừa mình một cách vô cùng tinh vi.

Vì thế phải quan sát cẩn thận, phải phân tích chi tiết các tư duy hiện lên với mình. Nhiều khi chúng lừa phỉnh mình thật trắng trợn, ngay trước mắt mình. Do đó mọi sự có thể chuyển biến thật tệ hại, bởi vì mình không ngờ là mọi sự vật lại có thể đánh lừa mình đến mức độ đó. Chúng ta cứ ngỡ rằng mình là những người sành sỏi. Dù chúng ta thừa sức thao thao bất tuyệt, hết chuyện này đến chuyện nọ, thế nhưng thật ra các sự hiểu biết đó cũng chỉ đơn giản là trí nhớ về chữ nghĩa mà thôi. Chúng ta nghĩ rằng chữ nghĩa là trí tuệ, tư duy là trí tuệ, hoặc cũng có thể nghĩ rằng các sự tạo tác tâm thần là trí tuệ, và cứ thế mà chúng ta pha trộn tất cả các thứ ấy với nhau. Do đó chúng ta thường tự hào về các mảnh vụn ấy của sự hiểu biết, chúng len sâu vào tâm thức mình và biến tâm thức trở thành méo mó, các mảnh vụn hiểu



UPASIKA KEE NANAYON
HOANG PHONG dịch

biết ấy thật ra cũng chỉ là các ảo giác mà thôi. Không mấy khi chúng ta thực hiện được một tâm linh tỉnh giác, trong khi đó các thể dạng tâm thần lừa phỉnh thì lại quá nhiều, chúng bủa vây chúng ta trên khắp mọi mặt.

Do đó chúng ta phải suy tư và hành xử như thế nào hầu có thể nhìn xuyên qua các mảnh vụn ảo giác đó với một tâm linh thật tỉnh thức. Đây là cách giúp mình đọc được tâm thức mình. Nếu như sự chú tâm (awareness/sự tỉnh giác, tỉnh thức) có thất thoát đi thì cũng không nên tìm cách đuổi bắt nó, mà phải dừng lại và quay nhìn vào nội tâm mình. Đối với bất cứ gì thâm nhập vào tâm thức và quấy rối nó thì các bạn cũng chỉ cần chú tâm theo dõi chúng với tất cả sự tỉnh thức của mình. Các bạn không thể nào ngăn cấm chúng được, bởi vì đây là những gì thật tự nhiên. Do đó các bạn cũng không nên tìm cách cô lập hóa tâm thức mình một cách quá đáng. Các bạn chỉ cần đơn giản

duy trì sự tỉnh giác, theo dõi chúng xem chúng xoay sở ra sao, chúng còn “thật” đến mức độ nào vào đúng các thời điểm đó, chúng biến mất như thế nào và hiện lên trở lại như thế nào. Các bạn theo dõi chúng, và cứ tiếp tục theo dõi chúng thế thôi. Chỉ cần đơn giản theo dõi chúng là cũng đủ giúp mình đọc được những gì bên trong con người của mình, quán thấy sâu xa được các nguyên nhân và hậu quả bên trong chính mình, giúp mình suy tư về chính mình. Đây là cách giúp mình phát huy sự tỉnh giác và khả năng quán thấy của mình ngày càng sắc bén hơn. Nếu các bạn không luyện tập theo cách đó thì sẽ khó tránh khỏi tâm thức bị bao phủ bởi bóng tối. Đôi khi tâm thức mình cũng có thể tìm thấy một kẻ hở trống vắng, một chút thanh thản nào đó, khiến mình cảm thấy hài lòng và cho rằng như thế là cũng quá tốt rồi.

Nếu nhìn vào trường hợp của Đức Phật thì các bạn tất sẽ nhận thấy ngay là dù đạt được một sự hiểu biết siêu việt đến đâu đi nữa thì Ngài cũng không bao giờ dừng lại ở đó. Ngài luôn tự nhủ: *“Nhất định còn có thể đẩy sự hiểu biết về điều đó xa hơn như thế nữa”*.

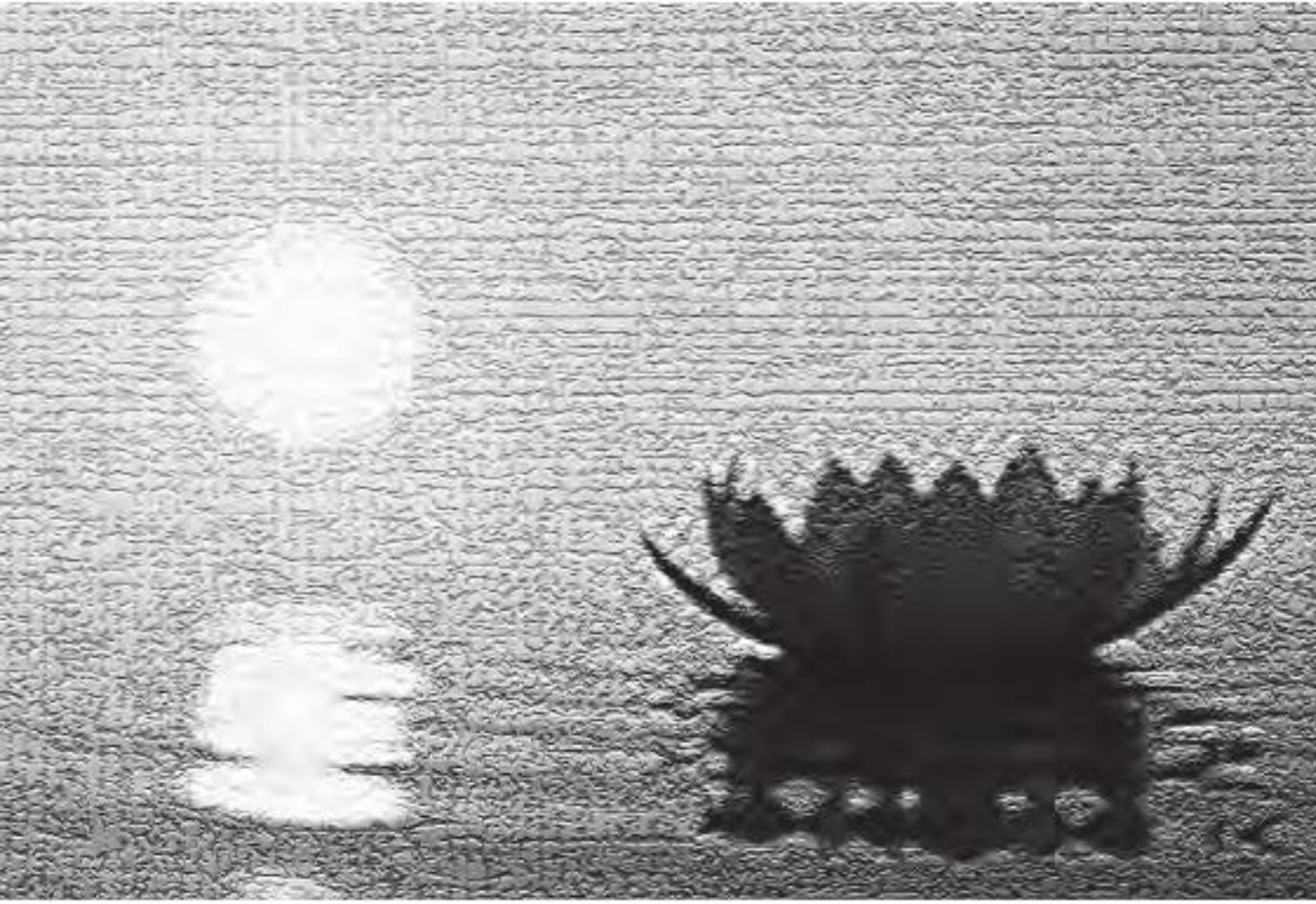
Trước hết Ngài phát huy sự tỉnh giác và sự quán thấy sâu xa qua tất cả mọi sinh hoạt của mình, thế nhưng sau đó thì Ngài cũng tự nhủ: *“Thật hết sức rõ ràng là ngoài các thứ ấy ra còn có rất nhiều điều khác cần phải đạt được, phải vượt xa hơn như thế nữa”*. Trong khi đó thì chúng ta luôn cảm thấy tự mãn và khoe khoang về các thành tích mà mình đã thực hiện được. Chúng ta cố gắng làm việc này hay việc nọ trong một khoảng thời gian nào đó và sau đấy thì cho rằng mình đã biết hết, không cần phải làm gì thêm nữa. Sự kiêu hãnh và tự hào đó sẽ làm giảm đi sự tỉnh giác của mình.

Tánh Không là gì?

Khi nói một tâm thức trống không, thì nó trống không về cái gì? Tánh Không (Emptiness/Vacuité/sự Trống Không) phải chăng có nghĩa là tất cả đều biến mất và trở thành hư vô hay không?

Mỗi khi nói đến một tâm thức trống không (empty/vide) thì không nên hiểu là tâm thức bị hủy diệt. Những gì bị hủy diệt là sự nắm bắt và bám víu của tâm thức. Những gì cần làm là chú ý xem mỗi khi Tánh Không hiện ra thì nó sẽ giống như thế nào, và nhất là không nên nắm bắt lấy nó. Chủ đích của Tánh Không là tạo ra cho các bạn một phương tiện vượt thoát cái chết - tức là sự trống không của cái “ngã” - thế nhưng tâm thức thì vẫn tiếp tục vận hành, hiểu biết và đọc được những gì bên trong nó. Không nên dán lên sự cảm nhận về Tánh Không một nhãn hiệu nào cả, và cũng không nên bám lấy nó. Tất cả cũng chỉ đơn giản có thế.

Tánh Không có nhiều cấp bậc và thuộc nhiều thể loại khác nhau. Tuy nhiên một khi đã có thể loại này và thể loại kia thì đấy không phải là Tánh Không đích thực, bởi vì bên trong cái Tánh Không ấy còn tàng ẩn ý định



tìm hiểu xem là nó thuộc thể loại nào và mang các đặc tính như thế nào, v.v... Đây là những gì phải suy nghĩ thật sâu xa nếu các bạn thật sự muốn tìm hiểu Tánh Không là gì. Nếu Tánh Không chỉ mang tính cách bên ngoài - có nghĩa là phát sinh từ một tâm thức an bình, không tư duy và đã loại bỏ được cảm tính về cái ngã - thì chưa phải là Tánh Không đích thật. Tánh Không đích thật nằm rất sâu, không phải ở cấp bậc thanh thân của tâm thức hay sự tập trung tâm thần. Tánh Không đích thật là một thứ gì đó vô cùng sâu kín.

Thế nhưng qua những gì mà chúng ta tự học hỏi được hoặc nghe người khác thuyết giảng thì chúng ta thường có xu hướng nghĩ rằng sự trống không của tâm thức trong thể dạng an bình của nó là Tánh Không, do đó tất cả các nhãn hiệu mà chúng ta dán lên cho Tánh Không đó đều sai lầm. Thể dạng ấy thật ra cũng chỉ là một sự bình lặng thông thường. Nếu muốn quán thấy được Tánh Không đích thật thì các bạn phải tìm hiểu sâu xa hơn thế rất nhiều. Dù trước đây nhờ nghe giảng các bạn từng thực hiện được các kinh nghiệm cảm nhận về Tánh Không như thế nào đi nữa thì cũng chớ vội ôm chầm lấy nó. Không nên tưởng tượng là mình đã đạt được cấp bậc này hay cấp bậc kia của sự giác ngộ, nếu không thì tất cả sẽ chỉ là sự đổ vỡ mà thôi. Thật ra thì đây cũng chỉ là cách mang lại cho các bạn một thể dạng bình lặng, giúp mình duy trì một tâm linh tĩnh thức vững chắc mà thôi. Thế nhưng một khi các bạn đã dán lên một nhãn hiệu cho sự cảm nhận Tánh Không đó, thì nó sẽ dừng lại ở đấy..., hoặc bung ra khắp hướng.

Dán một nhãn hiệu lên trên một sự cảm nhận tự nó là một hành động bám víu. Điều này vô cùng tinh tế: mỗi khi có một thứ gì hiện ra trong tâm thức mình thì tức khắc sự bám víu sẽ nắm bắt lấy nó. Vì thế các bạn phải giữ tâm thức trống không, không dán thêm cho nó một nhãn hiệu nào cả, bởi vì sự Trống Không (Tánh Không) là sự buông bỏ tất cả mọi mối quan tâm, thoát khỏi các tác động của tư duy, là một thứ gì đó mà mình phải tìm kiếm ở một cấp bậc thật sâu xa. Không nên dán cho nó nhãn hiệu này hay nhãn hiệu nọ, bởi vì một khi đã rơi vào sự đánh giá và so sánh thì tất cả sẽ trở nên bế tắc ngay, nhất là đối với quá trình hiểu biết về sự chuyển động liên tục của tâm thức.

Vậy trước hết, các bạn chỉ nên đơn giản quan sát tất cả những thứ ấy với sự tỉnh giác của mình thể thôi. Nếu các bạn phát lộ một sự chờ mong nào đó thì mọi chuyện sẽ hỏng ngay: thay vì trông thấy mọi sự vật một cách minh bạch thì các bạn sẽ không trông thấy gì cả. Các bạn sẽ dừng lại tại đó và không bước thêm được một bước nào nữa. Vì thế mỗi khi luyện tập tâm thức hoặc tìm hiểu nó thật sâu xa nhằm mang lại cho mình một sự quán thấy minh bạch về những gì thỉnh thoảng hiện ra trong tâm thức mình, thì cũng chỉ nên xem chúng đơn giản là những gì để mình quan sát thể thôi.

Mở rộng con tim

Chỉ khi nào đọc được đúng đắn các dòng chữ trong tâm thức mình thì khi đó các bạn mới nhận biết được các thứ độc tố tâm thần để mà loại bỏ chúng: đây là phép thiền định sâu xa (insight meditation/vipassana). Tâm thức trong trường hợp này sẽ là một con dao thật sắc, chỉ cần một nhát là cắt bỏ được tất cả các độc tố. Dù chúng có hiện lên trở lại thì các bạn cũng sẽ cắt phăng được chúng thật dễ dàng. Khi đã thấu hiểu được các mảnh khé của "cái tôi" hay "cái ngã" thì việc loại bỏ nó cũng chẳng khác gì một trò đùa cợt, tương tự như lấy ngón tay ấn bẹp nó. Mỗi khi trông thấy nó thò mũi ra để đòi hỏi một thứ gì đó, thì chỉ cần quan sát xem nó muốn gì, tại sao nó lại muốn có thứ ấy, và xem nó "có quyền" đòi hỏi các thứ ấy hay không. Đây là cách mà các bạn khắc phục và đặt nó vào khuôn phép.

Một khi đã nắm vững được sự hiểu biết trên đây thì việc duy nhất còn phải làm là buông bỏ các độc tố ấy hầu mang lại sự giải thoát cho mình. Hãy tưởng tượng khi đã buông bỏ được chúng thì mình sẽ cảm thấy thoải mái đến mức độ nào! Phép luyện tập thiền định trên đây sẽ giúp mình biết dừng lại và ngăn chặn không cho bất cứ một chương ngại nào có thể bắt ngờ hiện lên trong nội tâm mình. Mỗi khi các độc tố tâm thần hiện lên và đòi hỏi một thứ gì đó, chực bám víu vào một thứ gì đó, thì mình cũng không nên tham gia vào sự đùa cợt đó của chúng. Cứ để cho chúng tự tan biến đi. Chỉ cần đơn giản luyện tập theo phương pháp đó cũng đủ giúp mình loại bỏ được rất nhiều căng thẳng và khổ đau, và khiến cho các thứ độc tố phải bị "bong tay".

Nếu chúng ta biết thường xuyên khắc phục các độc tố tâm thần như cách trên đây thì sẽ khiến chúng bị lên cơn sốt. Phải hiểu rằng điều đó có nghĩa các độc tố tâm thần bị lên cơn sốt, không phải là mình! Các bạn nên nhớ Đức Phật có nói một câu: Hãy ném các độc tố tâm thần vào lửa, nếu không thì chúng sẽ đốt cháy mình.

Do đó chúng ta phải cố gắng đốt cháy ngay tất cả các độc tố tâm thần, dù chúng có oán trách mình đã ngược đãi chúng. Chúng ta cứ đóng chặt cửa nhốt chúng vào bên trong. Khi chúng không còn biết là phải làm gì nữa thì nhất định chúng sẽ quay ra oán trách

mình: “Ta không còn chịu đựng mi được nữa! Ta không còn tự do làm gì thì làm!”.

Trong trường hợp đó thì các bạn cứ bình tĩnh quan sát xem chúng muốn gì? Nắm bắt những gì? Các thứ ấy ở đâu? Quan sát chúng với tất cả sự chăm chú của mình thì chúng sẽ dừng lại ngay, không còn chạy tới chạy lui hay bung ra khắp hướng nữa. Không phải là quá khó khi sai khiến các thứ bên ngoài và buộc chúng phải dừng lại, thế nhưng tự bảo mình phải dừng lại, hoặc ra lệnh cho các thứ độc tố không được phép tác động mà phải dừng lại, thì sẽ không phải là một chuyện dễ. Tuy nhiên với khả năng nhận định của mình thì chuyện đó không phải là không làm được. Nếu các bạn phát huy được sự tỉnh giác và khả năng nhận định sáng suốt thì mình cũng có thể ra lệnh cho các thứ độc tố phải dừng lại. Không bao giờ nên nghĩ rằng mình không đủ sức làm cho các độc tố phải dừng lại. Các bạn thừa sức làm việc đó. Vấn đề tỏ ra khó khăn, chằng qua là vì từ trước đến nay các bạn quá đại dốt, cứ thả lỏng cho các độc tố tung hoành thỏa thích, và cách hành xử đại dốt đó đã trở thành bản chất thứ hai của chính mình.

Vì thế chúng ta phải biết dừng lại. Khi đã dừng lại được, thì các độc tố cũng sẽ phải dừng lại theo. Dù các độc tố (*nghiệp*) có hiện ra trở lại thì mình cũng sẽ bắt chúng dừng lại dễ dàng. Vậy nếu đã hiểu được như thế thì tại sao chúng ta lại không chịu luyện tập thiền định? Dù các độc tố tâm thần có ngoan cố đến đâu thì cũng chỉ cần đơn giản quan sát chúng. Cứ giữ sự thân thiện và làm quen với chúng thì sớm muộn chúng cũng sẽ biến mất. Khi nào chúng biến mất thì khi đó chúng ta sẽ nhận thấy được ngay bản chất lửa phình của chúng. Trước đó chúng ta nào có ý thức được sự lương gạt ấy đâu, hễ chúng thúc giục mình làm việc gì thì mình làm ngay. Thế nhưng một khi đã thấu hiểu được bản chất của chúng thì chúng sẽ dừng lại. Chúng sẽ tan biến hết. Dù các bạn không tìm cách loại bỏ chúng, thì chúng cũng sẽ tự tan biến. Khi trông thấy chúng biến mất thì tức khắc một con đường cũng sẽ mở rộng ra bên trong con tim mình. Các bạn thấy đó, chúng ta luôn có cách hóa giải sự thống trị của các độc tố, dù chúng có lì lợm đến đâu đi nữa. Thế nhưng các bạn cũng không nên lơ là mà phải tiếp tục cảnh giác, nếu chúng có hiện lên trở lại thì mình mới kịp thời buông bỏ chúng được.

Vì thế tôi khuyên các bạn hãy bảo trì các khí cụ của mình thật sắc bén hầu có thể mang ra sử dụng bất cứ lúc nào. Khi nào sự nhận định của các bạn trở nên thật sắc bén trên tất cả mọi mặt thì nó cũng sẽ có thể giúp mình buông bỏ và loại trừ tận gốc rễ bất cứ một quan điểm nào. Nếu duy trì được thể dạng tâm thức đó và ý thức được là phải làm thế nào để bảo toàn được sự cảnh giác thì đây có nghĩa là các bạn biết bảo trì các khí cụ của mình luôn sắc bén.

Đến đây thiết nghĩ các bạn đã nắm vững được các nguyên tắc căn bản, và tôi cũng mong rằng các bạn

hãy cố gắng mang ra thực hành với tất cả khả năng và sự tỉnh giác của mình. Cầu mong các bạn luôn can đảm và kiên trì trong việc luyện tập, hầu giải thoát mình ra khỏi mọi sự bồn loạn và khổ đau, mang lại cho mình thật nhiều điều tốt lành trên mọi mặt. ■

Giới thiệu của người dịch:

Upasika Kee Nanayon hay nữ cư sĩ Kee Nanayon còn có một tên gọi khác mang tính cách tôn vinh hơn là Ajahn Kor Khao Suan Luang (vị Thầy của khu đất Khao Suan Luang). Bà sinh năm 1901 trong một gia đình người Hoa tại tỉnh Rajchaburi, cách thủ đô Bangkok của Thái Lan khoảng 150km về phía Tây. Mẹ bà là một phụ nữ rất sùng kính Phật giáo, giữ giới thật nghiêm túc, mỗi tối đều tụng kinh, và ngay từ thuở ấu thơ bà đã từng được nghe mẹ giảng một vài khái niệm Phật giáo căn bản. Có thể được coi là do túc duyên, khi còn là một đứa bé gái ngây thơ bà đã quyết định sẽ không lập gia đình và chỉ muốn được trở thành một người tu tập Phật giáo.

Thời tuổi trẻ, bà đã phải giúp cha trông coi cửa hàng tạp hóa của gia đình, thế nhưng mỗi khi có chút thì giờ thì bà vui đầu vào các kinh sách nói về Dhamma (Đạo pháp) và tự luyện tập thiền định. Bà rất ngưỡng mộ vị thầy tu tập theo truyền thống tu trong rừng rất nổi tiếng thời bấy giờ là Bhikkhu Buddhadasa. Tuy tự luyện tập thiền định một mình nhưng bà thăng tiến rất nhanh, và sau đó đã dạy lại cho cha mình và đã giúp cha mình tìm được sự thanh thản và sáng suốt trong những năm cuối đời. Sau khi cha mất, bà tiếp tục quản lý cửa hàng, cố dành dụm một ít tiền hầu sau này tìm một nơi ẩn tu để tiếp tục quãng đời còn lại.

Năm 1945, khi Thế chiến thứ II vừa chấm dứt, lúc đó đã 44 tuổi, bà bèn giao cửa hàng cho người em gái và đến tá túc với vợ chồng người dì rất sùng kính Phật giáo. Nhà họ ở dưới chân một ngọn đồi cây cối um tùm và xanh mát. Cả ba tu bổ lại một ngôi chùa hoang phế gần đó để làm nơi tu tập. Lúc đầu chỉ thỉnh thoảng mới có vài bạn bè và thân quyến đến thăm. Trong các dịp này Upasika Kee Nanayon thường kể chuyện về Dhamma (Đạo pháp) và được người nghe chú tâm. Cứ thế tiếng đồn về những lời giảng sâu sắc nhưng dễ hiểu của bà ngày càng vang xa, số người kéo nhau đến viếng ngày càng đông mà hầu hết là phụ nữ. Thế rồi một số lưu lại chùa và xin làm đệ tử của bà. Bà từ già thể giới hiện tượng này thật an bình và thanh thản vào năm 1978. Ngày nay ngôi chùa nhỏ trước kia đã được xây dựng thêm và trở thành một trung tâm tu tập dành cho phụ nữ.

“*Reading the Mind*” là tựa bằng tiếng Anh cho một quyển sách nhỏ của bà, gồm chín đoạn văn vốn viết bằng tiếng Thái, đã được nhà sư người Mỹ Thanissaro Bhikkhu dịch sang tiếng Anh; độc giả có tham khảo trên trang mạng: <http://www.accesstoinight.org/lib/thai/kee/readmind.html>). Quyển sách này cũng đã được một nữ cư sĩ người Pháp là Jeanne Schut dịch sang tiếng Pháp với tựa “*Savoir lire notre Esprit*” (xin tham khảo trên trang mạng: http://www.dhammadelaforet.org/sommaire/pdf/kee/savoir_lire_esprit.pdf). Bài trên đây trích dịch từ tập sách ấy.



Sao một mình trong rừng

TÁN NGHĨA

Anh X. biết nhiều về xe máy, gặp ai anh cũng bàn về xe máy. Chị Y. biết nhiều về mỹ phẩm, gặp ai chị cũng bàn về mỹ phẩm. Ông Z. biết nhiều về khoa học, gặp ai ông cũng bàn về khoa học. Bà T. biết nhiều về các vấn đề thời sự, gặp ai bà cũng bàn về thời sự. Nếu anh X. bàn chuyện xe máy với chị Y. thì có khả năng mọi tâm đắc của anh X. đều không được chị Y. để ý. Cũng vậy nên ông Z. đem chuyện khoa học nói với bà T. thì có khả năng bà T. chẳng để câu chuyện khoa học ấy lọt lỗ tai. Nói cho người cần nghe, không nói cho người không muốn nghe, là điều mà ai cũng nên chú ý.

Ta hãy xem câu chuyện tiền thân Kàrandiyaa.

Chuyện do bậc Đạo sư kể khi trú tại Jetavana. Chuyện kể về Tướng quân Chánh pháp Sariputta. Khi có bọn thợ săn, chài lưới,... đến với ngài, trưởng lão đều giảng giới luật đạo đức cho họ. Ngài cũng giảng cho bất cứ ai mà ngài có dịp gặp. Ngài bảo: "Hãy nhận giới luật". Do lòng tôn kính trưởng lão, họ không thể cưỡng lời ngài, và khi nhận giới luật xong, họ không thể thủ trì được mà ai nấy đều theo lối làm ăn riêng của mình.

Luật mà ngài Sariputta giảng là năm giới căn bản của người tại gia: không giết chóc, không lấy của không cho, không quan hệ tình dục sai trái, không nói

dối, không sử dụng phương tiện gây nghiện. Khi một người tuân theo các giới luật này thì sẽ có cuộc sống lành mạnh. Theo Phật học, người tuân theo năm giới này tương lai sẽ không bị đầu thai vào ba đường ác là quỷ đói, súc sinh, địa ngục. Đây là những điểm tốt của việc tuân theo năm giới này. Chính vì muốn cho mọi người có cuộc sống tốt đẹp mà ngài Sariputta luôn luôn giảng giải cho mọi người mà ngài gặp. Tuy nhiên, tuân theo giới luật là việc tự nguyện của từng người. Khi một người tuân theo giới luật, cách sống của người ấy cũng phải thay đổi theo để không vi phạm. Nếu một người là thợ săn hay chài lưới muốn tuân thủ giới cấm sát sanh thì người ấy phải đổi nghề sinh sống. Nếu một người làm nghề thủ rượu muốn giữ giới không dùng rượu men rượu nấu thì người ấy cũng phải bỏ nghề.

Trưởng lão đến thổ lộ với chúng Tỳ-kheo để hỏi ý kiến: "Này các hiền giả, những người ấy được tôi truyền giới pháp nhưng họ không thọ trì". Các Tỳ-kheo trả lời: "Thưa hiền giả, ngài giảng cho họ những pháp ngược lại với mong ước của họ, và vì họ không dám cưỡng lại lời của ngài nên họ chấp nhận đấy. Từ nay ngài chớ giảng pháp cho những người như thế". Trưởng lão không thuận ý.

Trưởng lão Sariputta thấy giáo pháp của Đức Phật rất hay, có nhiều lợi ích thiết thực cho đời sống của

từng người nên rất nhiệt tình trong việc truyền bá giáo pháp. Tâm trạng này cũng giống nhiều người, thấy điều gì hay cũng muốn đem kể cho người khác.

Nghe được chuyện ấy, các Tỳ-kheo bắt đầu bàn tán trong Pháp đường, rằng trưởng lão Sariputta đã thuyết pháp cho bất cứ ai mà ngài gặp như thế nào. Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỳ-kheo đang họp nhau mà bàn việc gì. Khi nghe kể lại, Ngài dạy: “Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ấy giảng pháp cho bất cứ ai mà ông gặp được dù rằng họ chẳng yêu cầu”. Đoạn ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Tính khí của một người được tập quen qua nhiều đời sống. Trưởng lão Sariputta đã có tính thích giảng cho người khác từ những đời sống trước.

Ngày xưa, khi Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát có tên Kàrandiya sinh ra và lớn lên trong một gia đình rồi trở thành người trưởng tràng của một vị giáo sư lừng danh tại Takkasila. Vị giáo sư giảng giới pháp cho bất cứ ai mà ông gặp như những người đánh cá, ... Nhưng mặc dù nhận thiện pháp họ cũng không chủ trì.

Bồ-tát là tiền thân của Đức Phật, vị giáo sư là tiền thân của ngài Sariputta. Như vậy, ngài Sariputta đã từng là thầy của Đức Phật trong thời quá khứ. Người A là học trò của người B hiện tại nhưng có thể xưa kia B lại là học trò của A. Cũng vậy, A là cha của B nhưng có thể xưa kia, B là cha của A. Như vậy, khi tiếp xúc với những người trẻ tuổi, chúng ta cần cẩn trọng vì trong đó có thể có những người đã là thầy, là cha của ta.

Một hôm, một số người từ một ngôi làng kia đến mời giáo sư đến tham dự cuộc dâng bánh của các Bà-la-môn. Ông cho gọi Kàrandiya và bảo: “Này con, ta không đi, con hãy đến đó với năm trăm môn đệ này mà nhận bánh và mang về phần bánh chia cho ta”. Kàrandiya ra đi, trên đường về chàng thấy một cái hang và chợt có ý nghĩ: “Thầy ta giảng pháp cho bất cứ ai ngài gặp mà không cần họ yêu cầu. Từ nay ta sẽ khiến ngài chỉ giảng cho những ai muốn nghe ngài mà thôi”. Thế rồi, trong khi các môn đệ đang ngồi nghỉ, chàng đứng lên đi khuôn những tảng đá lớn mà ném vào trong hang, chàng cứ khuôn cứ ném mãi. Những người kia đứng dậy và nói: “Này đại huynh, ngài đang làm gì thế”. Kàrandiya không nói một lời nào. Họ vội trở về kể chuyện cho thầy họ nghe.

Biết là khó có thể khuyên nhủ thầy, chàng trai bắt đầu dùng một phương tiện khéo léo. Chàng làm một việc lạ và ai hỏi cũng không trả lời. Phương pháp này có thể thấy nhiều lần trong các chuyện tiền thân. Trong một chuyện, khi Bồ-tát đi xin vàng để làm học phí và đã làm rơi xuống sông, ngài ngồi trên bờ sông và không trả lời bất cứ ai cho đến khi nhà vua đến hỏi thăm. Khi ấy chàng mới mở miệng xin vàng của nhà vua để trả học phí. Trong một chuyện khác, một đứa con khi thấy cha quá sầu khổ khi ông nội nó mất, bèn giả bộ than tiếc mãi một con bò chết, không chịu trả lời cho ai cả. Chỉ đến khi người cha đến thì người con mới khuyên nhủ người cha.

Trở lại câu chuyện của Kàrandiya: Vị thầy đến, nói chuyện với Kàrandiya bằng đoạn thơ thứ nhất:

*Sao một mình trong rừng
Từng tảng đá con khuôn
Ném đá như có ý
Hang núi muốn lấp bằng?*

Như vậy, vị thầy rất ngạc nhiên vì thấy hành động của người học trò. Ông đoán rằng người học trò của mình có ý muốn lấp bằng hang núi. Đây là chuyện không thể thực hiện được nếu chỉ dùng sức của cá nhân.

Nghe thế, Kàrandiya muốn thức tỉnh thầy mình liền đọc đoạn thơ thứ hai:

*Con muốn làm đảo này
Phẳng như lòng bàn tay
San bằng gò đồi nọ
Chỗ trùng đá lấp đầy.*

Thầy Bà-la-môn nghe xong liền đọc đoạn thơ:

*Đối với một phạm nhân
Sức nào lấp đất bằng
Chỉ riêng con hy vọng
Độ sức với một hang.*

Thế là ông thầy lọt vào bẫy của người học trò. Anh ta trả lời:

*Nếu một kẻ phạm nhân
Không thể san đất bằng
Ngoại nhân há chịu nhận,
Quan điểm thầy sao đang?*

Quả thật, lấp đầy một hang là một việc làm cụ thể, chỗ nào lõm xuống đều có thể thấy để thêm đá vào, chỗ nào lồi lên có thể thấy dùng búa, đục để làm phẳng nó. Làm cho mọi người đều có cái hiểu giống như mình còn khó hơn vì cái biết của người ta không cụ thể như cái hang đá. Mình không thấy, không biết người ta biết gì hay ghét điều gì để tránh đề cập. Mình không thấy, không biết người ta không biết điều gì hay thích điều gì để bàn đến. Vì thế lấp đầy một hang còn dễ hơn làm cho người khác chấp nhận quan điểm của mình.

Nghe thế, vị giáo sư hiểu rằng tất cả những người khác đều không giống như ông. Ông tự nhủ: “Ta sẽ không làm như thế nữa” và đọc đoạn thơ:

*Này Kàrandiya
Bạn khuyên tốt cho ta
Đất không san phẳng được,
Ý người chẳng nhất hòa.*

Giáo sư ca ngợi người môn đệ của mình. Và người môn đệ, sau khi khuyến dụ thầy mình như vậy liền dẫn thầy về nhà. Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân: “Bấy giờ, Sariputta là người Bà-la-môn, còn Ta chính là môn sinh Kàrandiya”. ■



Từ bi trong đạo Phật

NGỘ BỒN

Trong cuộc sống không thể thiếu vắng tình người. Tình thương ấy giúp xoa dịu nỗi khổ, niềm đau của nhân sinh trần thế. Tuy nhiên, tình thương của người thế tục bao giờ cũng có điều kiện và luôn ẩn tàng ý niệm *ta* và của *ta*. Đây là thứ tình thương do thương ghét hình thành, do ái kiến tạo nên. Vì vậy, tình thương này lại gây nên lo lắng, phiền muộn cho đối tượng được thương yêu, không đem lại an bình, hạnh phúc. Vượt lên trên tình thương ích kỷ, hẹp hòi ấy là tình thương chân thật, siêu thoát. Tình thương này làm cho cuộc đời luôn thăng hoa, con người luôn hướng thượng. Đó chính là *Từ bi*.

Khi được hỏi *từ bi* là gì, câu trả lời trở nên dễ dàng, bởi lẽ vấn đề đã quá quen thuộc với quần chúng, trở thành nếp sống, nếp nghĩ của người con Phật. Người bình dân thường hiểu: *Từ* là hiền lành, có lòng thương yêu; *bi* là thương cảm, động lòng thương xót; *từ bi* là hiền lành, tốt bụng, có lòng thương người. Vì vậy, họ cho rằng, Đức Phật là bậc thánh thiện, có tình thương bao la rộng lớn. Những câu nói thường được nhắc đến như: "*Hiền như Bụt*", "*Lành như Bụt*", hay "*Đến với ma thì quỷ quyết, đến với Bụt phải từ bi*". Thế nên, mỗi khi

gặp hoạn nạn, đau khổ, bế tắc, họ thường tìm đến chư Phật, Bồ-tát với niềm tin tha thiết, cầu mong các Ngài gia hộ qua lời khẩn nguyện: "*Lạy Phật từ bi, xin thương xót chúng con*", "*Lạy Quán Thế Âm Bồ-tát cứu khổ, cứu nạn, xin độ trì chúng con*".

Nếu lòng *nhân* của Nho gia hay lòng *bác ái* của Thiên Chúa giáo là tình thương giữa người với người thì ý nghĩa *từ bi* theo Phật giáo sâu rộng và siêu thoát hơn. Dưới lăng kính của đạo Phật, *từ bi* thường được nêu dẫn trong câu: "*Từ năng dữ nhất thiết chúng sanh chi lạc, Bi năng bạt nhất thiết chúng sanh chi khổ*", nghĩa là *từ* là ban vui cho tất cả chúng sanh, *bi* là diệt khổ cho tất cả chúng sanh.

Ý nghĩa này được Bồ-tát Long Thọ diễn giải rõ ràng trong *Luận Đại trí độ*: *Từ* là ái niệm chúng sanh, thường đem lại những việc vui thích, an ổn làm lợi ích cho chúng sanh. *Bi* là mẫn niệm chúng sanh, chịu mọi sự thân khổ, tâm khổ trong sáu đường.

Đồng với ý này, *Phật Quang đại từ điển* định nghĩa, *từ* là thương yêu và đem lại niềm vui cho chúng sanh, *bi* là đồng cảm với nỗi khổ của chúng sanh, xót thương và dứt trừ khổ đau cho họ. Hai từ này gọi chung là *từ*

bi. Tâm bi của Đức Phật chính là lấy nỗi khổ của chúng sanh làm nỗi khổ của mình, nên gọi là *Đồng thể đại bi*. Hơn nữa, tâm bi của Ngài rộng lớn vô biên nên gọi là *Vô cái đại bi*. *Từ bi* được thâm nhiếp vào Bốn tâm vô lượng, nếu tách riêng ra thì gọi là Tâm từ vô lượng và Tâm bi vô lượng.

Để khái quát những ý nghĩa trên, *Từ điển Phật học* của Chân Nguyên - Nguyễn Tường Bách giải thích, *từ* là một trong những đức hạnh cao quý trong Phật giáo, là lòng thương yêu chúng sanh và không có tính chất luyến ái, là một trong những đối tượng của thiện định để phát huy lòng thương yêu và đối trị sân hận. *Bi* là lòng thương yêu, đau xót, thông cảm với chúng sanh, là đặc tính quan trọng của chư Phật và Bồ-tát. *Từ bi* là hai đức hạnh cao quý trong đạo Phật và cũng là nền tảng độ sanh của một vị Bồ-tát. *Từ bi* được hướng dẫn bởi trí tuệ vô ngã đạt được qua giác ngộ, cho nên các Ngài trải tâm vô phân biệt đến tất cả muôn loài. Vì vậy, *từ bi* luôn đi đôi với *trí tuệ*.

Tất cả những giải thích ấy đều nói lên một nội dung thống nhất: *Từ* là tình thương yêu, ban vui cho tất cả chúng sanh một cách bình đẳng, không phân biệt kẻ oán người thân; *Bi* là thương xót trước những khổ đau của mọi người, nên tận tâm cứu vớt chúng sanh khỏi khổ; *Từ bi* là lòng yêu thương bao la, lúc nào cũng sẵn sàng san sẻ những nỗi khổ đau và đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. *Từ bi* là một thứ tình thương hướng thiện với tâm bao dung rộng lượng, vượt trên mọi ranh giới quan hệ và mọi tình thương hẹp hòi của thế gian. Tình thương ấy không có một điều kiện nào, cũng không bến bờ hay hạn định. Hai đức tính này rộng lớn vô cùng nên có khả năng cứu độ chúng sanh vô lượng.

Từ bi được kiến lập trên đạo lý tình thức, được xây dựng trên tinh thần vị tha và tuệ giác vô ngã, nên không phát sinh phiền não, khổ đau mà chỉ đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình và người. *Từ bi* được gieo mầm trên mảnh đất đau khổ, được nuôi dưỡng bằng chất liệu khổ đau nên đưa đến ý chí và hành động diệt khổ. *Từ bi* được hướng dẫn bởi trí tuệ, được sinh trưởng trong tuệ giác xuất thế nên thoát khỏi dục tình, luyến ái và chấp thủ. Vì vậy, *từ bi* diệt trừ tận gốc sân hận, độc ác và tháo gỡ con người ra khỏi mọi trói buộc của tính ích kỷ hẹp hòi, của lòng kiêu căng ngã mạn.

Phạm vi hoạt động của *từ bi* rộng lớn vô cùng, không biên cương, không hạn định và có khả năng cứu độ chúng sanh vô lượng. Thế nên, nếu so sánh với bác ái, thì *từ bi* không bị giới hạn bởi thời gian gần xa và không gian rộng hẹp, bởi vì bất cứ không gian và thời gian nào cũng đều là toàn thể không gian và thời gian của tất cả chúng sanh. Bác ái là rộng lòng thương người, là sự yêu mến những chúng sanh đau khổ, sự đùm bọc lẫn nhau giữa người với người. Bác ái phần lớn quan tâm cứu giúp con người mà không chú ý đến loài vật và thường hạn cuộc trong hiện tại mà không

nghĩ đến vị lai. Do đó, bác ái có thể hóa giải khổ đau, nhưng không hoàn toàn đưa đến giải thoát.

Để hiểu rõ hơn ý nghĩa của *từ bi*, chúng ta lần lượt khảo sát qua một số ca dao, tục ngữ, thực tế cuộc sống và nhất là qua đời sống và giáo pháp của đấng Từ Phụ.

Tư tưởng *từ bi* trong đạo Phật ảnh hưởng lớn lao và hòa nhập vào tâm hồn người Việt, đã un đúc nên những con người sống cho an lạc của nhân loại, cho hòa bình của thế giới. Điều này thể hiện rõ nét qua một số ca dao, tục ngữ phổ biến như: "*Lá lành đùm lá rách*", "*Thương người như thể thương thân*", "*Nhiều điều phải lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng*"... Đó là những câu nói mà bất cứ người Việt Nam nào cũng thấm nhuần và thấu hiểu sâu sắc, đồng thời biến nó thành hành động. Chẳng hạn, xây nhà tình thương cho hộ nghèo; phát chẩn cho người già neo đơn, trẻ em cơ nhỡ, những người khuyết tật; giúp đỡ đồng bào thiếu số; cung cấp nhu yếu phẩm đến những nơi bị thiên tai, bão lụt, động đất, sóng thần... đều là biểu hiện của *từ bi*.

Sâu rộng và vĩ đại hơn là tâm *từ bi* của Đức Phật, một tâm *từ bi* tuyệt đối, vô phân biệt, vô điều kiện. Sự thị hiện của Ngài nhằm đem tình thương đến cho muôn loài. *Kinh Tăng Chi Bộ* I ghi: Như Lai xuất hiện ở đời là "*vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người*". Với lòng đại từ đại bi như vậy, Đức Thế Tôn không từ bỏ bất cứ một việc thiện bé nhỏ nào: từ việc xỏ kim khâu cho cụ già, bế chú cừ non bị lạc đàn, tắm cho vị Tỷ-kheo bị ghẻ lở v.v., cho đến việc hóa độ một ông vua cực ác trở thành vị minh quân như A-xà-thế. Giáo lý của Ngài cảm hóa hoàng đế A-dục hung hăng hiếu chiến trở thành vị anh quân dùng Chánh pháp trị dân, giáo hóa các Bà-la-môn ngoại đạo đương thời trở thành những người hiền thiện ủng hộ Phật pháp... Vì vậy, Đức Phật được tôn xưng là *Sứ giả của tình thương*, là đấng *Đại bi cứu thế*.

Cuộc đời Đức Phật để lại biết bao hình ảnh đáng để chúng ta tôn kính. Ngài lấy nỗi khổ của chúng sanh làm nỗi khổ của mình. Chính Đức Phật xót thương cho những con giun đất bị lưỡi cày cắt đứt thân thể. Ngài mạnh mẽ chỉ trích những loại tế đàn dùng súc vật để làm vật hy sinh. Lòng *từ bi* của Đức Phật đối với loài vật còn như thế, huống là đối với loài người. Hình ảnh Ngài vượt thành xuất gia thể hiện một tình thương bao la viên mãn được đúc kết bởi nghị lực và ý chí cứu khổ, ban vui cho nhân loại. Đức Phật đã cứu độ Ambapālī, người phụ nữ lạc bước giang hồ; đã giáo hóa Angulimāla, tên sát nhân vô đạo. Thế nên, tâm từ bi của Đức Phật được ví như ánh sáng mặt trời chiếu khắp đại địa, không phân biệt căn cơ lớn nhỏ. Do đó, chúng ta tôn thờ Đức Phật là kính ngưỡng tình yêu thương bao la, lòng vị tha vô hạn và nguyện lực rộng lớn của Ngài.

Từ bi còn thể hiện rõ nét qua giáo lý Đức Phật truyền lại cho chúng sanh. Giáo lý ấy giúp con người dựng

xây một cuộc sống an bình nội tâm và hòa bình xã hội. *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ghi lại hình ảnh Bồ-tát vào đời độ sanh bằng nhiều hình thức. Bồ-tát hiện thân làm trâu, chim, thỏ, rắn, rồng, tôm, hến. Khi làm tất cả thân hình chim thú ấy, Bồ-tát tuy đủ cả phiền não nhưng phiền não vô lực và không thể tự do chi phối, vì tâm Bồ-tát an trú trong chánh niệm, thương xót chúng sanh và bảo vệ Chánh pháp. Lại nữa, *Pháp Cú* 129 dạy: “*Ai cũng sợ gươm đao, Ai cũng sợ sự chết, Suy ta ra lòng người, Chớ giết, chớ bảo giết*”. Không nhẫn tâm sát hại loài vật cũng là cách thể hiện lòng từ bi của người đệ tử Phật thương yêu chúng sanh như bản thân mình. Hơn nữa, khi khuyến cáo hàng Tỳ-kheo, Đức Phật dạy: “*Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng, cầm gậy mà giữ khí ôn hòa, giữa đám người chấp đắm mà không chấp đắm, người như thế ta gọi là Bà-la-môn*” (*Pháp Cú* 406).

Từ cuộc sống và lời dạy của Đức Phật, một học giả nhận định: “*Đức Phật đã thể hiện tình thương trên khắp mọi nẻo sống của kiếp người. Đời sống của Ngài là một biểu tượng của tình thương vô hạn. Lời nói của Ngài là ngọn gió lành thơm ngát hương hoa; Bởi vì bản chất của Ngài vốn được nuôi dưỡng bằng chất liệu từ bi và trí tuệ vậy*”.

Tâm từ bi như dòng nước mát tẩy sạch bợn nhơ phiền não, như vầng thái dương soi sáng muôn vật, như ánh trăng thanh chiếu rọi khắp nơi. Chính tâm từ bi này giúp Bồ-tát thành tựu công hạnh độ sanh, sẵn sàng dấn thân vào cuộc đời huyễn mộng. Lời tuyên thệ của Tôn giả A-nan chứng minh rõ ràng: “*Nếu còn một chúng sanh chưa chứng ngộ, Cảnh Niết-bàn con đâu dám tự an*”. Bồ-tát Địa Tạng lại phát nguyện: “*Chúng sanh độ tận mới chứng Bồ-đề, Địa ngục chưa trống thế không thành Phật*”. Bồ-tát Quán Thế Âm là hiện thân của đại trí tuệ (nghe nhìn) và đại từ bi (nghe tay), hóa hiện vô số thân hình để cứu giúp chúng sanh. Ba đời chư Phật trong nhân địa hành đạo Bồ-tát đều phát đại nguyện độ sanh như vậy, bởi lẽ từ bi chính là nhân đưa đến Phật quả.

Thế nên, bao giờ chúng sanh còn đau khổ thì gót chân các Ngài còn hành hóa trên vạn nẻo đường như âm thầm mật tá chúng sanh tiến dẫn đến bờ giác ngộ. Vì vậy, dòng sinh mệnh của Phật giáo dù trải qua hơn hai mươi sáu thế kỷ vẫn trường tồn với thời gian vô cùng và không gian vô tận. Dòng sinh mệnh ấy sẽ trôi chảy mãi hoài nếu trên cõi đời này vẫn còn những con người mang tâm hạnh từ bi, chan hòa tình thương trong cuộc sống.

Người muốn phát triển tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, ban đầu cần phải quán sát sự nguy hiểm do thiếu từ bi và những lợi ích của từ bi, sau đó phát khởi tu tập từ bi. Trước tiên, tâm từ bi trải đến người bất hạnh, hoặc người làm ác. Kế đó, tâm từ bi trải đến người thân, rồi đến người dưng và cuối cùng là kẻ thù. Tâm từ bi cần được thực hành và quán chiếu trong

từng hơi thở, từng nhịp đập của con tim. Người thực hành từ bi chẳng những không nuôi dưỡng ý nghĩ hận thù, không phát ra lời nói thô ác mà còn tịnh hóa tâm mình, sống với tâm an nhiên tĩnh lặng. Hành giả nên nhận thức rằng: khổ đau của người khác, ngay cả của kẻ thù, cũng là khổ đau của chính mình; và tháo gỡ khổ đau của người khác cũng là tháo gỡ khổ đau của chính mình. Tâm từ bi ấy cần phải phát khởi đến toàn thể nhân loại và rộng đến muôn loài.

Khi thực hành từ bi một cách thuần tịnh, chúng ta sẽ đạt được những lợi ích thiết thực trong hiện tại và mai sau. Người thực hành từ bi sẽ cảm nhận an bình, hạnh phúc. Những tư tưởng tiêu cực như hờn giận, ganh ghét, hờn thua dần tan biến, nhường chỗ cho tâm vị tha, tính hiền thiện, lòng chân thật tăng trưởng. Một khi lòng sân hận được dập tắt, thì sự đoàn kết sẽ hiện hữu, không còn phân biệt thân hay sơ, bạn hay thù, người hay thú v.v. Hơn nữa, tâm từ bi này có thể phát triển thành tâm Bồ-đề, tâm Giác ngộ. Chỉ khi nước từ bi thấm nhuần gốc rễ chúng sanh thì cây bồ-đề mới trở hoa trí tuệ và quả giác ngộ tự nhiên viên thành.

Đặc biệt, người thực hành từ bi sẽ đạt được tám điều lợi ích:

1. Có năng lực công đức mãnh liệt;
2. Được nhân loại và chư thiên yêu kính;
3. Được che chở khỏi những chướng ngại cho sức khỏe và mạng sống;
4. Tâm luôn an tịnh;
5. Thân thể được thanh nhàn;
6. Nếu ai cố ý hại bằng độc dược hay khí giới, thì họ sẽ thất bại;
7. Được tái sinh làm vị trời trong cõi trời cao siêu, phúc lạc;
8. Bất cứ ai ngấm nhìn hay tiếp xúc đều thấy vị ấy là dễ chịu, dễ mến.

Như trên là sơ lược về ý nghĩa, đặc điểm, phương pháp thực hành và lợi ích của từ bi. Có thể nói, từ bi là đức hạnh thiết yếu của người học Phật, giúp con người trở nên cao quý và thánh thiện, rốt ráo thành tựu hạnh nguyện độ sanh. Đây là một lối sống đẹp, một hành động tốt cần được thực hiện trong đời sống hàng ngày. Hạnh phúc của thế nhân chỉ hiện hữu khi suối nguồn từ bi thấm vào từng mạch máu, con tim và khối óc của mỗi người. Vì vậy, tu tập từ bi chính là trường dưỡng đạo tâm, vun bồi tuệ giác nơi chính mình, đồng thời soi sáng lòng người an vui, xây dựng xã hội thanh bình, chuyển hóa thế gian khổ đau thành thế giới tịnh lạc. Đó là tình thương cao cả, là tấm lòng vĩ đại, là chất liệu nuôi dưỡng và phát triển đời sống tâm linh, từng bước thăng hoa trên con đường giác ngộ.

Trong dư âm của mùa Phật đản Phật lịch 2560, chúng ta tư duy về tâm từ bi vô lượng của Đức Phật để thực hành theo công hạnh của Ngài hầu đem lại lợi ích, an lạc cho chúng sanh muôn loài. ■

Một số điều sai sự thật trong sách *Khởi nghĩa Lam Sơn*

HOÀNG TUẤN

Sách *Khởi nghĩa Lam Sơn* (KNLS) do hai tác giả Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn biên soạn và xuất bản trước đây, đã được Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân tái bản nhiều lần trong thời gian vừa qua. Nhiều thế hệ học lịch sử, tìm hiểu lịch sử... xem cuốn sách là nguồn tài liệu có giá trị tham khảo. Thế nhưng, thời gian gần đây chúng tôi đã phát hiện ra nhiều điều mà hai tác giả đã thể hiện trong cuốn sách không đúng với sự thật lịch sử. Ở đây do giới hạn khuôn khổ của bài viết nên chúng tôi chỉ nêu ra một số chi tiết nổi bật.

Thứ nhất là thời gian và địa điểm Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi để tham gia khởi nghĩa Lam Sơn

Trong sách KNLS, các tác giả đã dành nhiều trang viết về danh nhân Nguyễn Trãi. Các tác giả đã đề cao vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc khởi nghĩa như sau: *"Hiện nay tài liệu không cho chúng ta biết rõ Nguyễn Trãi đã thoát vòng cương toả của quân thù và tìm vào, nhưng chắc chắn ông đã có mặt ở Lam Sơn từ trước ngày khởi nghĩa và chính ông đã góp phần quan trọng vào công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa"* (tr.126).

Mặc dầu xác nhận là *"hiện nay không có tư liệu"* nhưng các tác giả vẫn khẳng định *"chắc chắn"*; phải chăng đó là một sự khẳng định liễu lĩnh, thiếu cơ sở khoa học? Và vì *"hiện nay không có tư liệu"* nên các tác giả đã đưa ra hai giả thuyết: Thuyết thứ nhất cho rằng Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau khi cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ một thời gian; thuyết thứ hai cho rằng Nguyễn Trãi đã có mặt ở Lam Sơn từ trước ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa và đã cùng với Lê Lợi chuẩn bị phát động cuộc khởi nghĩa. Nêu ra hai giả thuyết, rồi sau đó tác giả tự chọn giả thuyết thứ hai theo ý muốn chủ quan của mình. Và nguồn tài liệu của giả thuyết này chủ yếu là dựa vào gia phả một vài dòng họ do cháu chắt những người tham gia khởi nghĩa ghi chép và một vài cuốn sách, trong đó có cuốn ra đời hơn 300 năm sau như *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII)... Trên những nguồn tư liệu đó, các tác giả bắt đầu "tán" lịch sử theo ý muốn chủ quan của mình. Không biết các tác giả đề cao Nguyễn Trãi với dụng ý gì, nhưng nghiên cứu lịch sử bằng cách đặt ra các giả thuyết rồi chọn một giả thuyết theo ý muốn chủ quan trên cơ sở những nguồn tài liệu mà độ tin cậy không cao, không biết như vậy là các tác giả theo phương

pháp nghiên cứu nào? Có lẽ theo phương pháp riêng của các tác giả mà chúng ta có thể tạm gọi là phương pháp "cảm quan riêng" và "tán theo cảm hứng" chăng?

Trong khi đó theo các tài liệu đương thời, do cá nhân người trong cuộc hoặc triều đình nhà Lê sơ ở thế kỷ XV tổ chức biên soạn sau khi chiến tranh kết thúc, như các tác phẩm: Bài *Biểu tạ ơn* của Nguyễn Trãi viết dâng lên Lê Thái Tông năm Kỷ Mão (1439), sách *Lam Sơn thực lục*, *Trùng san Lam Sơn thực lục* do nhà Lê tổ chức biên soạn sau khi đất nước độc lập (sách này cũng do Nguyễn Trãi chấp bút và được khắc in năm 1433), sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên)... thì sự thật là Nguyễn Trãi tìm đường vào Lam Sơn tham gia kháng chiến khi cuộc kháng chiến đã bước vào giai đoạn 2 (từ năm 1424 trở về sau). Trong bài *Biểu tạ ơn* có câu: *"Viên môn trượng sách"* (Cầm roi ngựa đến trước cửa dinh)¹, như vậy Nguyễn Trãi đã gặp Lê Lợi tại một nơi đóng quân một cách công khai và chứng tỏ rằng cuộc khởi nghĩa nổ ra đã lâu. Hoặc trong sách *Lam Sơn thực lục* viết về buổi đầu cuộc khởi nghĩa: *"Nhớ lại ngày trước, Trẫm lo liệu công việc bốn phương, Bắc thì đánh giặc Minh, Nam thì đánh Ai Lao, đều tránh chỗ mạnh đánh chỗ hư. Kể những người có công thì võ thần chỉ có bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Vấn, Lê Sát, Lê Ngân, Lê Lý, 35 người; văn thần có bọn Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng cùng các binh sĩ cha con..."*², như vậy trong danh sách những người tham gia buổi đầu không có Nguyễn Trãi. Và địa điểm Nguyễn Trãi đến gặp Lê Lợi, sách *Việt sử thông giám cương mục* có ghi: *"Trước kia Vương đóng ở Lỗi Giang, Nguyễn Trãi tay cầm roi ngựa, yết kiến Vương, dâng sách dẹp giặc Ngô, được Vương khen và tiếp nhận..."*³, địa điểm Lỗi Giang thuộc sông Mã, tỉnh Thanh Hoá ngày nay, như vậy Nguyễn Trãi đến gặp Lê Lợi khi Lê Lợi từ Nghệ An kéo quân ra làm chủ toàn bộ khu vực Thanh Hoá vào cuối năm 1425.

Ở các sách khác như *Trùng san Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... đều chép nội dung tương tự như vậy, ở đây xin không trích dẫn vì sẽ quá dài.

Thứ hai là sự lẫn lộn giữa truyền thuyết và sự thật lịch sử

Trong sách KNLS, các tác giả dựa vào nhiều nguồn tài liệu là truyền thuyết. Khi đề cập đến mối quan hệ giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi trong cuộc kháng chiến, các tác giả đã dựa vào truyền thuyết để viết: *"Xung quanh cuộc gặp gỡ có ý nghĩa lịch sử của hai người anh hùng*



Nguyễn Trãi

cứu nước Lê Lợi và Nguyễn Trãi, nhân dân ta đến nay còn truyền tụng biết bao nhiêu câu chuyện thần kỳ... Nào là chuyện lá cây của rừng núi Lam Sơn bỗng dưng mang dòng chữ Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi" (tr.129).

Làm công tác nghiên cứu lịch sử nhưng các tác giả lại không có nguồn tư liệu tin cậy, những văn bản gốc, mà phải dựa vào những giai thoại, truyền thuyết dân gian mơ hồ để phán đoán, suy luận. Và có lẽ trên cơ sở đó, chúng ta cũng đã biết được "độ chính xác" trong sách KNLS như thế nào rồi.

Về giai thoại "Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần" (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi) được viết bằng mỡ trên lá cây trong rừng Lam Sơn cho kiến ăn, hiện rõ chữ với mục đích tuyên truyền, đã được các tác giả vận dụng vào nghiên cứu rất đặc ý. Nhưng ở đây có hai điều phi lý mà các tác giả không phát hiện: Thứ nhất, độ tin cậy của giai thoại không nhiều vì giai thoại này không xuất hiện trong các sách của triều đình hoặc của cá nhân biên soạn vào thế kỷ XV mà nó xuất hiện ở tập sách *Tang thương ngẫu lục* của hai tác giả Phạm Đình Hổ (1765-1839) và Nguyễn Án (1770-1815), được xuất

bản lần đầu tiên vào cuối thế kỷ XIX (năm 1896), như vậy truyền thuyết đó có thể đã ra đời sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vài ba trăm năm, thêm nữa là trong cuộc kháng chiến Nguyễn Trãi chưa được ban quốc tính (họ nhà vua) nên trong câu gọi là "Lê Trãi" chứng tỏ chắc chắn một lần nữa là truyền thuyết này ra đời sau khởi nghĩa Lam Sơn; thứ hai là do các tác giả sách KNLS dùng lối tư duy chủ quan áp đặt của mình để viết, nên đã không biết một điều rất cơ bản: Trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra thì nguyên tắc bí mật là tuyệt đối vì lúc bấy giờ bọn mật thám, gián điệp của quân Minh nhan nhản khắp nơi, nếu công việc chuẩn bị khởi nghĩa bị bại lộ, chúng sẽ thẳng tay bóp chết ngay từ trong trứng nước; vì vậy việc lấy mỡ bôi lá rừng cho kiến ăn để tuyên truyền thì khác nào "lạy ông tôi ở bụi này", Lê Lợi và Bộ Tham mưu của ngài đều là những con người thông minh, nhạy bén, không ai đi làm một việc đại dột, trẻ con như vậy để kẻ thù phát hiện ra mình.

Vì vậy giai thoại trên có thể chỉ là do những kẻ hậu sinh ở những thế kỷ sau do hiếu kỳ hoặc ngưỡng mộ tiền nhân nên đặt ra để xưng tụng mà thôi.

Thứ ba là vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Về vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, các tác giả đã viết: “*Bên cạnh Lê Lợi và cùng với Lê Lợi, Nguyễn Trãi cũng là một lãnh tụ xuất sắc của nghĩa quân Lam Sơn và một anh hùng vẻ vang của dân tộc. Trong bộ tham mưu nghĩa quân, Nguyễn Trãi giữ cương vị quan trọng thứ hai sau Lê Lợi*” (tr.499).

Ở trang 500, các tác giả lại một lần nữa khẳng định: “*Cương vị của Nguyễn Trãi trong bộ tham mưu đứng sau Lê Lợi nhưng tài năng của ông thì thật đã vượt qua tất cả những nhân vật đương thời và đạt tới đỉnh cao nhất của thời đại*”.

Như vậy, sự thật vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như thế nào? Theo tài liệu gốc của triều đình nhà Lê thì Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn khá muộn, vì bị quân Minh quản thúc ở Đông Quan khá ngặt nghèo trong một khoảng thời gian dài. Năm 1425, ông tìm vào gặp Lê Lợi tại bến Lỗi Giang (sông Mã, Thanh Hóa) và được giao cho chức Thừa chỉ, tức thư ký riêng của chủ tướng với nhiệm vụ soạn công văn giấy tờ và viết thư từ đối ngoại, dịch vận, sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú đã viết về điều này: “*Ông Trãi thăng đến Thừa chỉ... thư từ đi lại với người Minh và những bài hiểu dụ cho các thành đều do ông soạn*”⁴.

Tài năng của ông được thi thố bằng “trường văn trận bút” trên lĩnh vực ngoại giao. Trong khi đó Bộ Chỉ huy Lam Sơn với những con người có mặt từ buổi đầu dựng cờ khởi nghĩa được ghi lại trong sách *Lam Sơn thực lục, Trùng san Lam Sơn thực lục, Đại Việt sử ký toàn thư* như: Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Văn, Lê Sát, Lê Văn Linh... tất cả hơn 30 người nhưng không có Nguyễn Trãi. Vậy những mưu kế giai đoạn đầu cuộc khởi nghĩa là do các tướng lĩnh khác đóng góp, Nguyễn Trãi chỉ đóng góp

mưu kế vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, và mưu kế tầm cỡ nhất của ông là mưu kế nghị hòa vào năm chuẩn bị kết thúc chiến tranh (Đình Mùi, 1427) và trong bài *Biểu Tạ Ôn* ông đã tự kể cái công lớn ấy. Như vậy, cái gọi là “*tài năng của ông thì thật đã vượt qua tất cả những nhân vật đương thời và đạt tới đỉnh cao nhất của thời đại*” chỉ có trong suy nghĩ chủ quan của các tác giả chứ chẳng có cơ sở xác đáng nào cả. Các tác giả sách *KNLS* đã làm một việc là dựa trên giai thoại, truyền thuyết để tăng bốc nhân vật của mình vượt quá sự thật lịch sử đến mức lố bịch.

Sách *KNLS* dày hơn 500 trang, viết về toàn bộ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) nhưng bàng bạc, xuyên suốt khắp các trang sách là sự ca tụng Nguyễn Trãi một cách thổi phồng quá đáng, gán ghép khiến cường để đưa ông lên thành một ngôi sao, linh hồn của cuộc kháng chiến, còn những nhân vật khác, kể cả chủ tướng Lê Lợi đều mờ nhạt, kém cỏi. Cho dù chúng ta có đề cao hay hạ thấp thì “Nguyễn Trãi vẫn là Nguyễn Trãi” với sự nghiệp văn hoá đồ sộ trong lịch sử nước nhà; còn sự khen chê thiếu chứng cứ chính xác chỉ làm cho chúng ta tự bộc lộ sự yếu kém của mình. Vì vậy, tác phẩm *KNLS* về mặt văn chương thì các tác giả viết có phần lôi cuốn, hấp dẫn nhưng về mặt nghiên cứu lịch sử thì còn nhiều hạn chế, bất cập. ■

Ghi chú:

1. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1976, tr.308.
2. *Lam Sơn thực lục*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 2006, tr.161.
3. *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo Dục, 1998, tr.803.
4. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử Học, Hà Nội, 1962, tr.192.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên , Cty Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nền Hạnh Phúc , Q.BT	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp , Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Lịch sử cần công minh

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Trong quá trình biên soạn gia phả cho một người trong gia tộc, chúng tôi có tham khảo cuốn *Nhân vật họ Lê trong lịch sử Việt Nam* của hai tác giả Phạm Ngô Minh và Lê Duy Anh do Nxb Đà Nẵng phát hành năm 2001. Phải nói rằng đây là một công trình rất công phu, tập hợp khá nhiều tiểu sử nhân vật họ Lê ở nhiều vùng miền khác nhau trải qua các triều đại, trong đó do hoàn cảnh lịch sử quy tụ nhiều ở tỉnh Quảng Nam. Điều bất ngờ là ở phần cuối sách, chúng tôi đọc được bài viết của tác giả Duy Quang - được giới thiệu là trích đăng từ tập san *Lê Hoa* xuất bản ở Mỹ năm 1992 - trong đó tác giả đã kích khá nặng nề các vị vua đầu nhà Nguyễn đã bóp méo lịch sử về việc hình thành đạo Quảng Nam, cũng như sự hình thành phủ Phú Yên dưới thời vua Lê Thánh Tông; tác giả Duy Quang cho rằng các vua nhà Nguyễn làm điều đó nhằm tô vẽ cho dòng họ của mình, đồng thời khẳng định phủ Phú Yên đã có từ khi vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành (1471) chứ không phải do Nguyễn Hoàng tạo dựng từ năm 1609.

Dưới đây xin được trích một số đoạn chính bài viết trên, đồng thời nêu lên một vài quan điểm trên tinh thần tôn trọng lịch sử.

1 "Sau cuộc bình Chiêm đại thắng, vua Lê Thánh Tông thấy cần phải giải quyết cho yên cái nạn giặc Chiêm ở biên cảnh phía Nam, để cho dân ta được an

ổn làm ăn... Vua xuống chiếu lấy ngọn núi nằm chắn ngang từ đèo Cả chạy ra đến biển làm ranh giới giữa hai bên Chiêm - Việt. Trên chóp đỉnh núi này có tảng đá cao lớn đứng thẳng như là một tấm bia khổng lồ, vua cho khắc công trạng của quân ta vào đá, và cũng khắc rõ đây là mốc giới của nước ta. Do đó ngọn núi này mới có tên là Thạch Bi sơn (còn gọi là Núi Đá Bia). Mỏm núi ăn ra biển, ta gọi là mũi Nạy. Người phương Tây gọi là mũi Varella. Chính ngọn núi Đá Bia này là ranh giới giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa xưa nay...".

2 "Việc chia cắt đất để lập các phủ huyện, tỉnh hạt cho dễ trị ấy là điều mà nhà nước nào cũng làm để đáp ứng sự phát triển chung của xã hội. Có điều bạn đọc cần lưu ý ở đây, các vua *Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức* nhà Nguyễn đều dụng tâm sửa lại lịch sử, do đó mà sử quán triều Nguyễn đã theo lệnh *ghi chép sai lạc* đi một số sự kiện, nhất là giai đoạn lịch sử bình Chiêm, mở rộng thêm biên cương của nước, lập thêm đạo Quảng Nam (đạo thứ 13 dưới thời Hồng Đức. Di tích lịch sử hãy còn sờ sờ ra đó, mà các vua nhà Nguyễn lại tự dựng đứng lên và đem gán cho Nguyễn Hoàng (tổ tiên nhà mình) rằng thì là năm 1609 đánh Chiêm Thành lập ra phủ Phú Yên...".

3 "Nhà Nguyễn gán lên ngực tổ tiên mình (Nguyễn Hoàng) cái mẽ *đay huân công đánh Chiêm Thành lập phủ Phú Yên*, công ấy của ông cũng không phải nhỏ. Và người đọc sử cứ căn cứ vào đó, thì đất Phú Yên chẳng có thâm tình lịch sử gì với đạo (trấn) Quảng Nam cả. Cũng căn cứ vào sự ghi chép thiếu trung chính đó, đất Phú Yên mất đi 138 tuổi lịch sử, vì vùng đất được đặt tên là Phú Yên chào đời năm 1471, mà sử quán triều Nguyễn chép là năm 1609. Nhưng các vua nhà Nguyễn đã bị chính lịch sử quật ngược lại. Họ có ngờ đâu các di tích lịch sử như núi Đá Bia (Thạch Bi sơn), đền thờ vua Lê Thánh Tông ở đất Phú Yên lại là những vũ khí rất lợi hại, khiến cho các ông không sao đỡ nổi...".

4 "Trong việc chia cắt các trấn để lập tỉnh hạt, Minh Mạng đã dùng cách lập lờ để đánh lừa (!) người sau bằng lối chơi chữ là dùng lại từ ngữ "Quảng Nam" đặt tên cho một tỉnh ở địa đầu trấn (Quảng Nam) cũ, gọi là tỉnh Quảng Nam. Ba phần tư của Quảng Nam xưa,



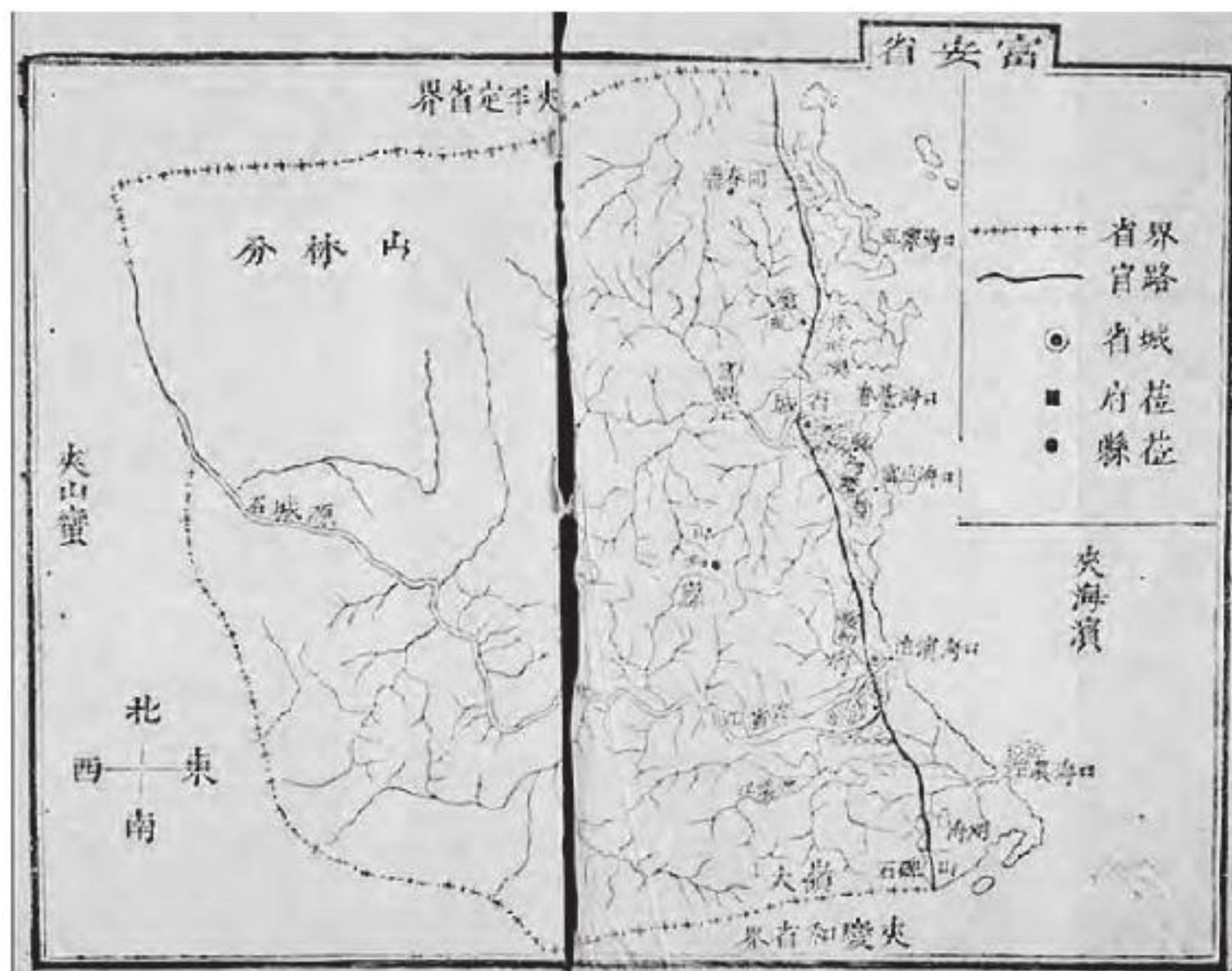
đặt làm ba tỉnh, mang tên là Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên. Bởi lẽ đó, cho nên bạn đọc đọc mấy cuốn sử gần đây, thường thấy các tác giả chỉ theo sử quán nhà Nguyễn mà ghi chép lại cùng một cách mập mờ rằng vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành mở rộng đất đến Quảng Nam. Ta đặt câu hỏi: Quảng Nam gì?, đạo Quảng Nam?, trấn Quảng Nam hay tỉnh Quảng Nam?..." (Nhân vật họ Lê..., sđd, tr.789-791).

Trên đây là những nội dung chính của bài viết mà chúng tôi chia sẻ để bạn đọc thẩm định. Trong suốt bài viết dài chín trang khổ 16x24, không thấy tác giả đưa ra một tài liệu tham khảo nào, ngoài việc chủ quan khẳng định việc sửa sử là do các vua triều Nguyễn!

Về việc thành lập tỉnh Phú Yên, gần đây các nhà sử học và nghiên cứu lịch sử đã có nhiều sách và bài viết nói về lịch sử hình thành của vùng đất này. Ở đây xin được trích dẫn diễn biến sự kiện trên trong một số bộ sử cũ, và cần lưu ý là phần lớn các bộ sử này không do *Quốc sử quán triều Nguyễn* biên soạn (*Toàn thư*; *Tập lục* và các bộ sử về sau).

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* thuật lại toàn bộ diễn biến của sự kiện năm 1470, trong đó không đề cập đến việc lập phủ Phú Yên: "Tháng 8 (Canh Dần 1470) Quốc vương Chiêm Thành Bàn La Trà thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp Châu Hóa. Tướng trấn giữ biên thủy Châu Hóa là bọn Phạm Văn Hiến đánh không nổi, phải dẫn cả dân vào thành rồi cho chạy thư báo cấp... Ngày Canh Thìn mồng 6 tháng này lệnh sai Chinh lỗ tướng quân Lâm quận công Đình Liệt, phó tướng Kỳ quận công Lê Niệm đem 10 vạn thủy quân đi trước... Ngày mùng 6 (tháng 11) vua xuống chiếu thân hành đi đánh Chiêm Thành... Vua bèn gọi 26 vạn tinh binh, xuống chiếu thân chinh... Ngày 18 thủy quân vào đến đất Chiêm Thành... Ngày mồng 7 (tháng 2) vua tự mình dẫn hơn 1.000 chiếc thuyền, hơn 70 vạn tinh binh ra hai cửa biển Tân Ấp và Cựu Tọa dựng cờ thiên tử, đánh trống hò reo mà tiến... Ngày 27, vua tự mình đem đại quân đánh phá thành Thị Nại, chém hơn 100 thủ cấp... Ngày 28, vua tiến vây đến sát thành Chà Bàn... Ngày mồng 1 tháng 3 hạ được thành Chà Bàn, bắt sống hơn 3 vạn người, chém hơn 4 vạn thủ cấp, bắt sống Trà Toàn rồi đem quân về... Tháng 6, lấy đất Chiêm Thành đặt làm Thừa tuyên Quảng Nam và vệ Thăng Hoa. Đặt chức án sát sứ ở 12 thừa tuyên và đặt 3 ty ở Quảng Nam (*Toàn thư* tập II, sđd, tr.467-479).

Sách *Cương mục* ngoài việc ghi chép lại diễn tiến cuộc hành quân của vua Lê Thánh Tông, sách này còn ghi tiếp: "Vệ quân Thuận Hóa bắt sống Trà Toàn dẫn lên trước mặt vua, nhà vua ban chỉ dụ hỏi han yên ủi, sai dẫn ra ngoài ti trấn điện. Bèn hạ chiếu đem quân về... Tháng 6, đặt đạo Quảng Nam. Nhà vua đem đất Chiêm Thành đặt làm Quảng Nam Thừa tuyên, quản lĩnh 3 phủ, 9 huyện, đặt 3 ty: Đô ty, Thừa ty, Hiến ty và đặt vệ



quân Thanh Hóa gồm 5 cơ sở (*Cương mục*, tập I, 1998, tr.1009-1103).

Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn cũng dẫn việc Lê Thánh Tông tiến đánh Chiêm Thành giống như hai bộ sử trên, nhưng Lê Quý Đôn dẫn thêm sách *Thiên Nam dư hạ tập* nói về cương vực của nước ta dưới triều Hồng Đức cụ thể hơn, theo đó địa giới của Đại Việt tới đèo Cù Mông. (*Tập lục*, sđd, tr.32-34).

Sách *Đại Nam nhất thống chí* nói về diên cách Phú Yên: "Đời Đường đổi làm Châu Lâm, sau bị Chiêm Thành chiếm cứ, tức là đất Ba Đài và Đà Lăng. Nước ta, Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, chiếm lấy đất này đặt làm huyện Tuy Viễn, lấy núi Thạch Bi sơn làm giới hạn, nhưng từ Cù Mông về Nam còn thuộc người Man, người Lào" (*Đại Nam...*, tập 3, sđd, tr.60-61).

Thông qua bốn bộ chính sử trên không thấy nhắc đến việc vua Lê Thánh Tông sai người khắc bia trên đỉnh núi Đèo Cả vào năm 1471, chỉ ghi sau khi vua đuổi tàn quân Chiêm vào tận chân đèo Cả rồi thì rút về lấy địa giới đèo Cù Mông làm phân ranh giữa Chiêm Thành và Đại Việt, còn vùng đất Phú Yên vẫn thuộc người Man, người Lào, cụ thể là thuộc hai vương quốc Hoa Anh và Nam Bàn.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết đại ý như sau: "Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bồ Trì Trì chạy đến Phiên Lung, chiếm lấy đất ấy, xưng là chúa Chiêm Thành. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm ba nước để dễ ràng buộc..." (*Toàn thư*, tập II, sđd, tr.477).

Trên đây là những ghi chép trong chính sử. Về sau, nhiều tác giả soạn sách sử địa đã đề cập đến Phú Yên dựa theo nguồn tư liệu của mình. Trong *Việt sử khảo lược* (1949), tác giả Giáo sư Dương Kỳ cho rằng: "Ông Maspero (trong *Histoire du Royaume de Champa*); ông

Chu Thiên (trong *Lê Thánh Tông*) đều cho núi Thạch Bi ở Varella ; (tức ranh giới Phú Yên và Khánh Hòa ngày nay - TTT); tôi nghĩ như thế *không đúng*. Tại Varella bây giờ *chẳng còn thấy cái bia nào cả*. Chứ ở núi Nhạn Tháp (Tuy Hòa) hiện nay còn có cái bia đã lâu đời của người Chăm khắc vào sườn núi. Bia ấy ca tụng thần Bhadresvara. Và chẳng sau này, khi ông Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận - Quảng thì ta thấy biên giới cực Nam của Quảng Nam là Tuy Hòa bây giờ. Có thể Nguyễn Hoàng mới sai Lương Văn Chánh vượt sông Đà Diễn (sông Đà Rằng bây giờ, chảy ra núi Nhạn Tháp ở Tuy Hòa), để đánh lấy thành Hồ của Chăm (tại huyện Sơn Hóa, Phú Yên). Nếu quả biên giới ở Varella rồi thì Lương Văn Chánh còn vượt sông Đà Rằng làm gì nữa ?!" (VSKL, sđd, tr.104).

Giáo sư Lê Thành Khôi khi soạn cuốn *Histoire du Viet Nam des origines à 1858*, (Nxb Sud Est Asie, 1982, bản dịch của Nguyễn Nghị, *Lịch sử Việt Nam*, 2014) đã dựa vào sách *Toàn thư lược thuật trận tấn công của vua Lê Thánh Tông và có ý kiến thêm*: "Một tướng Chăm tên là Bồ Trì Trì ty nạn tại Phan Lung (Phan Rang hay Panduranga), đã gửi phái viên đến triều cống xin xưng thần. Nhà vua chấp thuận. Champa mất hẳn phần đất phía Bắc mũi Varella (mũi Đại Lãnh). Vùng đất này trở thành trấn Quảng Nam..."

Ở cuối trang, tác giả ghi chú thêm: "Chăm-pa *lấy lại được một phần trong số lãnh thổ này vào thế kỷ XVI* nhờ các vụ lộn xộn đang xảy ra tại Đại Việt. Ranh giới được đẩy tới đèo Cù Mông. Năm 1611, Nguyễn Hoàng sai vượt biên giới này khi chiếm Phú Yên..." (LSVN, sđd, tr 283). Như vậy, theo tác giả, vùng đất Phú Yên (phía Bắc Varella) đã bị vua Lê Thánh Tông đánh chiếm, nhưng về sau, Chăm-pa đã lấy lại một phần trong lãnh thổ đó. Mãi đến năm 1611, Nguyễn Hoàng mới chiếm trọn vùng đất này.

Hoàng Việt nhất thống dư địa chí là sách của Lê Quang Định được lệnh của vua Gia Long biên soạn và dâng lên vua năm 1806, trong lời tựa của Nguyễn Gia Cát - Tham tri Bộ Lễ - có đoạn: "Đến niên hiệu Quang Thuận, Lê Thánh Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành, lấy đến phía Bắc núi Thạch Bi, rồi đặt thành quận huyện, dời dân ngoài Bắc vào lập nghiệp, từ núi Thạch Bi trở vào Nam vẫn là đất của Chiêm Thành và Chân Lạp (*Hoàng Việt...*, sđd, tr.11).

Thận trọng hơn, Nguyễn Văn Siêu trong *Phương Đình dư địa chí* dẫn lại toàn bộ sự kiện trong sách của Lê Quý Đôn và Lê Quang Định, sau đó đưa ra lời nhận định của mình: "Nay xét trong Lê sử: ngày 1 tháng 3 năm thứ 2 niên hiệu Hồng Đức chỉ đến huyện Tuy Viễn, *dãy núi Cù Mông trở về Nam vẫn còn thuộc đất Chiêm Thành. Những lời tục truyền tưởng không phải là thực*. Ngày nay đi qua núi Đại Lãnh, xa trông núi ấy sắc núi hơi trắng" (*Phương Đình...*, sđd, tr.132).

Trong tác phẩm *Việt sử xứ Đàng Trong*, Phan Khoang đã dẫn lời tuyên truyền của dân gian là vua Lê Thánh

Tông có sai người đục đá khắc bia trên núi Thạch Bi. Tác giả còn dẫn nội dung của văn bia: "Chiêm Thành quá thữ, binh bại quốc vong, An Nam quá thữ, tướng tru binh chiết", nghĩa là: Chiêm Thành qua đây, quân thua nước mất, An Nam qua đây, tướng chết, quân tan (*Phan Khoang*, 2001, tr.88). Nhưng tác giả Phan Khoang không đồng tình với truyền thuyết trên mà cho rằng vua Lê Thánh Tông có cho tướng tá đi vào đến hết địa phận Phú Yên ngày nay, rồi nhân đó đục đá làm bia, chứ vua không đến đó. Tác giả kết luận: "*Dẫu sao, sau cuộc chiến thắng này, uy quyền của vua Đại Việt cũng đến phủ Hoài Nhân, tức tỉnh Bình Định ngày nay mà thôi, chứ chưa vào đến núi Thạch Bi, đất đai bên kia Cù Mông chưa thuộc bản đồ nước ta*".

Về sau, Nguyễn Đình Tư trong tác phẩm *Non nước Phú Yên* cũng nhắc đến cuộc tiến binh năm 1470 của vua Lê Thánh Tông, tác giả viết như sau:

"Ngài ra lệnh cho khắc bia trên núi Đá Bia rồi ra lệnh ban sư. *Khi quân ta rút về rồi, chính quyền ta chỉ thi hành đến huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định mà thôi*, người Chiêm Thành lại tràn qua Đèo Cả chiếm cứ Phú Yên". Qua tác phẩm này, tác giả Nguyễn Đình Tư khẳng định việc vua Lê Thánh Tông có cho người khắc bia, nhưng việc quản lý về cương giới của người Việt chưa tới Đèo Cả.

Để làm rõ vấn đề này, thạc sĩ Ngô Minh Sang đã có những lập luận trên trang *Phuyenonline* ngày 11/3/2009 qua bài viết "*Thạch Bi sơn và sự thật lịch sử Nam tiến của vua Lê Thánh Tông (1470)*".

Xin được trích đăng để bạn đọc cùng nhận định: "Nhân sự kiện quân Chiêm Thành quấy nhiễu vùng Cổ Lũy, Đại Chiêm, vua Lê Thánh Tông một mặt ban chiếu đánh dẹp quân Chiêm, mặt khác thể hiện sức mạnh của Đại Việt trước các nước lân bang Đông Nam Á. Khi tiến quân đến vùng Thuận Hóa, vua ngầm sai thổ tù Nguyễn Vũ lên vẽ hình thể của Chiêm Thành để dễ tiến quân. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2005, tập II, tr.474). Về sau Trần Trọng Kim dẫn lại sự kiện này trong sách *Việt Nam sử lược* và nói rõ hơn: *Khi quân vào đến Thuận Hóa, Thánh Tông đóng quân lại để luyện tập và sai người lên sang vẽ địa đồ nước Chiêm Thành để biết cho rõ chỗ hiểm chỗ không rồi mới tiến binh lên đánh cửa Thị Nại* (Trần Trọng Kim, 1971, quyển I, tr.262). Dựa đoạn viết này có thể thấy Lê Thánh Tông là vị vua có nhiều mưu đồ lớn khi sai người lên vào lấy tài liệu mật của nước Chiêm Thành, phải chăng điều này có liên quan đến sự kiện khắc bia tại núi Đèo Cả, nghĩa là vị vua này đã sai một toán quân cấp tốc chạy vào địa phận Phú Yên nhân cơ hội vua Chiêm Thành bỏ chạy đến tận Phan Rang và tung tin là quân Đại Việt đã tới tận Đèo Cả.

Xét về điều kiện tự nhiên thì vùng đất Phú Yên xưa có địa hình hiểm trở, nhiều đồi núi, phải vượt qua nhiều sông suối mới đến được dãy núi Đại Lãnh. Việc đi lại trên địa phận Phú Yên chủ yếu là đường thủy và tốn nhiều thời gian, đặc biệt phải vượt qua sông Đà

Rằng, thêm vào đó thủy thổ ở đây không thuận lợi với những người mới đặt chân đến. Và lại ngọn núi Thạch Bi cao 706m, trên núi có nhiều thú dữ và đường đi khó khăn nên trong khoảng thời gian ngắn quân Đại Việt không thể khắc bia trên đỉnh núi được.

Về mặt số dân, theo ghi chép của Nguyễn Trãi trong *Ức Trai tập* thì thời Hậu Lê nước ta có khoảng 7.000.940 đinh, mà theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu (trong địa bạ Phú Yên) đây là cách tính đầu người, có nghĩa là dân số nước ta thời Hậu Lê có hơn 7 triệu. Thực chất dân số nước ta hơn 7 triệu thời đầu Lê sơ cũng là quá cao, tác giả Trương Hữu Quýnh phỏng đoán chừng 5-6 triệu. Như vậy, với lượng dân số trên, người Việt không thể rải đều trên vùng đất rộng lớn đến tận Thuận Hóa, hướng chỉ là vào đến Phú Yên. Và lại khi việc ban sư xong, vua Lê Thánh Tông mới khuyến khích lưu dân đến vùng đất Cổ Lũy, Đại Chiêm khai hoang. Luận điểm này chứng minh vua Lê Thánh Tông chưa hề có chiếu dụ khai hoang đến vùng đất Phú Yên, cũng như bác bỏ Đèo Cả là mốc ranh giới Đại Việt và Chiêm Thành từ năm 1471.

Một tư liệu khác là *Hồng Đức bản đồ* cho biết ranh giới nước ta chỉ tới đèo Cù Mông, nếu như Phú Yên thuộc đất Đại Việt thì không lẽ vua Lê Thánh Tông không vẽ thêm theo đúng với tư tưởng của ông: "Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại" (tác giả trích từ *Việt Nam sử lược* T1, sđd, tr.264).

Như vậy với sự hỗ trợ từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, bước đầu đã minh chứng và xác nhận sự thật lịch sử Nam tiến của vua Lê Thánh Tông vào năm 1471. Theo đó, vua Lê Thánh Tông không thân chinh qua dãy Cù Mông; có chăng, vua sai toán quân với mưu đồ về chính trị đi hết địa phận Phú Yên chứ không có chuyện cho người khắc bia trên núi Đèo Cả làm ranh giới giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Nhưng dấu sao đây cũng là sự kiện ghi dấu công lao đầu tiên của các bậc tiền nhân mở đất ở Phú Yên và để tưởng nhớ công ơn của vị thánh quân này, nhân dân Phú Yên đã lập đền thờ tại thôn Long Uyên (Tuy An)...

Tóm lại, dựa trên những chứng cứ lịch sử các nhà nghiên cứu đã đi đến thống nhất quan điểm lấy mốc lịch sử năm 1611 là năm ra đời của Phú Yên với tư cách là đơn vị hành chính của nước Đại Việt. *Cổng thông tin điện tử* chính thức của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên đã xác định (trong bản tin ghi ngày 06-02-2013):

"Năm 1471, vua Lê Thánh Tông thống lĩnh 26 vạn quân thủy bộ đi bình Chiêm, hạ được thành Thị Nại và Đồ Bàn, tiến vào đèo Cù Mông, lập nên 3 phủ Thăng Hoa (nay là Quảng Nam), Tư Nghĩa (nay là Quảng Ngãi) và Hoài Nhơn (nay là Bình Định). Còn phần đất từ Cù Mông đến Đèo Cả (tức là Phú Yên ngày nay) là vùng đất kị mi - vùng đệm, tranh chấp giữa người Đại Việt và người Chăm-pa.

Năm 1578, Nguyễn Hoàng bổ Lương Văn Chánh làm Trấn biên quan. Lương Văn Chánh đem quân đánh quân



Chiêm Thành ở Tuy Hòa (Thành Hồ), chiêu tập lưu dân vùng Thuận Quảng vào khẩn hoang, lập ấp từ Cù Mông đến Đèo Cả.

Năm 1611, trước sự quấy phá của Chiêm Thành, Nguyễn Hoàng cử chủ sự Văn Phong đánh vào, chiếm đất, đặt thành phủ Phú Yên, lập 2 huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Tên Phú Yên có từ đó."

Qua đó ta thấy quan điểm về lịch sử cho rằng các vua nhà Nguyễn bóp méo lịch sử, hay sửa đổi lịch sử để xiển dương cho dòng họ của mình là nhận định thiếu công minh. ■

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư* T2, Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb Khoa học Xã hội, 2005.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1964.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo Dục, 1998.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* T3, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1971.
- Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, Nxb Thuận Hóa, 2005.
- Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình dư địa chí*, Sài Gòn, Nxb Tự Do, Saigon, 1960.
- Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Đồng Tháp, 1998.
- Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Phú Yên*, Nxb TP.Hồ Chí Minh, 1997.
- Nguyễn Đình Tư, *Non nước Phú Yên*, Nxb Thanh Niên, 2004.
- Phạm Đình Khiêm, *Người chứng thứ nhất*, Nxb Tinh Việt Văn Đoàn, SG, 1959.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn Học, 2001.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb.Trung Tâm Học Liệu, SG, 1971.
- *Việt sử khảo luận*, Dương Ky, Nxb Thuận Hóa, 1949.
- Lê Thành Khôi, *Histoire du Viet Nam des origines à 1858*, Nxb Sud Est Asie, 1982 (bản dịch của Nguyễn Nghị 2014).
- Phạm Ngô Minh - Lê Duy Anh, *Nhân vật họ Lê trong lịch sử VN*, Nxb Đà Nẵng, tái bản 2001.
- Trang báo điện tử *phuyenonline* ngày 11/3/2009.
- *Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Phú Yên*.



“Sáng tạo” văn hóa bằng tư duy nhân rộng

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong địa hạt sản xuất vật chất, tư duy “nhân rộng” đã để lại hậu quả lãng phí ghê gớm về nguồn lực, từ việc xây dựng sân bay, cảng biển, nhà máy sản xuất bia... đến hoạt động nông nghiệp, quy hoạch chuyển đổi giống cây trồng... dẫn đến các vùng miền, doanh nghiệp, nông dân tự cạnh tranh lẫn nhau, làm suy giảm hiệu quả, tăng giá thành... Còn trong địa hạt sản xuất văn hóa-tinh thần, tư duy “nhân rộng” làm xói mòn bản sắc, xóa nhòa sự khác biệt giữa các vùng miền. Đơn cử việc đặt tên đường.

Trên phạm vi cả nước, không biết có bao nhiêu con đường trùng tên nhau. Nó chỉ ra một cơ tầng văn hóa hỗn tạp, không có bản sắc và thiếu tư duy lịch sử. Một đất nước được mệnh danh có chiều dài lịch sử 4.000 năm, nhưng tên các con đường lại không ghi nhận được chiều dài lịch sử ấy. Nhiều thành phố trong cả nước có những con đường trùng tên, thậm chí chồng chéo lên nhau ngay tại một địa phương. Lẽ ra, với một quốc gia có lịch sử lâu đời, văn hóa đa sắc, đa tộc người, tên đường phải thể hiện được đặc thù này. Theo đó, bên cạnh tục danh nên duy trì, cần đưa tên các nền văn hóa cổ vào tên đường góp phần định dạng ký ức

văn hóa, như Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Đông Sơn, Phù Nam, Óc Eo... và cả tên của các tộc người cùng sống chung trên đất nước... Vượt lên trên tính hữu hạn về cương vực, ta có thể đặt tên các nền văn hóa trên thế giới, tên các thủ đô hay tên những vì sao thuộc dải Ngân hà...

Về tên người, chỉ nên hạn chế ở một mức độ duy nhất đối với vùng đất đã sinh ra danh nhân nhằm xác định “căn cước văn hóa”, chứ không nên nhân rộng trên phạm vi cả nước làm mất đi tính chất giáo dục sâu sắc về cội nguồn, lịch sử. Như vậy, việc nhớ tên một con đường không chỉ xác định địa chỉ cần tìm kiếm trên bản đồ địa chính mà còn ghi nhớ những chỉ báo văn hóa đi kèm, từ quê hương, bản quán của danh nhân cho đến nền văn hóa cổ, các tộc người cùng sinh sống trên dải đất chữ S, tên thủ đô các nước, các vì sao... Chứ những con đường mang tên: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Đình Giót, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Trường Chinh... có ở khắp cả nước thì bài học đi kèm với tên đường, tên phố và tên danh nhân đã không còn được suy xét. Nó chỉ thuần túy phản ánh một tọa độ địa lý hay địa chỉ cần tìm. Ngoài ra, việc đặt tên những con đường trùng nhau, ngay cả trong một



Nguồn: namrom64a.blogspot.com

địa phương tự thân đã làm mất tính chất phân định giữa các vùng miền, nói rộng ra là nhạt nhòa bản sắc.

Tên đường, địa danh, tục danh nói chung giống như căn cước văn hóa của mỗi vùng đất. Qua đó, ký ức con người bám vào để nhận biết về xứ sở. Ở những sáng tác về vùng miền hay còn gọi là Địa phương ca, hầu như rất ít xuất hiện địa danh "vô tính", thay vào đó, người sáng tạo thường thông qua tục danh hoặc địa danh, những tên đường, tên sông, tên núi có một không hai để đưa vào tác phẩm, như ca khúc *"Bình Trị Thiên khói lửa"* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương chẳng hạn. Ông đã liệt kê hàng loạt địa danh hầu như chỉ có ở địa phương này, như: "Sông Hương, Thiên Mụ, Đập Đá, Văn Xá, Truồi Nong, Đông Hà, Ngô Xá, Bích La, Thủy Ba, Triệu Phong, Đèo Ngang, Ba Rền, sông Gianh, Lũy Thầy, Hải Lăng, Chí Lăng, Trung Nẫm, Cự Nẫm, Cầu Nhi, Ba Lòng, Khe Xanh". Ở ca khúc *"Thành phố hoa phượng đỏ"*, nhạc sĩ Lương Vinh cũng huy động những tên gọi như: "Sông Lấp, Bến Bính, Xi Măng, Cầu Rào, Cầu Đất, Lạc Viên...".

Rõ ràng, địa danh được xác định không chỉ trên cơ sở mong muốn chủ quan của ai đó, mà còn hướng tới làm rõ bản sắc văn hóa từng vùng miền. Nước Mỹ tuy có lịch sử ngắn ngủi hơn 200 tuổi, nhưng để có một con đường hay con đập mang tên danh nhân, phải trải qua một quy trình mất hàng năm trời với sự phân xét của các cơ quan tư pháp, hành pháp, hai viện lập pháp với số lượng hàng nghìn nhân viên, cuối cùng mới lấy tên một danh nhân đặt cho một con đường. Ở ta, quy trình này thường được đi tắt hoặc chịu sự "chỉ đạo sáng suốt" nào đấy dẫn đến làm nhòa đi ký ức văn hóa, lịch sử. Hà Nội là một thủ đô nghìn năm tuổi, ấy thế mà

cách đây mấy chục năm đã đổi tên những con đường lịch sử, như Hàng Bột, Tàu Bay... Tình trạng đứt gãy văn hóa nước ta không chỉ xuất phát từ nguyên nhân khách quan, mà còn đến từ sự hời hợt trong tư duy lịch sử và văn hóa. Hiện vật trưng bày tại các bảo tàng thì náná giống nhau, bảo tàng khảo cổ cũng giống như bảo tàng cách mạng, bao trùm lên các hiện vật là lịch sử đấu tranh. Người đặt chân đến một vùng đất mới luôn mong muốn tìm hiểu những thứ khác mình, trong khi đâu đâu cũng một sắc đồng phục. Việc đổi tên đường, tên cơ sở giáo dục... còn tùy tiện hơn. Người có thẩm quyền nói chung không suy xét đến tính ổn định lâu dài trong thời gian nhằm vươn tới ký ức lịch sử. Giống như một con người, từ khi sinh ra, lớn lên đến chết đi, đa số đều có một cái tên gắn liền với quá trình thay đổi, chứ không phải qua mỗi thời kỳ lại lấy một cái tên mới. Và cái tên ấy sẽ được khắc lên bia mộ nhằm xác định một thực thể từng tồn tại như thế. Các ngành khoa học trên thế giới, từ triết học, văn hóa học hay thẩm mỹ, tôn giáo... đều duy trì tên gọi như thuở khai sinh, tuy nội hàm đã liên tục thay đổi và được bổ sung. Sự thay đổi ấy góp phần làm cho nội hàm của tên gọi (thuật ngữ) thêm phong phú, đặc biệt phản ánh được tính chất, xu hướng phát triển. Còn ở ta, một ngôi trường sau khi nâng cấp hay cơ cấu lại tổ chức sẽ đi kèm với việc đổi tên. Điều này góp phần tạo ra sự đứt gãy về lịch sử, làm rạn nứt ký ức.

Tính chất "sơ tán" trong nhiều thiết chế văn hóa của chúng ta vẫn tiếp tục kéo dài từ thời chiến đến thời bình, dòng chảy văn hóa vẫn không ngừng bị đứt gãy trong điều kiện mà lẽ ra cần phải được bảo vệ, củng cố. Có lẽ, chiến tranh chỉ là một trong nhiều nguyên nhân quan trọng làm đứt gãy văn hóa, quan trọng hơn có lẽ chính là nhân quả trong hành vi của con người. Từ đó biến lịch sử thành một đại lượng biểu trưng, rỗng ruột, thiếu nội hàm tương ứng.

Không gì dễ dàng làm xói mòn, sa mạc hóa văn hóa bằng sự cần cỗi về tư duy sáng tạo. Phương pháp nhân bản vô tính, nhân rộng những hiện tượng cá biệt tạo nên bản thể đơn sắc trên diện rộng, một bản sắc đồng phục dễ dàng nhân thấy qua nhiều biểu hiện và kết quả đem đến tình trạng mệt mỏi về cảm quan. Những con đường, tên phố trùng lặp, những địa phương phát triển theo xu hướng "khắc nhập", "khắc xuất", nhưng thiết chế văn hóa lâu lâu bị đổi tên... Tất cả hiện tượng trên đã trở thành phổ biến, thậm chí xảy ra ở những vùng đất có lịch sử, văn hiến lâu đời. Nó phản ánh tư duy, khả năng sáng tạo của những người kiểm soát và tạo ra văn hóa bằng tư duy nhân rộng, đi ngược lại mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam vừa "đậm đà bản sắc dân tộc", vừa "vươn tới phẩm chất tiên tiến".

Và mục tiêu phấn đấu của cả nền văn hóa vẫn còn tiếp tục với những khúc quanh co, không tránh khỏi bước đi thụt lùi khiến người ta ngán ngẩm. ■



Thói quen cũng phải tu tập

HOÀNG TÁ THÍCH

Hồi ở trong quân đội, tôi có một người bạn, một đồng đội. Anh ấy là một sĩ quan, người Nam, tính rất hài hước, ai cũng mến. Chỉ có một điều là hễ mở miệng ra thì lúc nào cũng có hai chữ Đ.M. đi trước. Chuyện đứng đắn, chuyện đùa hay cả chuyện nghiêm trọng, cũng không bao giờ thiếu hai chữ Đ.M. đó. Người ta chửi thể thể nào thì không biết, nhưng riêng anh bạn tôi thì nghe không thấy tức chút nào, bởi vì hai chữ Đ.M. kia phát ra một cách rất tự nhiên, dần dần ai cũng quen tai dù chửi thể thể thì cũng chẳng hay ho gì. Không biết lúc anh ấy nói với cấp trên thì thế nào, nhưng cả đơn vị chúng tôi không ai là không biết và thấy quen thuộc quá nên chẳng để ý đến nữa.

Có một hôm, trong một buổi nhậu giữa anh em với nhau chừng năm sáu người, một ông bạn trong nhóm lên tiếng:

- Này cậu, tôi thách cậu một chuyện. Nếu lúc nào nghe cậu mở miệng mà không có hai chữ Đ.M. thì chúng tôi mất cho cậu 100 đô, nhưng nếu cậu không làm được thì phải trả cho chúng tôi mỗi đứa một chai bia. Chỉ một chai bia thôi. Quý vị có đồng ý không?

Cả bọn đều gật đầu và im lặng chờ. Anh bạn ngồi yên như suy nghĩ một lúc rồi nói lớn:

- Đ.M. OK, đồng ý.

Cả bọn phá ra cười. Thoạt đầu, anh bạn chừng như ngạc nhiên không hiểu sao mọi người lại cười, nhưng mấy phút sau, anh mới định thần trở lại và lẩm bẩm:

- Đ.M., thế là mất toi năm chai bia.

Mọi người lại được một phen cười ngất.

Đó là thói quen. Thói quen đã được lặp đi lặp lại nhiều lần, hình thành từ lâu và nó nằm sẵn trong tâm nên làm bất cứ gì cũng đều là phản ứng có tính cách quán tính, không suy nghĩ.

Nói được hai từ cảm ơn khi người khác mở cửa cho mình cánh cửa, nhường cho mình một chỗ trên xe buýt... cũng là thói quen của một người lịch sự, nhưng không phải ai cũng làm được. Ngay cả vợ chồng với nhau, cha mẹ với con cái, anh chị em, bạn thân làm cho nhau một việc gì cũng không nên quên hai chữ cảm ơn. Cứ nghĩ là giữa thân tình với nhau không cần thiết, nhưng đây là một thói quen lịch sự mà nếu không thường nói dần dần sẽ thấy ngượng mồm mỗi khi muốn nói. Con cái hỏi thăm sức khỏe của cha mẹ cũng thế, không cần phải đợi đến lúc đau yếu thực sự mới hỏi han. Chào hỏi nhau là một thói quen.

Một người về từ Thụy Sĩ nói rằng ở bên đó, ra đường gặp nhau, dù không quen biết, nhưng mọi người đều nở một nụ cười thân thiện như một hình thức chào nhau. Ở Việt Nam thì chuyện đó còn lâu, không những thế mà có khi cười với người không quen biết còn bị kết tội là cười đùa và có thể bị ăn vạ nữa là khác.

Xả rác bừa bãi là một thói quen, nên giữa nơi công cộng, trong đám những người vô ý thức đó không bao giờ nghĩ đến chuyện tìm một thùng rác để vứt vào.

Ăn uống trong nhà hàng mà nhai không ngậm miệng, để gây những âm thanh khó nghe là một thói quen, nên không bao giờ để ý là mình đang ở chốn công cộng hay ở nhà, vì ở nhà thì đã quen như thế. Ăn xong xĩa rằng một cách tự nhiên không cần phải che miệng cũng là thói quen. Mọi mũi bất cứ đang ở đâu cũng là thói quen. Nói chuyện lớn tiếng ở chỗ cần sự im lặng là một thói quen. Nhiều thói quen không nên quen lắm và trong cái xã hội này không thiếu những người phạm phải mà không hay. Có người nhắc thì có thể ngưng lại, nhưng trừ phi đó là con cháu mình, chứ bạn bè, hay người lớn đôi khi cũng khó lòng mở miệng nhắc nhở.

Có điều cũng đều là thói quen, nhưng những thói quen xấu thì dễ quen, còn những thói quen tốt thì không chịu khó làm quen, như chịu khó kiếm cho ra một thùng rác công cộng để vứt một tờ giấy phải vứt đi, nở một nụ cười khi tiếp khách hàng, nói hai chữ cảm ơn... thì lại ít quen lắm. Ít quen mà lại còn hay quên. Nhưng thói quen là thế. Sáng nào dậy cũng nhớ thắp một cây nhang trên bàn thờ Phật dần dần trở thành thói quen. Buổi sáng có chuông nửa tiếng để tập thể dục. Ban đầu có thể lười biếng, nhưng nếu chịu khó một thời gian, dần dần hễ ngủ dậy là làm công việc đó như một thói quen, không còn lười hay không muốn làm nữa mà trái lại không tập thì lại thấy như thiếu một cái gì chưa làm. Chẳng khác gì buổi sáng trước khi đi

làm việc phải có cốc cà-phê, thiếu thấy khó chịu lắm. Giới luật của người tu hành cũng là những điều kiện để tạo những thói quen tốt.

Các con tôi có một người bạn người Hongkong, thỉnh thoảng qua Việt Nam chơi và ở lại với chúng tôi. Cậu ấy còn trẻ, nhưng làm gì cũng từ tốn, nhẹ nhàng. Thấy mỗi lần ăn cơm chung, các con tôi thường bỏ đồ ăn cho cậu ấy. Tôi nói với các con, cậu ấy chẳng khác gì người nhà, ăn cơm với gia đình nhiều lần rồi, sao còn khách sáo. Con tôi giải thích, tôi mới biết là cậu có thói quen được gia đình dạy từ hồi còn bé. Cậu ấy đã được dạy là khi ngồi bàn với người lớn thì chỉ gấp thức ăn trước mặt mình thôi chứ không với đũa để lấy đồ ăn để xa. Nếp nếp đã trở thành một thói quen, thói quen có giáo dục. Ngày xưa, rất nhiều gia đình ở Việt Nam, con cái cũng được cha mẹ giáo dục khi ngồi vào bàn với người lớn thì phải mời các bậc trưởng thượng trước khi đụng đũa vào thức ăn.

Bất cứ điều gì xấu hay tốt lặp đi lặp lại nhiều lần đều sẽ trở thành thói quen.

Cái thói quen tai hại cuối cùng là quen mắt. Dù không làm nhưng lại phải thấy hoài để bị ảnh hưởng lúc nào không hay. Thấy cướp giật ngoài đường riết rồi quen mắt, thấy chạy xe cầu thả, vượt đèn riết rồi quen mắt. Thấy người ta xả rác bừa bãi riết rồi quen mắt. Thấy trường nào cũng có học sinh đánh hội đồng nhau riết rồi quen mắt, không quan tâm đến chuyện bạo lực học đường nữa. Thấy học trò hỗn hào với thầy giáo hoài rồi quen mắt, dần dần quen mắt những "tôn sư trọng đạo", "Tiên học lễ, hậu học văn". Thấy giành nhau khi ăn buffet riết rồi quen mắt. Thấy chuyện dân chúng mắng chửi nhau tục tĩu riết rồi quen mắt quen tai.

Quen mắt quen tai rồi không thấy những chuyện đó là thiếu văn hóa, là dân trí thấp vì nó thường xảy ra chung quanh mình quá. Lâu dần, chính bản thân mình cũng hoà lẫn trong cái môi trường thiếu văn hóa, nhiễm những thói quen đó mà không hay.

Cái thói quen tốt đẹp nhất, khó làm nhất là thói quen tu tập những thói quen tốt. Tu tập để thấy không quen mắt, quen tai với những điều xấu. Tu tập để thấy mình không thuộc vào cái môi trường thiếu văn hóa đó. Thấy cái gì hay thì tu tập tạo cho mình một thói quen tốt như biết mở miệng cảm ơn người khác khi họ chỉ làm cho mình một điều nhỏ nhặt chẳng hạn. Nhường chỗ cho người lớn tuổi hơn mình trên xe buýt, giúp đỡ người nghèo khó là tập cho cái tâm mình có thói quen nhân ái. Chạy xe ngang một ngã tư trong phố, dù vắng xe cũng cứ chịu khó chờ đèn không vượt ẩu chẳng hạn là tập cho mình có thói quen tôn trọng luật đi đường. Nhiều thứ cần tập thành thói quen tốt lắm, nhưng hai cái thói quen tốt và xấu khác xa nhau một trời một vực. Xấu thì dễ làm, dễ nhiễm. Tốt thì khó hơn, phải có trí tuệ, phải có kiên nhẫn và phải cố gắng tu tập mới được. ■

Văn tế

thảm họa cá chết dọc biển 4 tỉnh miền Trung

NGUYỄN PHÚC VINH BA

Hỡi ơi,

Mới bơi tung tăng,
Nay nằm trơ ngó.
Mắt vô hồn tựa trứng phong tà,
Thân bất động dường vương độc tố.
Bờ sâu bờ cạn tanh tào xác cá, cá đâu lấm thối, kín một vùng biển đẹp ngày nao,
Bãi nhỏ bãi to chất ngất vỏ nghêu, nghêu mô nhiều rì, đồn khắp cả sân xinh thuở đó.
Trời cao thăm thẳm, oan khiên này biết có ai hay,
Biển rộng thênh thang, thảm họa đó hầu chưa kẻ tỏ.

Nhớ linh xưa,

Trong xanh biển rộng, cá từng bầy thông dong vui cuộc sống, hể ngư thủy tương phùn¹.
Mát mẻ nước sâu, ngư bao loại thư thả hưởng hương đời, hể long vân hội ngộ².
Cửa Tùng, Cửa Việt³,... hàng dương gọi gió, mây vẫn trời xa
Kỳ Phú, Thiên Cầm³,... bờ cát đợi triều, khách chìm mộng nhỏ.
Cua mực cá tôm tươi ngọt, sắp tràn bàn tiệc, người người được buổi hân hoan,
Trẻ già trai gái khỏe vui, nâng chén men say, kẻ kẻ quên thời lao khổ.
Mừng trúng mỗi thuyền ghe trĩu nặng, đội sau chen đội trước cặp sát bến cầu,
Vui được mùa cá mực tươi xanh, xe ngắn tiếp xe dài tuôn về thị phố.
Quê hương đó ôi bao triu mến, gấm vóc trăm nơi,
Biển đảo kia quá đổi thương yêu, bạc vàng muôn chỗ.
Ngàn đời nay, cá dưỡng nuôi dân Việt, tình tựa thể mẹ con,
Muôn kiếp rồi, biển bảo hộ người Nam, nghĩa khác nào ông bố.

Có ai ngờ.

Tháng Tư quang mây,
Miền Trung đứng gió,
Kỳ Anh, Quảng Trạch,... trắng bờ thây nổi, nào thu, nào ngừ, nào sòng, nào nục, chuyện trăm năm mới thấy đã kinh,
Quảng Trị, Thừa Thiên,... đen kịt vỏ đùn, ấy nghêu, ấy hào, ấy ốc, ấy cua, việc mấy thuở xảy ra quá sợ.
Cá mất trọn phơi mang
Ngao xác tiêu trơ vỏ.
Con dưới đáy như hanh, như đục; trôi đầu lên, thối bụng sứt vây,
Đứa trong lồng ấy bớp, ấy hồng; phơi lưng ngửa, xếp ví nguyên sọ.
Thoạt nhìn qua, dân hồn rớt tâm run,
Thôi chi nữa, thuyền mái treo lá bỏ.
Chu giám đốc⁴ đã phán, cá hay thép hãy nên chọn một, này mấy chú dân mình,
Vô thứ trưởng⁵ lại bàn, chết hoặc sống ấy bởi nhiều nhân, kìa bao lần triều đồ.
Đúng quy trình, Formosa xả thải ngoài Vũng Áng⁶, nhưng liệu có dây dưa?
Theo hải lưu, kim loại nặng trôi mô về Lập An⁷, sao mà nghe căc cớ.
Ba bốn bộ xúm vô nghiên cứu, đang mãi luận bàn,
Năm sáu quan lên tiếng an dân⁸, hẳn nhiều cơ sở.

Một tháng tròn,

Thuyền nằm bờ tường đã quen thân,
Dân treo niêu những toan chạy nợ.
Quán hàng vắng hoắc, nhà bán buôn sỉ lẻ ven miền, thấy đã so vai,
Ghe lưới khô ran, bạn thương lái đầu mối quanh vùng, cũng đành trơ mắt.
Cá đã chết, san hô cũng chết, biển sẽ chết, chết cả một chùm,
Chim đang tiêu, hải tảo dần tiêu, người e tiêu, tiêu luôn cả ổ.
Nhiễm độc môi sinh,
Tàn suy thủy thổ.
Vạn hộ ngẩng đầu mong đợi, được thấy cái nguyên nhân,
Trăm phương dướn cổ ngóng trông, trên vang lời công bố.

Thôi thôi,

Xét cho cùng, người chết, lỗi chẳng do người.
Suy tới gốc, họ làm, tội là tại họ⁹.
Di căn thế nào, xin thủy tộc đừng tiêu,
Hậu hoạn ra sao, cầu dân Nam hết khổ.
Bọn tàn độc hoàng thiên có mắt, chào đầu lò lửa, địa ngục chực chờ,
Quân vô lương công lý sẵn gươm, móng ngựa sân tòa, pháp đình sẽ mở.

Ô hô,

Nay người, ta đọc tế văn,
Mai ta, ai người điệu giỗ.
Tưởng chuyện bách niên,
Đau lòng thiên cổ.
Vốn cũng sinh linh một kiếp, cầu các người sớm tới cõi vãng sanh,
Nếu có duyên nghiệp bao đời, mong chúng bạn chóng qua thuyền siêu độ.

Kính nay,

Bát trăm tạp khối lên phơ phất, cao thấp ngoài hiên
Lọ hoa vườn cặm vội ngả nghiêng, héo tươi trước gió.
Bát cháo gạo mùa
Dĩa khô nục cộ.
Hồn nào có linh,
Xin về hưởng cỗ. ■

Chú thích:

1. Ngư thủy tương phùng: Cá nước gặp nhau, chỉ sự gặp gỡ phù hợp và tương ứng.
2. Long vân hội ngộ: Rồng gặp mây, chỉ sự gặp gỡ môi trường thích hợp.
3. Kỳ Phú, Thiên Cẩm, Cửa Tùng, Cửa Viêt: tên các bãi biển nổi tiếng ở Hà Tĩnh, Quảng Trị.
4. Chu Xuân Phàm, giám đốc đối ngoại Formosa, tức khu công nghiệp luyện thép ở Kỳ Anh, Hà Tĩnh, tuyên bố giữa cá hay thép người Việt Nam chỉ có thể chọn một thứ.
5. Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường cho rằng cá chết vì thủy triều đỏ và độc tố hóa học thải ra từ hoạt động của con người.
6. Vũng Áng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh là nơi khu công nghiệp Formosa xây cơ sở. Việc Formosa xả thải ngấm thì Bộ trưởng Tài nguyên - Môi trường Trần Hồng Hà cho rằng không đúng theo pháp luật Việt Nam quy định.
7. Theo báo cáo của Sở TN-MT Thừa Thiên Huế, kim loại nặng crom ở đầm Lập An, Lăng Cô, Thừa Thiên Huế gấp 9 lần mức cho phép.
8. Ông Đặng Ngọc Sơn, Phó Chủ tịch tỉnh Hà Tĩnh nói ăn hải sản và tắm ở biển Hà Tĩnh là an toàn. Ông Huỳnh Đức Thơ, Chủ tịch thành phố Đà Nẵng đã tổ chức tắm biển và ăn hải sản cùng cán bộ.
9. Thủ phạm gây ô nhiễm môi sinh mà tới nay Nhà nước ta vẫn tìm chưa ra.



Núi la i t uoả t hô

Ở lưng chừng tuổi trẻ, tôi cứ hay lục lại ký ức để tìm về với ngày thơ bé, đơn giản chỉ để sắp xếp lại bao hồi ức, để tuổi thơ dung dưỡng cho bao trưởng thành, để con nằng đưa tôi về bên những kỷ niệm thiếu thời. Nhất là ở thời điểm mùa hạ đang nhen nhóm trên khắp các ngã đường của thành phố, kỷ niệm tuổi thơ ulla về, thì nhau chấp vá...

Con nằng đưa tôi về... với những ngày hồn nhiên, vô tư không lo nghĩ. Tuổi thơ dẫu nhộn nhịp, tung búng, song vẫn có những phút giây "sống chậm" thả mình ngắm nghĩa bầu trời quang đãng, trong xanh không chút gợn mây. Dường như, nó rất giống bầu trời trong bài thơ "Tràng giang" của Huy Cận lắm thì phải? "*Nắng xuống trời lên sâu chót vót*", một khoảng không gian mở ra bao la vô tận, khiến bầu trời trở nên trong xanh và bị đẩy lên cao đến vô cùng. Chính trên nền trời mà tôi từng dõi mắt theo ngày ấy, tôi đã vẽ nên bao ước mơ và hy vọng, có những ước mơ theo tôi đến tận bây giờ.

Con nằng đưa tôi về... với những ngày ngây ngô, khờ dại. Tôi nhớ như in buổi trưa tháng năm chói chang gay gắt năm nào, mấy đứa trong xóm rủ nhau trốn cha mẹ đi tát bóng bắt cá, đào chạch ở mấy đám ruộng còn đọng nước hay những con kênh nhỏ chạy men theo đường làng. Đứa nào đứa nấy đầu trần chân đất, mặt mũi hem huốc vẫn say sưa đắp bờ ngăn nước, hì hục múc múc

tát tát cho đến khi nước cạn để bắt cá. Có đứa may mắn gặp được chú cá rô, cá ngạnh liền hú hét, nhảy cẫng lên để vừa rao báo cho tất cả, vừa hãnh diện khoe chiến lợi phẩm của mình. Ngày bé vô tư lắm, thành quả của bạn cũng giống như của mình, đứa nào đứa nấy tranh nhau mân mê chú cá, sau đó trằm trồ khích lệ nhau, tiếng cười, tiếng nói giòn tan trong nắng trưa. Có hôm, phát hiện tôi đang dang nắng, cha tôi giận lòi về đánh cho mấy roi đau nhừ, những trận đòn roi mà bây giờ nhớ lại, tôi không khỏi chau mày. Tôi giận cha nên nhịn ăn cơm chiều. Cái bụng đói meo biểu tình tội nghiệp nên đến buổi tối lại lò dò xuống bếp lục cơm nguội, mẹ luôn để dành phần cơm cho tôi. Ấy vậy mà, ngày bé chóng giận nhưng cũng nhanh nguôi ngoai, vài hôm sau, tôi lại chứng nào tật ấy.

Con nằng đưa tôi về... với những trò chơi cộng đồng vui nhộn mà bây giờ tôi ít thấy con trẻ chơi đùa. Đó là những đêm cùng đám bạn trang lứa tụ tập chơi trốn tìm, cướp cờ, u quạ... Chúng tôi thường lăn xả, nhảy nhót và cười đùa trên mấy đùm rơm khô còn vương mùi lúa mới lẫn với mùi rạ hăng hăng. Nghĩ cũng lạ, có lẽ phải cảm ơn người lớn đã chịu khó gom những mớ rơm nằm rải trên cánh đồng, bờ ruộng, để hôm nay, từ những cọng rơm vàng óng ánh ấy, tôi đang gom lại tuổi thơ dính đầy bùn đất của chính mình.

Tôi nhớ những buổi trưa hè, tụi trẻ con kéo nhau đến bờ sông gần nhà nội chơi trò bán hàng, tắm sông, làm



nhà mái lá, bán đồ hàng, nấu ăn... Chúng tôi thường chia đều mỗi nhóm khoảng hai đến ba người làm một gia đình nhỏ. Gia đình nhỏ ấy bắt đầu xây dựng căn lều mái lá bằng vật liệu hết sức đơn giản và gần gũi, đó là những nhánh cây quanh vườn mà chúng tôi bẻ được trong tầm với của mình. Toàn bộ phần mái, nền và vách xung quanh đều được che chắn bằng lá chuối, đó hẳn là tàu chuối to nhất, đẹp nhất và không bị rách. Xong xuôi phần dựng lều, từng đứa sẽ đi hái các loại cây ăn quả như sung, khế, ổi,... làm đồ hàng và dùng lá dâm bụt thay tiền để trao đổi. Tiền được chúng tôi phát hành mệnh giá theo độ lớn nhỏ của lá. Cứ thế, tiếng trao đổi, cười đùa, tiếng ngã giá, tiếng một gia đình hào phóng cho con thật nhiều tiền để đi mua món hàng ưng ý, không khí rộn rã, xua tan không khí bình lặng thường ngày.

Song có lẽ, điều thú vị nhất đối với tất cả là được hòa mình vào dòng nước mát sông quê. Sau mỗi lần chơi đồ hàng, chúng tôi nhảy ù xuống sông tắm mát. Sông quê trong xanh, hiền hòa như vỗ về, xoa dịu tâm hồn của những đứa trẻ lấm lem bùn đất. Trên bờ, những tán cây thi nhau tỏa bóng mát khắp mặt sông. Gây ấn tượng cho tôi nhiều nhất là cây sung cổ thụ mọc ở sát bờ, nó đã gắn bó suốt những năm tháng tuổi thơ của chúng tôi. Thế của sung cũng thật biết chiều lòng người, sung không mọc thẳng mà cứ vươn mình tà tà sát mặt nước. Mỗi lần tắm, chúng tôi lại trèo lên

cây sung, sau đó nhảy từ trên cây xuống dòng nước. Sảng khoái và thích thú là tất cả những gì chúng tôi cảm nhận được. Sau khi bơi mệt, đứa nào đứa nấy lại tìm đến chỗ những nhánh sung sà thấp, xem chúng như phao cứu trợ để thỏa sức mà nín, mà đánh đu và nghỉ cho lại sức rồi tiếp tục trò đùa vô chừng. Theo thời gian, lũ trẻ ngày ấy giờ đã trưởng thành, nhưng cây sung năm nào vẫn nằm đó, vẫn tiếp tục ươm tuổi thơ cho những đứa trẻ thôn quê. Cây sung vẫn không có gì thay đổi, vẫn trầm mặc nghiêng nghiêng một góc bờ sông, chỉ có chúng tôi là thay đổi. Mỗi độ về quê, chị em tôi lại rủ nhau ra thăm cây sung già, cùng nhau ôn lại những kỷ niệm vẹn nguyên và ấm áp, bất chợt lại muốn một lần được tắm mát, được nô đùa trên dòng sông tuổi thơ ấy. Chị em tôi nhìn nhau cười mỉm chỉ.

Con nằng cuối hạ đưa tôi về... những đêm trăng sáng mùa hè, mấy chị em ngồi quây quần bên chõng tre của nội. Vừa hóng mát, vừa nghe nội kể những mẩu chuyện cổ tích dễ thương. Có những chuyện chúng tôi cứ đòi nghe đi nghe lại nhiều lần. Không biết ngày ấy, nội có bức dọc khi cố chiều mấy đứa cháu lém lỉnh này hay không, mà tôi nhớ, nội đã dành cho chúng tôi tất cả nụ cười và sự ân cần ấm áp.

Lúc đầu, tôi vô ý lắm, cứ chen vào mấy câu hỏi ngớ ngẩn khi nội đang kể chuyện nên bị mấy chị đuổi đi chỗ khác, nhưng sau đó, lần lượt từng đứa một lần quay ra ngủ dưới chân nội. Trong giấc ngủ, tôi đã thấy công chúa, hoàng tử cười với mình, và ngộ thay, tôi cũng mơ màng cảm nhận nhịp tay đều đều của nội phe phẩy chiếc quạt nan, nghe thoang thoang mùi dầu cù là thân thương hòa lẫn với hương cau thanh dịu đang lan tỏa khắp sân nhà.

Và con nằng nhắc chúng tôi nhớ những người dân quê miệt mài trên cánh đồng lúa. Thương người dân không quản khó nhọc, một nắng hai sương với nghiệp làm nông bao nhiêu, tôi lại thêm thương cha mẹ mình bấy nhiêu. Nhà tôi đông con, gánh nặng trên vai ba mẹ lại thêm phần vất vả. Cha mẹ tôi phải gồng gánh để nuôi năm chị em tôi ăn học. Gia đình bữa đói bữa no nhưng luôn sống hòa thuận, vui vẻ; mỗi thành viên đều dành cho nhau một tình cảm ấm áp thiêng liêng. Đó là những ngày tháng cả nhà thiếu thốn từng cái ăn cái mặc, cha tôi nhiều đêm trằn trọc nghĩ cách xoay xở tiền học cho chúng tôi, còn mẹ thì lo âu nhìn thùng gạo đã vơi cạn đáy... Đó cũng là năm tháng mà cả gia đình phải nỗ lực bước về phía trước...

Cứ như thế, tuổi thơ của tôi trôi qua bình dị...

Hiện tại, chị em tôi đã định cư mỗi người một nơi, không có nhiều cơ hội về với mảnh đất quê hương, thế nhưng kỷ niệm về gia đình, bạn bè, người thân và một thời tuổi thơ êm đềm vẫn luôn thường trực, vẹn nguyên... Bởi đó là một phần của tôi, là máu thịt nuôi dưỡng tôi đến ngày hôm nay.

Cảm ơn đời, cảm ơn tuổi thơ! ■



Thư gửi một bạn viết trẻ

Nơi hoang vu phận người

NHỤY NGUYỄN

Mình không biết bắt đầu cuộc chuyện với bạn từ đâu lại không phảng phất hình bóng của K. - tên nhân vật bạn đặt cho vợ trong một truyện ngắn gần đây - người con gái tưởng đã chết lặng từ lâu trong ký ức mình. Nhưng mình đã nhầm. Hẳn bạn sẽ rất giận bởi mình từng nghĩ, bạn không bảo đảm cho K. một cuộc sống tốt. Và để trả đũa cho sự hiểu nhầm đáng tiếc giữa mình và K. cộng với sự kiêu mạn của một người sung mãn tiền tài, bạn đã buộc K. rời công sở. Cho đến một sớm, vẫn góc quán *Le Café* ấy, mình thấy chiếc ô-tô mới toanh đậu trước nhà bạn, K. bước xuống với một con người khác hẳn những gì mình lưu giữ; lối sống vương giả đã khiến tâm hồn trong trắng kia gợn đục, khiến nét mặt thanh tú dựng lên những gờ gề kiêu sa, mình thoáng nghĩ đã mất K. rồi. Và tin K. bị ung thư lượn lơ trên mạng, càng khiến mình tin bạn chẳng những không đưa lại cho K. những gì tốt đẹp nhất mà đang buông K. trôi vào cõi khác.

Mình đã đọc hết những cuốn sách của bạn. Đó thực sự là một cố gắng, có lẽ cốt nhặt nhanh thông tin về K. trong không gian sống bạn đã dựng lên thành tác phẩm. K. gần như bị nhốt giữa một đời sống thượng lưu không nhận ra những đám mây gợn đục trong đôi mắt trong veo mây trời. Nhớ lần mình bắt con ve sầu, K. không nhận và bảo: "Tha cho nó đi anh". Mình đã nhìn rất sâu vào đôi mắt ấy, mê dụ đến bàng hoàng. Mình đọc được ẩn ngữ từ trái tim của K. và dường như muốn quy xuống bởi hình ảnh thoáng qua: trong một ngôi nhà cao sang

K. đứng trên sân thượng u sầu nhìn về hun hút đồng quê xanh mát này. Lại nhớ mấy năm trước mình tặng bạn cuốn *Hiếu về trái tim*, cuốn sách được những học giả tiếng tăm ấn chứng, đạt kỷ lục về lượng phát hành ở Việt Nam 100 ngàn bản trong năm đầu tiên; tưởng đến cảnh bạn đọc bài đầu sách "*Đau khổ*" liền vui sướng đưa K. xem để vượt lên số phận ngặt nghèo. Rồi hơn năm sau mình chuyển đến bạn đường *link* đến *file* diễn đọc cuốn sách này của nhiều nghệ sĩ, nhưng bạn đã lẳng lặng bỏ qua. Bởi bạn nghĩ cái hiếu của bản thân vượt lên những thứ đó rồi. Bạn nghĩ tác phẩm của bạn in ra sẽ vượt con số 100 ngàn bản trong năm phát hành đầu tiên, và bạn nghĩ mình sẽ háo hức ra mua cuốn sách mới ra lò ấy về lăn lê đọc rồi trang trọng đặt lên giá như một vật thờ? Thú thực mấy năm nay mình không sờ tới một tác phẩm văn học, dầu nó thuộc về giải Nobel. Mình đã có một kênh khác để "sạc pin". Hồi xưa mình nghĩ đọc nhiều ông lớn mới viết tốt, bây giờ khác. Bạn biết chẳng, đôi khi ngồi xuống tịch mặc thanh lọc nội tâm cũng là nguồn năng lượng hơn cả ngàn trang sách. Nói vậy không hẳn mình ngưng hẳn việc đọc. Cái sự đọc của mình giờ cũng lạ. Đạo K. tặng cuốn *Chuông nguyện hồn ai*, mình mang về chưa kịp đọc thì vướng việc gia đình. Lẩn gập sau K. hỏi đọc chưa? Như một phản ứng tức thời mình bảo, rồi. Bạn biết không, mình mới chỉ đọc cái tên sách. *Chuông nguyện hồn ai*, mấy chữ đó thôi, đã thấy quá đủ; mình đọc được cả thế giới nội tâm của Hemingway, mình đọc được tầm vóc của Hemingway trên căn nền của thứ triết

học nhuần nhị. Bạn tôn sùng Henry Miller nhưng bạn chỉ hiểu một phần nhỏ trong cái sự nghiệp của nhà văn này mà ở đây sự tung hô đã khiến ông ta thấy phải cúi mặt trước những chân lý siêu nhiên đang chiếu rọi vào góc khuất cuộc đời. Bạn lấy Phạm Công Thiện làm thần tượng, nhưng vẫn chỉ quần quanh mấy cuốn triết gia viết thời nông nổi, và dĩ nhiên bạn bỏ qua những tác phẩm tinh túy sau này cùng rất nhiều bài thuyết giảng về Phật pháp của Phạm Công Thiện trên hành trình hướng miền tâm linh mà ở đây quá khứ về một *Ý thức hệ* chết hẳn.

Đôi lúc mình nghĩ bạn đã hiểu chính bạn chưa? Bạn đã hiểu K. chưa? Cảm nghĩ những gì mình đọc trong tác phẩm của bạn là một con người đeo mặt nạ thu lu trong góc tối trước màn hình vi tính lường gạt ngay từ những con chữ vô tội. Bạn có biết K. buồn tủi lắm trước vô số mặt nạ bạn thay đổi thường xuyên trong cuộc nhập lưu vào một xã hội lắm sự đả bôi phờ phảnh. Bạn hiểu gì về cỗ máy vật chất là con người bạn, chưa nói đến tâm hồn K. và con bạn nữa. Sao bạn luận thế sự nhiều thế, trong lúc chưa biết cội gốc nguyên nhân. Đã bao giờ bạn ngẫm câu hỏi rất cũ: Tại sao đời sống vật chất càng nâng cao bệnh tật càng bùng phát và nhiều thêm những bệnh nan y? Có biết vì sao bệnh viện mọc lên ngày một nhiều (?), bạn lại tung hô thái quá sự tụt hậu đó trong tiến trình phát triển của loài người. Có thể bạn đã trang bị cho mình nền tảng thông qua giá sách triết học, nhưng mình nghĩ chắc bạn còn mù mờ về *triết lý nhân sinh*. Con người được cấu thành bởi hai phần vật chất và tinh thần; mới chiếu theo khoa học lượng tử thôi, đã thấy phần tinh thần chiếm quá nửa, còn hiểu theo khoa học huyền bí đôi khi phần tinh thần chiếm trọn, thế nên rất nhiều tín đồ Phật giáo tiêu bệnh nan y mà không dùng đến thuốc. Mình lại tự hỏi: Với trách nhiệm của một người cầm bút trước vấn nạn xã hội, *Bạn hiểu gì về Ung Thư?* Căn bệnh *bị hiểu sai lệch* là cửa tử, là án chung đang từng ngày bóp nghẹt tuổi xuân của K.? Bạn xoa tay truyền rộng thông tin rồi đây người dân sẽ đại trà được máy siêu phát hiện ung thư rà soát. Bởi bạn chưa thực hiểu về ung thư, và một khi không chữa gốc mà chữa ngọn sẽ sinh ra vô vàn cành lá. Những nghiên cứu mới nhất cho thấy hầu hết mỗi người trong đời đều từng xuất hiện tế bào ung thư, nhưng nó phát triển hay không trọng yếu phụ thuộc vào ăn uống. Hôm nay bạn không có tế bào ung thư, ngày mai phát hiện có là sự thường, và những tế bào không được mã hóa này sẽ không phát thành u nếu bạn ăn thuần chay hay ít nhất bỏ ra ngoài sự ấu trĩ về đạm từ thịt, trứng và đường sữa. Chỉ những người nội lực thâm hậu mới không hề lo lắng nếu mắc bệnh nan y. Tế bào ung thư có trong K. là điều bình thường; bởi không hiểu nó bình thường, người đời sẽ nhầm lẫn với một khối u/ung, rồi âu sầu chạm phải cái chết. Chính sự lo ấy là nhiên liệu để tế bào xấu phát triển thành khối u theo quy luật cảm xúc "tâm sở hiện" đã được minh tường trong những báo cáo khoa học thời nay.

Mình đang nghĩ đến K. như nghĩ đến những bệnh nhân khác từng ngày nuôi lớn tế bào ung thư bằng nguồn thức ăn *bẩn*. Bạn đừng đổ lỗi cho môi trường như trong tùy bút "Bờ sông vắng rác" đăng báo vừa qua. Bạn có biết loại thức ăn nào là *bẩn*, chứa mầm bệnh nan y và loại thức ăn nào sạch chẳng những thanh tẩy thể xác đến sự phát tuệ? Thức ăn vốn quyết định vận mạng con người. Thức ăn thuần khiết xét ở hai mặt vật chất và đạo đức trong mối tương quan sinh tồn của muôn loài sẽ khiến Trí sáng và sắc lẹm. Các nhà dinh dưỡng Âu Mỹ hàng đầu cũng đeo kính màu bởi họ sai ngay từ gốc, nên bất cứ những gì thêm bớt về sau càng khiến cho vấn đề thêm tối tệ. Bạn lại tin họ, tin đám đông và tin quảng cáo. Mình cũng từng bị các nhà sản xuất nhuộm náo từ lúc biết xem truyền hình và phủ mặt một lớp mây xám. Ngay đây, mình muốn bỏ trang viết lao tới lời K. khỏi cái ngôi nhà cao sang ấy. Hãy nghĩ về tương lai những đứa con của bạn (?) với *ai-phôn ai-pát* nổi mạng ngày đêm. Bạn có biết, sự nhiễm độc tâm hồn từ thông tin xấu và sóng sẽ khiến chúng dễ mắc bệnh hiểm nghèo. Nếu miệng bạn chọn lựa thức ăn tốt thì mắt tai cũng có quyền như vậy; còn hơn thế bởi phần tinh thần chiếm quá nửa để tạo nên một *chỉnh thể người* và chiếm quá nửa sự gây ra bệnh. Nguồn dữ liệu *bẩn* nhập qua tai mắt sẽ tạo nên Trường Sóng làm nhiễm ô trầm trọng bầu trời xanh; và chiếu theo nguyên lý *Hiệu ứng cánh bướm* và *nghiệp ý* trong kinh Phật, nó góp phần tạo nên những thiên tai mà trước hết nó dội về ngay chính người gieo rắc. Nhớ năm ngoái mình chuyển đến bạn: "Niềm ân huệ của bệnh nan y", "Thấy bệnh và thấy tánh", "Vi rút sóng tâm chiêu cảm nghiệp", "Trường sinh và giải thoát"; bởi mình luôn nghĩ về K. đang tuyệt vọng; với khôn nguôi hy vọng K. tiếp xúc với những khám phá về cách tự lành những căn bệnh xuyên thế kỷ nhờ nguồn thực phẩm xanh. Như ông tổ của ngành Y học phương Tây Hippocrates từng nêu chân lý: "Thức ăn là thuốc của bạn". Rồi hôm kia mình gửi *link* bộ phim khoa học (xứng đáng Nobel) *Nĩa thay vì DAO*, nhưng bạn phẩy đi. Bạn vẫn tiếp tục nạp thêm hóa chất vào thân hình mong manh của K., tiếp tục cho K. uống sữa và bồi bổ bằng thức ăn đắt tiền. Mấy năm trước, bệnh viện danh tiếng Johns Hopkins chuyên về bệnh ung thư đã công bố gây chấn động: thức ăn chính của ung thư là đường, sữa, thịt đỏ và thịt động vật nói chung. Văn bản này may thay có sẵn trên Google để bất cứ ai cũng dễ tiếp cận, còn K. thì không! Giá K. có vài ngày nghiên cứu Thực Dưỡng thôi, sẽ tự chữa ung thư không tốn xu nào; K. dùng số tiền dư đó hành thiện, chẳng phải là một sự kiện vĩ đại trong đời? Hàng ngày bạn đang cố thúc lớn con ung thư trong người K.; bạn đánh tế bào ung thư nhưng cung cấp tuyệt đối thức ăn cho chúng, ngược lại còn tự làm suy kiệt K. bằng hóa chất; trong lúc khoa học hiện đại đã đưa ra nguyên lý mới phải "bỏ đói tế bào ung thư". Còn dùng đường, sữa và thịt động vật, việc chữa lành ung thư là rất ảo tưởng. *Đường - hiểm họa của*

nhân loại, hàng trăm năm trước ngành Thực Dưỡng đã cảnh báo, và hàng nghìn triệu năm trước tổ tiên chúng ta ít bệnh nhờ không có đường. Còn sữa? Ngay đến một loại sữa hàng đầu được WTO chứng nhận, được các bác sĩ khuyên bệnh nhân uống, cũng là sự tổng hợp của nhiều loại hóa chất kể cả thuốc trừ sâu; và dĩ nhiên, cũng như nhiều loại nước ngọt khác, luôn có chất gây nghiện để móc túi chúng ta một cách thông minh. Bạn có muốn biết về những con bò luôn bị tiêm thuốc thụ tinh nhân tạo (để tạo sữa) và nhiều loại thuốc độc hại khác để bảo đảm bầu sữa bụ; bê con sinh ra chưa hề nhận giọt sữa nào đã bị vút vào lò mổ, còn mẹ nó phải đứng suốt ngày cung cấp sữa cho K. và con bạn uống? Hãy tưởng đến K. thay vì đủ sữa cho con bú, nay bầu sữa phình gấp chục lần, thì đó chẳng phải là một loại nước quái đản sao? Một ngày mấy chục lít từ bò mẹ, là một dạng nước nhờn nhọt trộn máu mủ cùng độ dư của tân dược và với độc tố được tiết ra từ chính sự *điên* của con bò luôn phải đứng và bị hành hạ, sau nốt là quá trình khử trùng (bằng hóa chất), và cũng chỉ hóa chất để khóa lấp các dinh dưỡng tự nhiên của sữa, rồi bịp bạn bằng sự nhảy múa vui tươi của đàn bò sạch sẽ trên những thảo nguyên xanh mướt. Cơ thể người là một bộ máy điều hòa hoàn hảo, một khi đưa sữa hoặc đường (hoặc thịt) vào, nó phải huy động kháng thể điều tiết, với sữa thì tiết can-xi trong xương ra, gây loãng xương. Những nước dùng đường sữa đứng đầu thế giới người dân luôn mắc bệnh loãng xương nhiều nhất thế giới và kéo theo nhiều bệnh cấp thời khác; các nước dùng sữa xếp sau danh sách bệnh luôn tỉ thuận - là những kết quả khoa học không chối cãi, nhưng bạn vẫn không chịu nhìn nhận giúp K. vượt bể khổ.

Bạn nghĩ người ta tinh luyện mười củ sâm thành một viên thuốc, thì viên thuốc ấy tốt hơn củ sâm? Con người bạn vắng bật xúc cảm? Gạo lứt tốt vậy nên các nhà dinh dưỡng sẽ tinh chất để chữa lành ung thư như hàng ngàn người đã ngổn nhai gạo lứt với muối mè để hạ một lúc rất nhiều bệnh? Bạn không hiểu nguyên lý của cơ thể trong sự tương tác với thiên nhiên, thậm chí là với ánh nắng với không khí và hư không huyền bí nữa. Bạn thử cho K. ăn theo một chế độ tiến bộ nhất của phương Tây, rồi nhốt K. trong căn phòng không ánh sáng không mặt trời trắng sao, chuyện gì sẽ xảy ra? Tại sao cũng một miếng gạo lứt với muối mè nếu K. không nhai ra nước mới nuốt thì chẳng có hiệu quả chữa bệnh ngoài sự bổ dưỡng? Bạn có thể không theo Thực Dưỡng để chữa bệnh, rằng *khó*, như bao người khác, điều này dễ hiểu và rất đời thường, nhưng bạn không thể tự rào đường đến Chân Lý. Hay bạn sợ Chân Lý sẽ đánh sập sự Sai Lầm bạn sở hữu như một thứ trang sức thượng lưu?!

Mình luôn thán phục Tây y, mình luôn cúi đầu tri ân mọi bác sĩ, y tá và điều dưỡng bởi mình không tuyệt đường đến bệnh viện; người thân của mình và rất nhiều người cần bệnh viện và đã được bệnh viện cứu. Nhưng với K., bệnh viện hứa sống được bao lâu? Trong lúc bạn

có tính hết số người lành bệnh nan y đơn giản nhờ ăn uống? Mình đang đưa đến K. những nghiên cứu thuyết phục nhất của Y học hiện đại; thật ngạc nhiên, nó tương hợp kỳ lạ với ngành Thực Dưỡng của tổ tiên chúng ta, vậy thôi. Hẳn bạn không tin mình cũng từng lâm bệnh hiểm, và đã lạng lẽ ăn cơm lứt (trong một thời gian ngắn) để lành. Cuộc đời không hề có ngõ cụt, và đó chính là nguyên nhân thôi thúc mình đưa phương pháp này đến với K. để dựng dậy sức sống. Nhưng bạn xem những gì mình viết là xoàng, những thứ mình giới thiệu là cổ hủ, là phương pháp lang băm không chút minh triết. Một thí nghiệm khoa học của BBC cho thấy, A-lai-da (tâm thức) xử lý và hoàn thành một quyết định rồi phát lên não bộ con người sáu giây, nghĩa là qua mấy thí nghiệm người ta biết bạn sẽ nhấn cái nút màu xanh hay đỏ trước sáu giây; quá rõ Tâm mới là nguồn phát lên não rồi não mới sai khiến thân thực thi. Để muốn nói, lá thư này gửi tới bạn không có lấy nửa chữ của mình; đây chỉ là việc Tâm mình xử lý nguồn dữ liệu đáng tin nhất thế gian theo một sự thôi thúc của nghiệp dĩ. Nhưng mình vẫn phải ký tên phía dưới, không dám cầu lời khen mà để chịu trách nhiệm nếu lỡ bị ném đá thôi. Bạn chưa hiểu về Sóng Tâm nên thần nhiên truyền rộng rãi K. mắc ung thư. Các nhà lượng tử giải thích, nếu *Tâm* không đủ *Lực*, thêm một người phát ý niệm "K. hết chữa rồi, K. tận số rồi", là K. ôm thêm một mối lo. Nỗi lo dễ dàng hạ gục người khỏe mạnh chỉ sau một đêm. Lại hỏi bạn *Ung Thư sợ gì?* Bằng chứng khoa học hiển nhiên: Nó sợ nhất chữ *Ái*. Là yêu thương, hòa ái, không giận hờn, không ích kỷ tự lợi và luôn hướng về tha nhân phụng sự; *Ái* là lòng từ tràn ra muôn loài. Với chữ *Ái* này thôi đã đủ khiến những tế bào xấu nhất dần dà *chuyển hóa* trở lại thành tế bào tốt. Mình đọc được chữ *Ái* trong K. ngày ấy khi K. bảo mình tha cho con ve tội nghiệp. Mình đọc được chữ *Ái* trong K. vào một chiều ở cửa Tư Hiền K. chấp tay cảm ơn hoàng hôn đang dần xuống và mặt biển chói lóa sắc đỏ... Mình bỗng nhớ *Thông điệp từ Nước*. Rằng nước hiểu ý nghĩ mọi người, hiểu mọi ngôn ngữ và chữ *Ái* luôn cho ra kết tinh đẹp nhất như một bông tuyết lỏng lảnh. Ngành vật lý tiên phong hướng ánh nhìn ra vũ trụ khẳng định mỗi cá nhân đều đang nối mạng với vũ trụ bằng sóng tâm, sóng tư tưởng. Thế giới này sẽ không thể trở lại được thời Phục Hưng khổng lồ với những nghệ sĩ khổng lồ. Bởi thời đại ấy, sao nhĩ: không có tivi và internet. Tia sáng (laser) có thể xuyên sắt thép (?), bởi nó hội tụ. Tâm bạn muốn hướng về mục đích viết một tiểu thuyết đỉnh, thì bạn phải học nhà văn Marcel Proust tuyệt dứt với thế giới bên ngoài để tìm lại những thời gian đã mất. Bây giờ với dụng cụ nối mạng trên tay bạn chuyển kênh liên tục như một cái tủ đông mười phút lại bị ngắt điện khiến đá không thể đông. Năng lượng tâm loãng với đủ nguồn tin khiến tác phẩm luôn thiếu chiều sâu và vắng hoàn toàn chân lý tối thượng. Những thứ bạn viết dẫu văn nuốt nà rốt cục cũng bị cơn lốc của thông tin cuốn phăng, đoạn

thọ. Thử hỏi, sao kinh điển Phật giáo sau gần ba ngàn năm vẫn lấp lánh và càng chói sáng khi khoa học soi vào. Các nhà lượng tử tính từ Albert Einstein và Niels Bohr cho đến nay với những phát đột phá về thời không đều “cũ”, bởi nhà khoa học Đức Phật đã thuyết từ xa xưa rồi. Sóng hấp dẫn cách trái đất hàng tỉ năm ánh sáng nhưng ai đã tin Sóng Tâm phủ trùm vũ trụ ngay trong một sát-na. Sự liên mạng tư tưởng này khiến mình hể phát xuất ý nghĩ xấu là góp phần nhiễm ô từ trường trái đất, chưa bàn đến chuyện hàng giờ ai đó đưa lên Facebook toàn những thứ khiến người người sân giận, tị hiềm và bế tắc trong sự thỏa thuê bản Ngã. Xét ở mức độ nghiêm xác nhất của lượng tử lực học đối với sự tồn vong của địa cầu, mình nghiện game, nghiện lướt web mức nguy hại còn hơn cả nghiện ma túy. Một cơn giận nhẹ thôi, đã khiến cơ thể tiết ra lượng độc tố phải mất từ tám tiếng đến ba ngày mới tiêu hết. Nhờ đâu? Là cơ thể rút nguồn năng lượng quý báu ra để điều hòa. Bạn đã biết chuyện một người vợ cho con bú lúc sân nộ với chồng, để rồi đứa con ấy chết. Do cơn giận tiết độc và đứa con uống độc từ dòng sữa mẹ. Oan không? Những con vật bị giết, hận thù dâng lên đôi mắt rần máu, nghĩa là độc tố tăng muôn lần so với cơn giận khiến đứa trẻ trên phải chết. Con người cũng là động vật; loài động vật thông minh nhất hành tinh. Thực tế chưa hẳn. Nếu *thông minh*, thay vì xây bệnh viện cho con người, trước hết con người phải xây bệnh viện cho loài vật. Những con vật phải được ăn sạch uống sạch, phải được khám thường xuyên để xem có bị tiểu đường, tim mạch, có bị nhiễm dịch và đặc biệt có ung thư hay không rồi bạn và K. và con hãy dùng thịt chúng. Ngay cả khi con vật được chăm sóc như trên để cho ra loại thịt sạch (như cách các đại gia sản xuất *rau sạch* cho riêng họ, thì nguồn thức ăn từ động vật nói chung theo những thống kê công phu kéo từ lịch sử thế chiến đến thời nay đều kết luận chứa mầm bệnh quá nguy hiểm, bởi nó tạo nên môi trường a-xít trong cơ thể cho tế bào “ác” sinh sôi. Hơn 80 năm trước nhà bác học Otto Heinrich Warburg đã dày công nghiên cứu về ung thư và nhận giải Nobel Y học khi đưa ra chân lý: “Ung thư không thể sống nổi trong môi trường *kiềm* và giàu ô-xi nhưng lại thăng hoa và phát triển như nấm trong môi trường *a-xít* và ít ô-xi”.

Bạn còn hạnh phúc khi những đứa con xa dần vòng tay của mẹ? Bạn còn hạnh phúc khi hình dáng của K. với cái đầu trọc vì hóa chất và khuôn mặt xanh tốt? Bạn vẫn nghĩ nguồn vật chất ủa về để có một cuộc sống cao sang nhưng duyên nghĩa vợ chồng đang mong manh dần, là hạnh phúc? Bạn từng nghĩ K. ngồi trong bữa tiệc đủ món sẽ hạnh phúc hơn mình ăn rau luộc chấm tương? Bạn đang biến K. thành một con ve sầu, khản kêu vô vọng! Hẳn bạn sẽ chờ ra khi biết ở Mỹ mức lợi nhuận từ vũ khí không nhằm nhò gì so với Thuốc Tây. *Nhà văn minh* lớn Hoa Kỳ, người dân tin tưởng số một Viện Dinh dưỡng, nhưng họ không ngờ phía sau những cơ quan đáng kính ấy là các tập đoàn lợi nhuận khổng lồ như bóng ma hắc

ám phủ bóng khắp địa cầu; để rồi hầu hết người dân bị thừa cân, và từ đó mang đủ thứ bệnh hiểm như ung thư, tim mạch, huyết áp, đột quỵ, tiểu đường, loãng xương. Trẻ em châu Phi thiếu đói đến chết, là một nỗi đau vang khắp địa cầu; còn xu hướng những nước được cho văn minh đang phát bệnh bởi thừa mứa cá thịt trong mọi bữa ăn - đó là tội lỗi. Chớ phũ phàng với chân lý, với chính mình và nhất là với căn bệnh của K. Việc lựa chọn thức ăn chính là đẳng cấp sống của con người. Thức ăn thuần khiết từ thảo mộc sẽ dựng lập hòa bình thế giới. Điều này không phải mình nói mà từ thiện khẩu của những bậc thức giả lỗi lạc nhất hành tinh. Bạn sẽ không thể so sánh nỗi niềm hạnh phúc của một người chay tịnh hân hoan thức dậy lúc mờ sương với một người ăn uống nặng nề lúc nào cũng uể oải sau giấc ngủ chìm trong mê loạn và bất an bởi cái bóng nghiệp thức luôn ẩn sau gáy.

Mình từng đọc được trong mắt K. sự nhiệm màu, nhưng nó đang mờ dần bởi lòng ghen tị và ganh tị của bạn, bởi sự tôn sùng nền văn minh kỹ trị lại quá xem thường sức mạnh tinh thần vi diệu trong K. Bạn có biết trong quá khứ K. bao dung mạnh mẽ nhường nào không? Còn nay K. đang héo dần với sự bất lực của cỗ máy Y học công kênh không chịu tiếp thu những nguyên lý tồn tại trăm nghìn năm vững chãi. Phương pháp trị ung thư mới nhất của những bệnh viện hàng đầu ở nước Mỹ là không phải chữa gì cả ngoài việc ăn uống đúng, đã gần như trùng khít với Thực Dưỡng Ohsawa hơn nửa thế kỷ trước. Nếu là người chồng mạnh mẽ, K. nhìn một ngày để bỏ đói con ung thư thì bạn cũng vậy, K. ăn gạo lứt muối mè một trăm ngày thì bạn cũng vui vẻ song hành để vớt lại mạng sống cho K., mới đúng là bờ vai K. cần nương tựa. Vì sao? Bởi K. xứng đáng hơn thế rất nhiều.

Chuông đang nguyện hồn bạn đấy. Bạn sẽ nghĩ mình bỗng dưng đến quây bạn, cái thằng này đang đứng ra gây hấn với bạn? Ừ. Bạn có thể xóa tên mình khỏi danh sách nhân loại. Tùy thôi. Mình sẽ sống với cỏ cây hoa lá, sống với động vật hoang dã. Nhưng bạn nên nhớ, không bàn đến K., chỉ riêng bạn thôi mãi là một hình bóng rất linh thiêng trong cõi mình, dấu cho một ngày K. nhận ra khuôn mặt thật của bạn và khước từ chung sống với bạn để trở về miền xa xăm chẳng nữa. ■





Buồng cau

trong lễ cưới người Khmer

THẠCH BA XUYỀN

Sóc Trăng và Trà Vinh là hai tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống.

Nét văn hóa của họ có rất những biểu hiện đặc sắc, thú vị. Cũng như nhiều dân tộc khác, đám cưới là nghi thức quan trọng bậc nhất trong cuộc đời con người. Việc mong muốn sự thủy chung, bền chặt để xây dựng gia đình yên ấm là điều mà nhiều người ước mơ, chung tay xây đắp. Nếu như đối với người Việt, miếng trầu là đầu câu chuyện; và chuyện cưới xin càng không thể thiếu trầu, cau, vì:

*Trầu này trầu nghĩa trầu tình
Trầu loan, trầu phượng cho mình xứng đôi.*

(ca dao)

Thì đối với người Khmer, buồng cau cũng có ý nghĩa đặc biệt.

Khảo sát từ thực tế cuộc sống của bà con ở miệt này, chúng tôi nhận thấy, trong nghi lễ cưới, người Khmer có ba lần tiến hành chính với hoa cau.

Lần thứ nhất, tiến hành ở nhà trai. Cắt hoa cau từ cây xuống. Lễ này gọi là *Beân Ph'cas s'la* (cắt hoa cau

từ cây xuống). Nghi lễ này được tổ chức trang trọng. Trước hết phải chọn một cây cau lùn mập có hoa còn trong bẹ, địa điểm làm lễ là nơi bằng phẳng ngay dưới gốc cây cau, người ta trải sẵn một chiếc chiếu lớn trên đó để các lễ vật: nhang, đèn, một cái mâm đựng buồng hoa cau trong đó có sợi chỉ hồng. Ngoài ra, còn có mâm cơm canh, rượu, con gà luộc và bánh trái.

Đúng giờ quy định, ông Môha (người hiểu biết phong tục và các nghi lễ cưới) đưa chú rể ra ngồi trước chiếu lễ thấp nhang đèn và hướng dẫn chú rể quỳ lạy và ông Môha khấn vái:

Prôlup ph'cai preat / Atreat ph'cai chum / Mêba tuôch thôm / Ph'chum cắt ph'ca s'la / Mean tăng lôk Pelea / Mean tăng lôk Môha / Ph'chum cắt ph'ca s'la / Reap-ca mônkôl¹.

(Đầu hôm sao thưa / Đêm khuya đầy sao / Hai họ đông đủ / Cùng cắt buồng hoa cau / Có ông Pelea / Lại có ông Môha / Cùng cắt buồng hoa cau / Làm lễ thành hôn).

Sau đó ông Môha lấy chỉ buộc vào cây cau nhờ một người thanh niên còn độc thân trèo lên cắt bằng một loại dao riêng biệt, để nó có hình vòng cung như sừng trâu, buồng hoa cau đưa xuống gần mặt đất thì chú rể đem mâm ra hứng lấy rồi trao lại cho ông Môha đọc thần chú và buộc chỉ đỏ vào buồng hoa cau. Buồng hoa cau này gọi là Ph'ca s'la.

Truyện thuyết kể rằng:

Xưa, có một thanh niên thông minh tài trí, tên Vithu Banh-đêk. Vua Thủy Tề nghe danh nên bằng mọi cách mời chàng xuống thủy cung. Không được như ý, Thủy vương thông báo rằng ai bắt được Vithu Banh-đêk sẽ được trọng thưởng.

Biết tin này, Chằn tinh Banh Đok-Yak lập kế bắt được Vithu Banh-đêk. Chằn còn bày mưu buộc Vithu Banh-đêk trong bảy ngày phải tìm được hoa nở trong buồng để làm sinh lễ.

Sáu ngày trôi qua, loài hoa lạ ấy vẫn chưa tìm được, Vithu Banh-đêk buồn chán ngồi tựa gốc cây cau thiếp đi. Trong cơn mơ, chàng nghe giọng thần mách bảo: *Hoa nở trong buồng chính là hoa của loài cây mà người ngà lưng.*

Tỉnh dậy, chàng vội leo lên cây cau cắt buồng hoa xuống dâng nhà gái làm sinh lễ.

Dân gian lại lý giải bằng câu chuyện ba nhánh hoa cau trong ngày cưới. Có thể tóm tắt ngắn gọn như sau: Có bốn người tài giỏi theo thầy học đạo. Lúc trở về, người có tài tiên tri đoán có công chúa gặp nạn; người thiện xạ giương cung bắn rơi chim đại bàng cứu công chúa; người giỏi bơi lội vượt biển khơi dìu nàng vào bờ; và người giỏi nghề thuốc cứu công chúa sống lại. Vua gả công chúa cho người giỏi bơi lội. Công chúa giao hẹn với chồng phải có ba bó hoa cau trong ngày cưới tặng ba người tài giỏi kia để đền ơn cứu mạng. Câu chuyện này đã phần nào lý giải mối quan hệ giữa văn học dân gian với cuộc sống.

Trở lại với nghi thức cưới xin của người Khmer. Sau khi một số nghi lễ khác được thực hiện xong, đoàn

người nhà trai đưa chú rể sang nhà gái. Tại đây, lại có thêm nghi lễ *Pithi cắt ph'ca s'la - lễ cắt buồng hoa cau* - lần thứ hai nghi lễ liên quan đến hoa cau.

Ở nghi thức này người ta chọn ba cô gái còn trong trắng xé buồng hoa cau và xếp từng cánh hoa lại rồi cột thành ba bó hoa.

a. Bó Ph'ca s'la chbon (hoa cau trưởng), thể hiện cho tấm lòng biết ơn cha. Người ta chọn 21 cánh hoa tốt nhất, lấy 21 lá trầu cuốn vào mỗi cánh hoa, rồi cuộn lại bằng sợi tơ hồng tất cả được chưng trong bình hoa, chung quanh có cắm thêm 21 quả cau xanh.

b. Bó Ph'ca s'la kanh đal (hoa cau thứ), thể hiện cho tấm lòng biết ơn mẹ. Người ta chọn 12 cánh hoa và lấy 12 lá trầu cuốn vào mỗi cánh hoa, rồi cuộn lại bằng sợi tơ hồng tất cả được chưng trong bình hoa, chung quanh cắm thêm 12 quả cau xanh.

c. Bó Ph'ca s'la pou (hoa cau út), thể hiện cho tấm lòng biết ơn người anh. Người ta chọn 6 cánh hoa và 6 lá trầu và 6 quả cau xanh cũng làm tương tự như trên.

Để tạo bầu không khí vui tươi, trong khi cuộn hoa cau, dàn nhạc tấu khúc "sam pôn". Buổi lễ kết thúc mọi người ở lại ăn uống vui vẻ.

Lần thứ ba, sau khi nhà gái đưa dâu sang nhà trai, cô dâu và chú rể thực hiện nghi lễ cột tay, theo sự hướng dẫn của ông Môha. Sau đó, chú rể làm lễ *Pithi Bach ph'ca s'la* (Rắc hoa cau).

Chú rể lạy ba bó hoa cau, lạy xong, đem bó Ph'ca s'la chbon lên tặng cha; người cha tiếp nhận rồi đem đặt lên trên bàn thờ với mục đích để ba ngày sau lễ cưới, chú rể cùng cô dâu đi chùa. Còn bó Ph'ca s'la kanh đal và bó Ph'ca s'la pou được phân phát cho bà con họ hàng để họ rắc lên người cô dâu chú rể và cả lối đi vào phòng tân hôn cầu chúc tình nghĩa vợ chồng nồng thắm mãi.

Bài hát trong nghi lễ Bach ph'ca s'la như sau:

Dôp danh ph'cai ras / Chênh môk sampas / Tonh-tưm chea ku / Ôi bach ph'ca s'la / Ruôch hơi kôm du / Đơ chôn tăng ku / Banh-tôp reap ca¹.

Nghĩa là:

(Đêm khuya đầy sao / Hãy đến đây lạy / Cùng ngồi chung đôi / Cho rắc hoa cau / Xong rồi xin hãy mau mắn / Hai người cùng bước / Vào phòng tân hôn).

Còn một số nghi thức khác nữa lễ cưới mới chính thức khép lại. Ba ngày sau lễ cưới, cha mẹ vợ đưa hai vợ chồng mới đem bó hoa cau Ph'ca s'la chbon và cơm nước, bánh trái đi chùa lễ Phật và dâng lên vị sư "Op-ba-cha" để tỏ lòng biết ơn thầy đã dạy dỗ và tế độ người chồng trong suốt thời gian tu hành tại chùa. ■

Chú thích:

1. Những câu hát trong bài viết này chúng tôi ghi lại từ ông Kim Cho - vị Mô ha ở Kế Sách - Sóc Trăng.

Tháng Tư đạo vàng

NGUYỄN THỌ

“Bầy đóa sen hồng nâng gót tịnh”
Lung linh trên sóng nước Hương giang
Tháng Tư đạo vàng lên đỉnh Ngự
Thông reo vang vọng, ngõ cung đàn

Từ Đàm vui đón Phật đàn sanh
Tổ đình quy ngưỡng đáng Cha lành
Bồ-đề tỏa bóng, hoài đàm nhánh
Xao xuyên lòng ai dưới đêm rằm

Thầy lần chuỗi hạt từ bi quán
Nhớ ngày an trú mái nhà lam
Trang kinh đây gió, thơm mùi giấy
Có tiếng chim kêu chọt rộn ràng

Lễ đài chẳng nơi nào có được
Mỗi mùa mỗi khác, nguyện cúng dường
Rước Phật muôn người nô nức bước
Kính thành màu nhiệm phóng sanh đăng...

Tán ca thành đạo

TRƯỜNG KHÁNH

Khúc Thành Đạo trời âm,
Lan truyền khắp nhân thiên,
Hòa chung niềm Pháp lạc,
Sáng tình thương muôn miền.

Đạo châu viên bồng nở,
Hoa giác ngộ đưa hương,
Hào quang soi muôn lối,
Trí bát-nhã khai đường.

Thành đạo khúc âm từ,
Lưu dư hương giải thoát,
Dấu Niết bàn an lạc,
Ngập tràn cõi thái hư.

Bóng nhân từ phủ mát,
Dào dạt ánh quang minh,
Khắp cảnh giới hữu tình,
Chúng sanh hằng kính ngưỡng.

Thế Tôn - ân vô lượng,
Ban khắp cõi Trời, Người
Đạo Vàng sáng muôn nơi,
Cứu vớt đời bớt khổ.

Đạo Giác ngộ bừng khai,
Tỏa sáng dẫn muôn loài,
Trở về con đường giác,
Là bản hoài Như lai.

Ân Ngài cung kính lễ,
Nguyện theo bóng từ bi,
Thê phát nguyện quy y,
Nương Đạo Vàng từ thị.

Mùa sen cũ

NGUYỄN THỊ BÌNH

Gửi anh lính biển

NGUYỄN DŨNG

Gửi anh những ánh sao đêm
Sáng soi con sóng êm đêm bình yên
Gửi anh tiếng hát vành khuyen
Lời yêu thỏ thẻ đoàn viên em chờ
Gửi anh loạn tóc mai thề
Hương hoa em ướp ngày về trao anh
Gửi anh những lá thư xanh
Mắt nghiêng vành nón long lanh ngày nào
Gửi anh trọn trái tim đào
Ấm nồng thắm giữ chiến hào biển khơi
Gửi anh bao nụ duyên cười
Theo anh ra trận biển trời Việt Nam

Gửi lại mùa sen năm cũ
Thương thương nhớ nhớ mơ hồ
Vật nắn chiều xưa đi vắng
Lá rơi như thả muộng phiền
Gửi lại chút hương thâm lặng
Trắng xưa vừa khuất bên trời
Đành thôi khép mùa vui cũ
Đường về khoảng lặng chơi vơi
Gửi lại dòng sông chiều ấy
Mênh mang tím mắt lục bình
Mật mờ dáng xưa xa lắm
Đôi bờ vời vọi niềm thương...

Thêm ngày mới

TK.VY TIẾU

Lại thêm một ngày mới về,
Mượt mà sợi nắng vân về,
Sưởi ấm cho đời lộc mới,
Vội bao hương sắc tràn trề

Sao nghe niềm vui òa vỡ,
Giữa sớm mai hồng tinh khôi,
Trong vườn hoa tình thương nở,
Đẹp với nụ cười mặn môi.

Đất trời đầu ngày dịu thơm,
Chồi non lộc mới xanh dòn,
Nón tươi tâm hồn đồng điệu,
Muôn hoa khoe sắc đẹp hơn.

Vương vương ngày mới tịnh lành,
Giọt sương hiện hữu tinh anh,
Long lanh khoe màu, hương tỏa,
Bình minh ru nắng ngàn xanh.

Mát lành, đầu ngày giọt nắng,
Nghe trong thâm lặng từ hương,
Chuông sớm ngân ru quảng vắng,
Lặng trôi giữa cõi vô thường.

Xin chào ngày mới ngọt mềm,
Bình minh sương trải triền êm,
Tiếng cầu kinh ngân chùa núi,
Thêm một ngày mới không quên.



Ngõ ông leo núi

BÙI QUANG DŨNG

Tôi phải viết về một điều gì đó sáng sủa hơn những thứ tôi thấy mỗi ngày. Nhưng cảm giác mệt mỏi ăn mòn từng ý nghĩ, choán lấy tôi bằng những khoảng trắng vô hồn. Đầu óc tôi như cánh đồng hạn hán nên chẳng

thể gieo mầm tốt tươi dù tôi có nghĩ về màu xanh cả trăm lần. Thế nên rất nhiều ngày tôi không làm gì ngoài việc ngồi ngoài mảnh sân nhỏ nghĩ ngợi vẩn vơ. Ở đó tôi chờ đợi được nhìn thấy cụ già lên núi lúc sáng sớm và chờ cụ xuống núi lúc trời chiều. Khi đi



hình như cụ không mang theo gì, lúc về cũng không thấy vai mang vác.

Tôi bỗng nhiên nhớ tới vợ mình, ngày nào cô ấy cũng đi từ mờ sớm và trở về khi tối muộn. Cũng chẳng mang theo gì ngoài lớp phấn son trên mặt. Con tôi bảo nhìn mẹ như xác chết di động. Tôi thì nghĩ cô ấy không đơn giản như những gì cô ấy thể hiện ra ngoài. Hình như cô ấy đang ẩn giấu điều gì đó qua mỗi ngày tương như vô vị ấy. Tôi đã từng đi tìm câu trả lời. Tìm lâu thật lâu nhưng cuối cùng mọi thứ đều không đúng. Ông lão vẫn leo núi và mỗi ngày vợ tôi vẫn rời nhà đi vào sáng sớm...

Phố núi như nhốt cả thành phố hiện đại, tươi đẹp trong cấm cung. Làm nhà nơi này chọn hướng nào cũng vậy thôi, núi và núi, xanh ngằn ngặt một màu. Hồi mới đến đây vợ tôi chọn căn nhà hướng về ngọn núi cao nhất, chót vót như một cái gai khổng lồ lều nghêu chọc rách màn trời. Tôi cứ nghĩ chắc vì ở hướng này cô ấy có thể nhìn thấy đàn chim bay về ngọn núi mỗi chiều. Nhưng cảnh tượng sum vầy đó không giữ chân cô ấy được lâu. Ngay cả những người tha thiết bình yên nhất cũng không chịu đựng được khi sống ở nơi này quá lâu.

Đứa con trai mười sáu tuổi của tôi hay nói xa xôi về một chuyến thiên di nào đó. Chỉ cần chưa đầy nửa tiếng, khi cả người và xe trôi trên con dốc thoải thoải ấy là phố núi đã ở phía sau. Ấy vậy mà những người muốn đi chẳng hiểu sao vẫn không nhấc nổi chân. Như là nợ nần. Như là giằng níu. Mà kể có đi được thì cũng sẽ lảo lồi quay về như vợ tôi mỗi ngày. Tôi không biết cô ấy đã đi đâu và làm gì. Cũng không hiểu vì sao cô ấy không đi luôn nếu như đó đúng là điều cô ấy ấy muốn. Tôi chỉ là một thằng đàn ông cả đời thất bại. Chẳng có lý do gì để níu chân cô ấy lâu hơn. Mỗi lần ý nghĩ ấy thoáng qua trong đầu là hình như con trai tôi đều nắm bắt được. Nó cười mỉm, khóe môi hơi xệ xuống không rõ khinh miệt hay thương cảm.

Tôi từng có thời gian dài làm việc trong nghiên cứu. Công việc bận rộn cùng với những tham vọng lớn cứ mãi miết cuốn tôi đi. Nên ngoài bốn mươi tuổi tôi mới nghĩ đến chuyện xây dựng gia đình. Vợ tôi là một cô gái năng động, trẻ đẹp lại thông minh nhưng đã chấp nhận lấy một người chồng già có lẽ cũng vì mong yên ổn. Tôi hẳn nhiên đã yêu thương cô ấy như một gã trai trẻ còn bồng bột. Khi hoảng hốt thấy mình mỗi ngày mỗi già đi thì lại càng yêu cuồng cuồng, vội vã. Cái gì quá cũng thành liều thuốc độc, tôi đã giết chết mình bằng thứ ghen tuông mù quáng. Vợ tôi quá trẻ, không cần thiên hạ phải thêm thắt đẩy đưa thì chỉ riêng cái sự trẻ ấy cũng đủ khiến tôi điên loạn. Suốt thời gian dài tôi phải dùng đến thuốc an thần để xoa dịu những nỗi bất an cứ nhen nhóm trong lòng. Công việc ở viện nghiên cứu ngày càng gặp nhiều khó khăn. Công trình khoa học tôi dành nhiều công sức chẳng thu lại kết quả khả

quan nào. Cũng từ đó mối quan hệ với đồng nghiệp này sinh nhiều mâu thuẫn. Tôi không còn đủ tỉnh táo để tháo gỡ khỏi những nút thắt quan trọng ấy. Mọi thứ cứ tuột tay dần...

* * *

Tôi về phố núi đã gần mười năm. Rời bỏ viện nghiên cứu và những tham vọng từng ngốn hết cả phần đời tuổi trẻ của mình. Vợ tôi nghĩ nơi này đủ yên ổn để tôi tĩnh tâm chữa bệnh, giảm dần những vỏ thuốc an thần vút vương vãi trong nhà. Tôi như con hổ bị mòn móng vuốt, ngoan ngoãn nằm yên giữa chốn tĩnh lặng này.

Vợ tôi xin làm kế toán cho một công ty gỗ trong phố núi. Tôi hàng ngày vẫn đọc sách, thỉnh thoảng viết bài nghiên cứu cho báo ngành. Lúc rảnh rỗi thì chăm sóc vườn cây ăn quả, mỗi năm cũng thu hoạch được vài chục triệu. Kinh tế không phải là chuyện đáng lo, chúng tôi sống dư dả bởi nhu cầu vốn chẳng phải nhiều. Ở nơi này cũng không phải thiếu chỗ giải trí, rạp chiếu phim mở cửa đến tận khuya, sân khấu ngoài trời cuối tuần nào cũng có đoàn về diễn. Ca nhạc phòng trà hay chẳng thua gì những thành phố sầm uất khác. Lại thêm một sông bạc lớn thu hút dân chơi tứ xứ đổ về.

Phố núi đã trở thành vùng đất du lịch nhiều năm nay. Nhưng dù cả trăm nghìn lượt người tìm đến đây cũng không làm sao khuấy động được sự buồn tẻ và đơn điệu đặc quánh ở nơi này. Rất nhiều ngày vợ tôi hình như không thấy có gì đáng quan tâm hơn cánh cửa nhà hàng xóm.

Cô ấy từng tò mò hỏi:

- Anh đã bao giờ nhìn thấy ngôi nhà kia mở cửa chưa? Rõ ràng tối nào cũng thấy sáng đèn vậy mà chưa bao giờ biết họ già hay trẻ là trai hay gái.

- Anh đoán đó là một người trẻ bận rộn. Khi anh trẻ cũng thường mất hút khỏi nhà vào mờ sáng và chỉ trở về khi tối muộn. Khi ấy ngôi nhà chẳng hơn gì một cái giường để ngủ.

- Em thì nghĩ hàng xóm của chúng ta có thể đã quá già. Tuổi già thường ưa sự tĩnh lặng tuyệt đối.

- Nếu em tò mò đến vậy thì một hôm nào đó chúng mình thử gõ cửa xem sao.

- Biết đâu họ không thích. Nhiều khi chỉ một tiếng gõ cửa cũng đủ phá vỡ không gian bình yên của họ.

- Muốn biết họ có chào đón hay không thật ra chẳng còn cách nào khác cả.

Đây là tôi nghĩ vậy chứ cũng chưa dám gõ cửa nhà hàng xóm. Ở nơi đây thiếu gì những ngôi nhà cửa đóng then cài im ỉm suốt ngày. Họa hơ hơ mới nghe tiếng cười, một tiếng chào hỏi từ nhà này với sang nhà kia cũng đủ làm chộn rộn. Đa phần họ không có nhu cầu giao tiếp, sống lặng lẽ với phần đời của riêng mình.

Vợ tôi nói đôi khi cô ấy nhắm tưởng con người với những đỉnh núi bất động. Rồi biết đâu một ngày nào

đó tất cả chúng ta sẽ biến thành núi. Sự im lìm của con người hắt bóng vào sự im lìm của núi. Công việc kế toán hàng ngày ngồi một chỗ càng làm cô ấy sợ. Ngày đôi bữa cơm quây quần cùng nhau thật đầy nhưng sự rời rạc hình như vẫn hiện hữu quanh quẩn trong từng mối quan hệ.

Tôi không chắc mình còn yêu vợ, thuốc an thần đã tác động đến đầu óc tôi không ít. Mọi đam mê, nhiệt huyết trong tôi đều biến mất. Thay vào đó luôn là cảm giác buồn chán, mệt mỏi. Tuyệt nhiên không còn thấy thứ gì đáng quý. Sự có nhau trong đời hình như chỉ dừng lại như một thói quen. Tôi cũng không chắc vợ mình có buồn không. Ngay cả sự nhận biết tôi cũng không còn tinh táo. Giờ thì tôi già thật. Cô ấy lại trẻ quá. Khoảng cách giữa chúng tôi xa vời như giữa hai thế hệ. Con trai tôi thì cô lập theo một hướng khác. Biên độ cô đơn rộng hơn độ tuổi. Nó hay hỏi tôi những câu kiểu như “hạnh phúc là gì?”. Dĩ nhiên tôi không có câu trả lời. Tôi không muốn dối con. Cuộc đời tôi chưa từng chạm vào hạnh phúc.

Một buổi chiều nào đó hai bố con tôi ngồi bên nhau. Thành bé nhìn lên ngọn núi cao và ao ước có một ngày đặt chân lên đó. Tôi cũng từng ít nhất một lần muốn thử sức nhưng rồi lại nghĩ trèo lên đó cũng chẳng để làm gì. Thành nhỏ thì quả quyết:

- Chắc hẳn trên đỉnh núi phải có điều gì đó thú vị thì ông cụ kia mới leo lên leo xuống mỗi ngày.
- Bố chỉ thấy ông cụ chẳng mang theo bất cứ thứ gì.
- Có thể những thứ ông mang theo bố không thể nhìn bằng mắt được.



Thành bé khiến tôi chột dạ. Mỗi sáng có thể mẹ nó cũng mang theo những thứ tôi không nhìn thấy được. Lòng chung thủy? Nỗi cô đơn? Tôi đã quá già, chậm chạp trong từng ý nghĩ. Thành nhỏ lại cười mỉm, khóe môi hơi xệu xuống. Nó nói phở núi này giống như thành quách nhốt những tâm hồn đơn độc. Người này vì người kia mà ở lại. Cuối cùng chẳng có ai hạnh phúc.

Nghe như nó đang oán trách bố mình. Mười sáu tuổi nó cao đến vai tôi. Bóng điện hồng nó tranh leo lên thay, có gì nặng nó cũng giành mang vác. Tờ rơi du học nó mang gấp máy bay phi vào vèo qua cửa sổ. Tôi nhặt lên đọc thử nghĩ đến một ngày nó đủ can đảm rời bỏ nơi này. Không như tôi mỗi ngày ngay cả sự di chuyển trong tâm tưởng cũng đóng băng. Nhiều hôm tôi ngồi bất động, đầu óc rỗng tuếch. Lúc đứng lên ngã bổ nhào xuống đất vì hai chân đã tê liệt. Tôi bỗng sợ một ngày nào đó nếu cứ ngồi như hóa đá như thế thì mạch máu trong người cũng sẽ đóng băng. Lúc ấy không chỉ là tay chân tê cứng mà ngay cả trái tim cũng ngừng đập bất thành thành.

Một tối, nhà hàng xóm không thấy sáng đèn. Tôi nghĩ chắc có thể người trẻ đi chơi xa đâu đấy. Tuổi trẻ mà, ai chẳng có một vài lần lang bạt.

Nhưng vợ tôi thì bảo “biết đâu đấy, người già đã chết”. Ý nghĩ điên khùng thôi thúc cô ấy gõ cửa nhà hàng xóm vào sáng sớm hôm sau. Không có ai mở cửa chỉ có tiếng con sáo lanh lảnh vọng ra “đẩy cửa mà vào”. Cánh cửa như vỡ òa khi một bàn tay vừa chạm nhẹ. Tôi vừa kịp có mặt trong khoảnh khắc ấy. Không gian mở ra sáng bừng. Đồ đạc trong căn nhà ngăn nắp và sạch sẽ. Không có ai ở nhà, chỉ thấy trên bàn để một tờ giấy trắng. Trên tờ giấy ghi một dãy số kèm dòng chữ “bố lên núi chờ mẹ”. Vợ tôi lưỡng lự mãi rồi cũng quyết định bấm dãy số trên điện thoại. Người bắt máy khề thờ dài bảo “bố tôi chắc đã tìm thấy mẹ”. Chiều hôm đó rất nhiều người lên núi định đưa ông cụ xuống. Nhưng con trai cụ kịp về, anh ta nói ước mong cuối đời của ông cụ là khi chết sẽ được chôn trên đỉnh núi. Ở nơi đó ông có thể nhìn thấy rõ nhất con đường nối liền phở núi. Hai mươi năm trước cũng con đường ấy vợ ông đã bỏ đi. Suốt phần đời cuối cùng ông vẫn chờ đến một ngày gặp lại. Tôi lên núi tiễn đưa ông cụ. Tiễn đưa luôn phần hồn hời hợt của mình. Ở nơi này có lẽ mỗi ngày ông cụ đều nhìn thấy vợ tôi. Cái chết đơn độc của ông cụ đã giúp tôi thấy rõ những thứ mà thường ngày tôi không nhìn ra được.

Ngôi nhà tôi quay về hướng núi. Núi nghìn năm vẫn màu xanh ngằn ngặt. Hóa ra tôi đã lãng phí thời gian nhìn ngắm cuộc đời mình qua hình ảnh một ông già leo núi. Nếu một chiều nào đó vợ tôi không trở lại. Nếu một sáng nào đó con trai tôi cũng sẽ bỏ đi. Tôi có lẽ chẳng hơn gì ông cụ, mãi mòn chờ mong thứ hạnh phúc mình từng không nắm giữ... ■

Đến với Phật cùng tôi

Lời Tòa soạn: VHPG vừa nhận được tập sách Đến với Phật cùng tôi do tác giả là Giáo sư Cao Huy Thuần gửi tặng. Sách do Thư quán Hương Bối liên kết với Nhà xuất bản Hồng Đức thực hiện. Chúng tôi xin đăng tải bài viết Lời thư quán và Lời tác giả được in ở đầu sách để giới thiệu.

LỜI THƯ QUÁN

Anh Cao Huy Thuần - xin được gọi thân mật như thế - là một khuôn mặt trí thức được mến mộ từ nhiều năm nay qua các tác phẩm của anh. Dù viết về thể loại nào, hai tình cảm thiêng liêng vẫn quấn quýt nhau trong mỗi quyển sách: tha thiết với đất nước, gắn bó với đạo Phật. Đặc biệt của anh là văn phong. Nhẹ nhàng, trong sáng, ý nhị, duyên dáng, anh dùng lời văn để chuyển tải những ý tưởng phức tạp nhất, biến những vấn đề nặng như trái núi thành nhẹ như cánh bướm. Đạo Phật, qua các tác phẩm của anh, từ "Nắng và Hoa" đến "Sợi tơ nhện", trở nên giản dị, trẻ trung, dễ thấm vào lòng người. Người đọc anh không hề có cảm tưởng nghe người giảng đạo, chỉ nhẹ bước cùng anh vào thế giới an vui.

Cho đến nay, các nhà xuất bản đã đưa triết lý đạo Phật của anh vào các tác phẩm hòa lẫn chuyện đạo với chuyện đời. Đó cũng là chủ trương của anh, đạo Phật phải trẻ, phải thích hợp trong xã hội không ngừng biến đổi. Còn khá nhiều bài viết của anh về đạo Phật chưa được tập hợp lại thành sách: đó là những bài giới thiệu sách, bài nói chuyện, bài phỏng vấn trên báo chí. Các bài đó không kém văn chương và vẫn giàu ý tưởng. Chúng tôi thấy việc đó nên làm. Quyển sách này thực hiện được ước mong của chúng tôi và đáp ứng mong đợi của nhiều người.

Trong sách, các bài viết được giữ nguyên văn, chỉ ghi chú dưới mỗi bài, khi cần, để người đọc biết bài đã được viết trong bối cảnh nào, thời gian nào. Dù năm tháng xa hay gần, các bài viết vẫn giữ nguyên giá trị tư tưởng. Chúng tôi cũng xin phép được in lại hai bài viết ngắn đã in thành sách, với ý nghĩ rằng đọc anh Thuần bao nhiêu lần vẫn cứ tưởng như đọc lần đầu.

Xin chân thành cảm tạ tác giả và trân trọng giới thiệu sách với bạn đọc.

Hương Bối

LỜI TÁC GIẢ

Tôi thường nghe than thở: "Đạo Phật bây giờ suy đồi quá!". Nghe như vậy, tôi hỏi lại, đùa bỡn: Đạo Phật suy đồi? Có ai nói mặt trăng suy đồi vì bị mây che không? Bên kia mây trời vẫn là trăng ấy. Bên kia mây thế sự, đạo Phật chẳng là đạo Phật ấy hay sao?

Đạo Phật ấy, hãy đến cùng tôi. Không phải bằng chữ nghĩa cao siêu. Hãy đến với một cảm nhận đơn giản, như đến với một bóng im giữa buổi trưa hè.

Giữa trưa hè của thế sự, hãy đọc cùng tôi một chuyện thiền quen biết. Một ông Tăng hỏi một danh sư: "Trời nóng quá, làm sao thoát khỏi nóng?". Sư đáp: "Tại sao không đi

đến cái chỗ không lạnh cũng không nóng?". Tăng hỏi: "Có cái chỗ không lạnh không nóng ấy sao?". Sư nói: "Khi lạnh, hãy là ông phật lạnh. Khi nóng, hãy là ông phật nóng".

Thiền sư Shunryu Suzuki giải thích: "Khi quý vị khổ, phải khổ. Khi quý vị cảm thấy vui, phải cảm thấy vui. Đôi khi, phải là ông phật khổ. Đôi khi, phải là ông phật khóc. Và đôi khi, phải là ông phật hạnh phúc".

Ông nói thêm: "Hạnh phúc ấy không phải hoàn toàn giống như hạnh phúc mà người ta thường cảm thấy. Có một chút khác biệt, nhưng khác biệt ấy là căn bản. Bởi vì các ông phật biết cả hai mặt của thực tại nên các ông làm chủ được mình. Những chuyện xấu không làm các ông phiền, cũng như những chuyện tốt không làm các ông ngất ngây. Các ông có một niềm vui chân thực không bao giờ rời các ông".

Đôi khi chúng ta cũng nếm được chút niềm vui ấy. Không phải bằng chữ nghĩa. Bằng kinh nghiệm. Bằng cứ đi đến, đi đến với bóng im.

Than thở, than thở... bao nhiêu người than thở: Phật bây giờ bị nhét tiền vào tay, vào tai. Tôi nghĩ chúng ta phải là "ông phật lạnh" để thấy mặt bên kia của bàn tay nhét tiền: bàn tay ấy không mất Phật tính đâu. Chúng ta phải là "ông phật lạnh" để khổ, để khóc với những lời than thở, nhưng đồng thời cũng để thấy mặt sáng ở bên kia mặt tối. Thực tại nào chẳng có hai mặt? Trên cả hai mặt, Phật hiện ra, không từ chối ai, bởi vì Phật chỉ có một lòng thương xót. Vì thương xót mà Phật phải nói ra lời. Mới có đạo Phật. Đạo ấy, chính chúng ta phải áp dụng, Phật không áp dụng thế cho chúng ta. Đạo ấy, suy hay thịnh là tùy chúng ta có áp dụng hay không, nếu suy là tự con người, tự xã hội, tự chúng ta làm chúng ta khóc. Nhưng hãy biết khóc và hãy biết vui. Hãy vui với bóng im mà chúng ta đi đến.

Hãy đi đến với Phật. Cùng tôi.

Cao Huy Thuần



Dấu xưa Nhất Linh

TRỊNH CHU

Giữa thế kỷ XX, trải qua rất nhiều chặng đời đảo điên gió sóng, văn sĩ Nhất Linh, người linh xướng và cũng là thống soái của *Tứ lực văn đoàn*, tạm lánh Sài Gòn, về ẩn cư tại Đà Lạt. Ở phố núi mờ sương, trong những tháng ngày náu mình đợi thế sự đó, ông đã kịp để lại cho Đà Lạt một di sản, di sản về tên gọi các loại phong lan và địa lan.

"Cậu có biết vì sao tên các loại phong lan, địa lan ở Đà Lạt đều rất đẹp và gợi cảm không?", ông Chu Bá Nam - văn sĩ có lối sống khắc kỷ mà nghiêm ngặt như một ẩn sĩ ở TP.Đà Lạt - bỗng nhiên hỏi tôi. Tôi nói hú họa, chắc là chúng được khai sinh bởi một tay văn sĩ có tài. Và tôi thật sự bất ngờ khi nghe lời đáp: "*Quả vậy! Văn sĩ có tài đó chính là Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam!*".

Câu trả lời quá bất ngờ, lại đựng chứa nhiều thông tin về tác giả của *Đoạn tuyệt*, đã gợi cho tôi làm một

cuộc tìm kiếm dấu xưa Nhất Linh trên mảnh đất mà, theo lời ông Chu Bá Nam, từng là nơi được văn sĩ Nhất Linh lựa chọn để ẩn cư và tiêu dao cùng lan rừng. Kỹ sư lâm nghiệp Nguyễn Thượng Hiền - một người Đà Lạt yêu hoa, sưu tầm lan từ sau năm 1975 đến nay và hiện sở hữu hơn 300m² đất trồng lan rừng - là địa chỉ đầu tiên tôi gõ cửa. Bên hiên ngôi biệt thự cổ ở đường Nguyễn Du, vị kỹ sư già đang nâng niu, ngắm nghía giò lan vừa mới trở bông trông như con hạc trắng, thì tôi xuất hiện. Kỹ sư lâm nghiệp Nguyễn Thượng Hiền gằm mặt, gườm gườm nhìn tôi vẻ khó hiểu qua khoảng trống trên cái gọng kính đã ngả màu sừng trâu cũ kỹ, rồi tùm tùm: "Giò lan này có tên *Bạch hạc*", ông giới thiệu, "Cành lan cao, gầy, mảnh. Còn bông lan thì như soi mình xuống mặt nước phẳng lặng, giống con hạc trắng trầm mặc giữa hồ...".

"Chẳng những tên lan đẹp, lãng mạn, bay bướm thoi đầu, Nhất Linh còn là bậc thầy về khoản mô tả thần thái, dáng dấp của hoa. Như *Huyết nhung*, cánh lan có màu đỏ thắm nổi bật giữa vầng lá xanh ngà ngọc tựa gấm nhung. Như *Thủy tiên*, nàng tiên hoa nơi thủy cung. *Thủy tiên* có cánh hoa mảnh mai, trắng tinh khiết, mang đậm tính nữ, thủy mị, đầy vẻ quý phái, thanh sạch. Như *Nhất điểm hồng*, cánh hoa có màu trắng ngọc, đáy cánh hoa điểm một màu đỏ phớt. *Nhất điểm hồng* đẹp sơ giản, tất cả vẻ kiêu sa lặn hết vào bên trong, chỉ lộ ra ngoài một nét đỏ chấm phá trên nền hoa trắng tuyết", ông Đinh Văn Lân - nổi tiếng trong giới chơi lan Đà Lạt về cái sự tinh, sành trong thưởng lãm hoa, không ngờ đã có mặt từ trước - buông vài câu góp chuyện. "Khi gia nhập giới chơi lan, tôi mới vỡ lẽ ra cha đẻ của những *Hồn bướm mơ tiên*, *Đời mưa gió*, *Lạnh lùng*... không chỉ tài hoa trong lĩnh vực câu chữ mà còn là tay chơi lan sành sỏi và cũng rất tài hoa. Nhiều tên lan Đà Lạt đều được khai sinh bởi Nhất Linh. Ông cũng là người linh xướng trào lưu chơi lan ở Đà Lạt hồi thập niên năm mươi của thế kỷ trước", kỹ sư lâm nghiệp Nguyễn Thượng Hiền tình thật.

Thoạt kỳ thủy, lan Đà Lạt cũng như tất thảy mọi sự vật, hiện tượng trên thế gian này vốn dĩ không có danh xưng. Chỉ khi trên nẻo đường rừng, thể nhân bất ngờ tương ngộ loại hoa lạ ở đâu đó và đem lòng yêu mến, rồi căn cứ theo những đặc tính căn bản nhất (hình





dáng, hương thơm, màu sắc...), hay đơn giản vì thích tên gì (cái Tý, cái Tầm, cu Ít...) thì gán cho lan tên đó. Thế là tự dựng hoa có tuổi, mang tên. Tất nhiên, những cái tên ở thời điểm ấy, không thể và tài nào đẹp bằng những tên hoa đã được Nhất Linh gửi gắm tất cả tâm tình và tài năng của người yêu hoa. Chúng chỉ bình dị, mộc mạc như cuộc đời người dân sơn nguyên bình dị. Nếu xét trên bình diện khoa học, chắc hẳn danh xưng chẳng có tác động gì đến bản chất vật hoặc người hữu quan? Nhưng trong cuộc sống đời thường, tác động của danh xưng đến người hữu quan là chắc có. Chả thế mà trước kia, bậc túc nho có thể đoán được số mệnh của một con người, chỉ thông qua tên gọi của con người đó. Giai nhân, mệnh phụ cũng từ tên gọi mà thành. Quân vương, thức giả cũng từ đấy. Hiền, dữ cũng từ đấy. Bần hàn, đói rách cũng từ đấy... Tất cả nhập nhằng, tỏ mờ trong cái vòng quay chưa dễ gì rõ tường của con tạo.

Sự chính danh của lan Đà Lạt là dấu ấn tài hoa Nhất Linh để lại trong mối tương quan giữa danh học (khoa học về danh xưng/ tên gọi) và cuộc sống đời thường. Ông đã đặt cho hoa những tên đẹp nhất, hay nhất, ấn tượng nhất, đúng cái thần thái của giò lan một cách khoa học và sang trọng nhất. "Năm 1953, Nhất Linh lên Đà Lạt, sống ở đường Yersin. Thời gian này, ông lấy thú vui sưu tầm, trồng và chăm lan. Rộ nhất là khoảng từ năm 1955 đến năm 1957, Nhất Linh đã tạo được một bộ sưu tầm lan khá lớn", kỹ sư lâm nghiệp Nguyễn Thượng Hiền chia sẻ.

Nhất Linh chơi lan công phu, kỹ lưỡng và đầy dụng công. Ngoài sưu tầm, ông còn đặt mua từ Pháp những cuốn sách viết về các loại hoa phong lan trên thế giới, rồi tỉ mỉ phân loại, so sánh với lan Đà Lạt. Cùng đó, Nhất Linh vẽ lại từng đóa hoa một, ghi chú từng đặc tính, cẩn thận tập hợp tư liệu, chăm chút thay tên, đặt tên cho một số lan: *Bạch ngọc*, *Thanh ngọc*, *Nhất điểm hồng*... , sau khi đã trải qua quá trình nghiên cứu nghiêm túc về mỗi loại bằng nguồn đam mê sáng tạo như thể sáng

tác một tác phẩm văn chương. Ý định ban đầu của ông là sẽ có dịp viết một cuốn sách về lan. Sau này, vào năm 1963, ý định đó đã được Nhất Linh bộc lộ với con trai, khi người con gợi ý cha viết hồi ký: "... và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan". Tuy nhiên, như mọi người đều đã biết, ý định ban đầu của ông không thành hiện thực. Dẫu vậy, những tên gọi riêng của Nhất Linh dành cho hoa đã được giới chơi lan ở Đà Lạt chấp nhận và sử dụng rộng rãi từ bấy đến giờ.

"Trước khi rời Đà Lạt về lại Sài Gòn, ông có dựng một căn nhà gỗ nhỏ bên dòng suối Đa Mê - cách ngã ba Phi Nôm (huyện Đức Trọng) vài cây số - để tiện cho việc sưu tầm lan rừng", ông Đinh Văn Lân nói thêm. Tôi men theo thông tin này để tìm về bên con suối Đa Mê, cố tình dò hỏi những gì liên quan đến Nhất Linh, nhưng tất cả đã yên giấc cùng với giấc mộng của Nhất Linh thuở nào.

"Tài năng của Nhất Linh trong lĩnh vực văn học là cùng *Tự lực văn đoàn* tạo nên một cuộc vận động lớn mang tính bút phá về mặt thi pháp. Cụ thể ở đây là bút phá phủ nhận. *Tự lực văn đoàn* đã đoạn tuyệt với văn xuôi biến ngẫu. Còn dấu ấn của Nhất Linh trong thú chơi lan là đã khai sinh nhiều tên hoa hết sức ấn tượng: *Kim điệp*, *Thủy tiên*, *Hồ điệp*, *Long tu*, *Hoàng phi hạc*, *Hoàng y Mị nương*... và cũng hết sức tài năng", ông Chu Bá Nam kết luận.

Năm 1958, già từ Đà Lạt, Nhất Linh trở lại Sài Gòn.

Đà Lạt và người Đà Lạt, một ngày nào đó, có thể chẳng còn ai buồn nhắc, hoặc giả có muốn cũng chẳng còn biết để mà gợi lại dấu xưa Nhất Linh trong dáng hình lúi húi chăm bẵm cho từng giò lan đẹp bên hiên căn nhà nhỏ trên đường Yersin, hay trong bước chân văn nhân xao xác giữa đại ngàn tìm kiếm, sưu tầm những giò lan lạ. Nhưng Đà Lạt và người Đà Lạt, dẫu vô cảm vô tâm, cũng không thể làm mờ phai những tên phong lan, địa lan đẹp mê mẩn, mà ở đấy, Nhất Linh trong tư cách là kẻ sáng tạo ra chúng. ■



Nghĩa trang “đặc biệt” trong bệnh viện tâm thần

Bài & ảnh: BÙI TRƯỜNG TRÍ

Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có một nghĩa trang “đặc biệt” mà ít người biết đến: Nghĩa trang Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa. Gọi là đặc biệt vì ở đây chỉ chôn toàn người bệnh tâm thần và một số nhân viên làm việc trong bệnh viện. Ai từng một lần đến viếng nghĩa trang này sẽ luôn ám ảnh về thân phận của những con người đã nằm xuống...

Nghĩa tử là nghĩa tận

Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 (mà người dân vẫn thường gọi là Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa) được chính quyền thuộc địa Pháp cho khởi công xây dựng ngày 17-3-1915 trên một khuôn viên rộng hơn 22

hecta nằm ở trung tâm thành phố Biên Hòa ngày nay. Trải qua hơn một trăm năm, bệnh viện đã nhiều lần đổi tên và có chức năng nhiệm vụ khác nhau. Lúc mới thành lập, bệnh viện có tên là Asile d'Aliénés de Bien Hoa (Trú xá người điên Biên Hòa, hay Nhà thương điên Biên Hòa).

Tất nhiên, mọi bệnh nhân đều có ngày vào viện; nhưng rất nhiều người hầu như chẳng bao giờ biết được ngày về. Lúc đầu họ cũng được người nhà lui tới viếng thăm nhưng dần dần bị bỏ quên trong bệnh viện. Trong số này có rất nhiều bệnh nhân đã từng nằm viện hơn 30-40 năm với chồng hồ sơ cao chất ngất. Trên trăm năm qua, chẳng ai biết được có bao nhiêu bệnh nhân tâm thần đã đến và đi về đâu; chỉ biết rằng

cái nghĩa địa nằm khuất sau bệnh viện ngày càng lớn dần ra và đến hôm nay đã không còn sức chứa nữa.

Nghĩa trang bệnh viện được hình thành cùng thời kỳ bệnh viện được xây dựng. Khu nghĩa trang trải dài, rộng gần bằng một phần năm diện tích bệnh viện. Trước đây, diện tích nghĩa trang còn rộng hơn thế nữa nhưng sau năm 1975 đã bị người dân sống chung quanh lấn chiếm một phần. Bởi vậy, thời kỳ Phó Giáo sư Lý Anh Tuấn làm giám đốc bệnh viện, ông đã phải cho xây một bức tường rào dài hàng trăm mét mới ngăn nổi tình trạng lấn chiếm đó.

Chẳng thể nào biết được cụ thể có bao nhiêu người đã an nghỉ tại đây. Số liệu bệnh nhân tử vong tại bệnh viện trong vòng 20 năm từ 1975 đến 1995 đưa ra được con số cụ thể là 1.652. Nhưng nếu tính từ ngày thành lập thì số bệnh nhân tâm thần được chôn cất tại nghĩa trang chắc hẳn còn nhiều và rất nhiều hơn thế nữa.

Có thể thấy rằng thân phận của người bệnh tâm thần lúc chết cũng như khi còn sống. Lúc sống họ bị xã hội xa lánh và gia đình ruồng bỏ như một thứ độc hại; sống buồn tẻ trong bốn bức tường chật hẹp với cánh cửa sắt suốt ngày im ỉm khóa. May sao, họ còn có những người cùng cảnh ngộ và các thầy thuốc đầy tình thương và trách nhiệm biết chia sẻ yêu thương. Bệnh viện đã đùm bọc và nuôi dưỡng họ cả phần đời còn lại. Lúc chết, những nắm mồ của bệnh nhân tâm thần cũng nhỏ bé, lạnh lẽo và buồn tẻ. Theo thời gian, những nắm mồ này bị mưa gió xói mòn, san phẳng, cỏ dại mọc um tùm như trả con người về cùng cát bụi. Vào thăm bệnh viện, chẳng mấy ai dám bước chân đến khu vực này vì không gian nghĩa trang lúc nào cũng âm u và có vẻ gì ghê rợn. Những nắm mồ không có hàng lối, nằm chồng lên nhau và không người hương khói. Mùa mưa cỏ dại mọc um tùm, không tìm được lối đi. Đến mùa khô cây cỏ úa vàng, nếu ai đó sơ ý đánh rơi tàn thuốc lá thì có thể gây ra một vụ hỏa hoạn cháy rừng mà đã có lần bệnh viện phải huy động hàng chục người mới dập tắt được.

Anh Nguyễn Hùng Hiệp, người quản lý nhà xác của bệnh viện suốt mấy chục năm qua, kể lại rằng mỗi lần chôn người chết lòng anh buồn lắm. Khác với tang lễ rình rang, bà con bạn bè đưa tiễn ở ngoài đời; ở đây chỉ có một mình anh với xác chết. Sau 24 giờ ngồi canh xác, nếu không có thân nhân đến nhận thì một mình anh (hoặc nhờ thêm một người nào đó nữa) đưa xác bệnh nhân vào hòm, lạng lẽ đào huyệt rồi lạng lẽ khiêng ra nghĩa địa. Không một người đưa tiễn, không một nén nhang cho ấm lòng người chết...

Cần gìn giữ “di tích” nghĩa trang 100 năm tuổi

Bác sĩ Nguyễn Lợi, Trưởng khoa Hồi sức Cấp cứu kể lại: “Có một vài lần tôi vào sâu trong nghĩa địa. Đó là những lần tôi đi tìm bệnh nhân của mình trốn viện. Bất ngờ là tôi được biết ở đó còn có những ngôi mộ của các



đời giám đốc và nhân viên trong bệnh viện: các bác sĩ Nguyễn Văn Hoài, Tô Dương Hiệp, Nguyễn Hữu Khánh, các nhân viên điều dưỡng Lê Thị Xứng, Nguyễn Thục Kim... Đọc từng tấm bia mộ mà lòng tôi bồi hồi xúc động. Không ngờ rằng những thầy thuốc tâm thần trước đây suốt cả cuộc đời đã gắn bó với bệnh nhân tâm thần thì lúc chết họ cũng quây quần bên cạnh người bệnh thân yêu của mình. Không có ranh giới nào phân cách giữa thầy thuốc và bệnh nhân tâm thần...”

Hóa ra bệnh nhân tâm thần cũng “sướng” thật. Lúc chết rồi họ vẫn có những người thầy thuốc tâm thần đầy tình thương yêu luôn gần gũi để sẵn sàng giúp đỡ họ. Đã bao năm qua rồi, nghĩa trang Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa gần như hoang phế và bị lãng quên vì thiếu bàn tay người chăm sóc. Một phần diện tích đã bị lấn chiếm và mới đây bệnh viện quyết định cắt một phần của nghĩa trang để giao cho Phân viện Giám định Pháp y Tâm thần phía Nam xây dựng cơ sở làm việc. Không thể trách những người đi trước sao nở thờ ơ, vì vào cái thời buổi kinh tế khó khăn lo cho người sống đã khó thì còn tâm trí và sức lực đâu để lo cho người chết.

Những năm gần đây bệnh viện đã được đầu tư xây dựng mới và trở thành một cơ sở khang trang đẹp đẽ với những ngôi nhà xinh xắn và nhiều mảng cây xanh im mát. Trong sự phát triển của bệnh viện cũng cần chú ý bảo tồn những giá trị vật chất và tinh thần để xứng tầm với một bệnh viện có bề dày lịch sử trên trăm năm. Trong tất cả những cái cần được lưu giữ, nghĩa trang bệnh viện cũng cần được xem xét và đánh giá một cách nghiêm túc. Ở đó có hàng nghìn, hàng vạn bệnh nhân tâm thần và cả những thầy thuốc, danh nhân đất nước đang yên nghỉ. Nếu được cải tạo và quản lý tốt, đây có thể là một điểm nhấn trong nhiều cái đẹp của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2. Chỉ có làm được như vậy, chúng ta mới bày tỏ được lòng biết ơn những bậc tiền bối đã mất và cả bệnh nhân tâm thần. Chính nhờ có họ mà bệnh viện mới có cơ hội hình thành và phát triển trong gần 100 năm. ■



Điêu khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhaigo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com



"TRẺ EM TRONG GIA ĐÌNH"
BỘ SÁCH DẠY TRẺ KIỂU NHẬT



THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

Tại Hà Nội: 53 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - 043 7930480

Tại TP HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P. 14, Q.Phú Nhuận, TP HCM - 08 3991 3276

Nhà sách Thái Hà:

Tại Hà Nội: 119C5 Tô Hiệu, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Tại TP HCM: Đường sách Nguyễn Văn Bình, Bến Nghé, Q.1, TP HCM

www.thaibooks.com/nhasachthaiha.vn

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



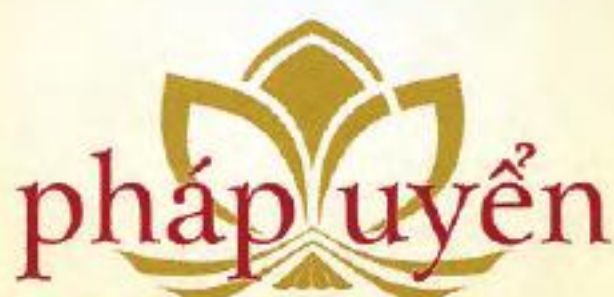
CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08.35 035 579 - 08.36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANGNGHECO., LTD.
NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐĐT: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh

☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3

Siêu thị Sutra ☎ 0903.806.155
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8

Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm -
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Pure Minimarit ☎ 0913.55.47.22
Số 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội

Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miến - Văn Miếu - Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

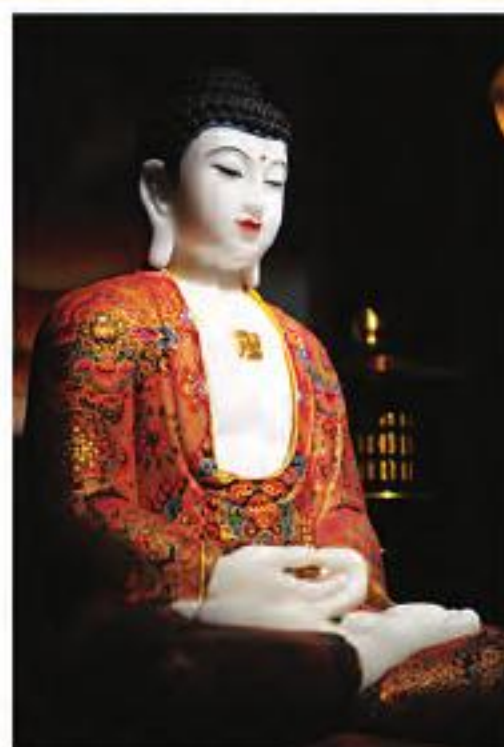
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





DIÊU TƯỜNG AM NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diêu Tường Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật, hay để cung kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vì đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



DIÊU TƯỜNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 684 913



DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 484558



www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

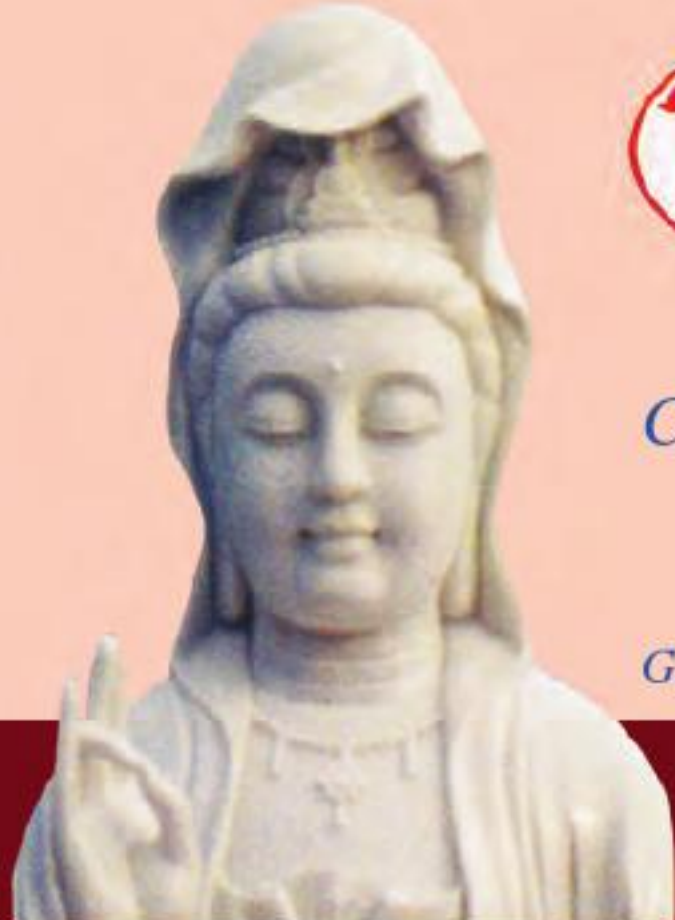
Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



Hòa trong không khí vui tươi của toàn nhân loại đón mừng Khánh Đản (PL.2560), Zen Art thành kính tư duy sáng tác tôn tượng Phật Đản sanh cao 0,89 mét để dâng cúng ngôi chùa hữu duyên cho Phật tử chiêm bái





CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ
MỸ HẢO
 Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN
 Giám đốc
 DD: 0989 212189 - 0122 868 7979

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
 (gần Khu công nghiệp Tam Phước)
 Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
 ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
 Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hồi: STK: 1920206053273
 Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 251

Phát hành ngày 15 - 6 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH: HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG